

Tuần: 1

Tiết: 1

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

CHỦ ĐỀ A: MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

TÊN BÀI DẠY

Bài 1: THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU

Môn: Tin học. **Lớp:** 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Hiểu dữ liệu, thông tin và vật mang tin là gì?
- Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu.
- Phân biệt được thông tin và vật mang tin.
- Nêu được ví dụ minh họa mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu.
- Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin.

Đối với HS Trần Quang Hiếu: - Biết dữ liệu, thông tin và vật mang tin là gì?

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm Thông tin, dữ liệu, vật mang tin.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Thông tin, dữ liệu, vật mang tin.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực C (NLC): Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông:

- Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu.
- Phân biệt được thông tin với vật mang tin.
- Nêu được ví dụ minh họa mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu.
- Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin

Đối với HS Trần Quang Hiếu: Biết đâu là dữ liệu, thông tin, vật mang tin.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Trách nhiệm: Có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ, hoàn thành báo cáo kết quả.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính, tivi.

2. **Học liệu:**

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ, phiếu đánh giá kết quả.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung bài mới,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tự đọc và khám phá kiến thức qua các hoạt động học. Trình bày kết quả trên bảng nhóm.

b. Nội dung: Hướng dẫn thực hiện trò chơi, nội dung yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Kết quả trả lời của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp ra làm 4 nhóm.

GV hướng dẫn hoạt động dạy học thông qua trò chơi “Ai quan sát nhanh hơn” và giải đáp thắc mắc của HS:

Thẻ lệ trò chơi: Các nhóm sẽ quan sát xung quanh lớp học và điền vào bảng nhóm những gì em quan sát được (từ 5 – 10 nội dung). Các nhóm trình bày.

Đối với HS Trần Quang Hiếu: Nêu được từ 1-2 nội dung quan sát được.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và thực hiện hoạt động khám phá theo nhóm.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trả lời. HS khác nhận xét ý kiến của bạn và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

2.1. Thông tin và dữ liệu

2.1.1. Khái niệm thông tin và vật mang tin.

a. Mục tiêu hoạt động: HS biết được khái niệm thông tin, dữ liệu và vật mang tin.

b. Nội dung: Nêu những gì thấy được, biết được.

c. Sản phẩm: Hs Trình bày trên phiếu giao nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV chuyển giao nhiệm vụ:** triển khai phiếu giao nhiệm vụ:

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 1	
Nhóm....	
Câu 1: Trong những nội dung các nhóm được thu thập được ở hoạt động khởi động, các nhóm hãy phân loại những gì em nhìn thấy, điều gì em biết?	
<i>Em nhìn thấy những gì?</i>	<i>Em biết những gì?</i>
.....	
Câu 2: Qua hoạt động khởi động ở trên em hãy kể tên một số thông tin và vật mang tin mà em quan sát được?	
<i>Vật mang tin</i>	
.....	

Đối với HS Trần Quang Hiếu: Từ nội dung quan sát ở phần khởi động em biết được những gì? Chỉ ra vật mang tin?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ 1.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

*** Ghi nhớ:**

Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh về chính bản thân mình.

Dữ liệu là những gì con người tiếp nhận để có được thông tin, dữ liệu được thể hiện dưới dạng các con số, văn bản, hình ảnh, âm thanh

Vật mang thông tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin

2.1.2 Môi quan hệ giữa thông tin, vật mang tin và dữ liệu:

a. Mục tiêu hoạt động: HS biết được mối quan hệ giữa thông tin, vật mang tin và dữ liệu.

b. Nội dung: Yêu cầu của GV, các nội dung kết luận.

c. Sản phẩm: Hs trả lời câu hỏi của GV đưa ra.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên đặt vấn đề: Từ khái niệm của thông tin, dữ liệu và vật mang tin mà các em đã nắm được. Các em hãy trả lời câu hỏi sau: Hãy nêu sự khác nhau của thông tin và vật mang tin?

Giáo viên thực hiện tình huống: GV sẽ trình bày nội dung bằng văn bản, bằng ngôn ngữ tùy chọn (một ngôn ngữ không phổ biến mà học sinh chưa sử dụng) và đề nghị học sinh hãy giải thích nội dung trên?

GV đặt vấn đề: Vậy trong tình huống trên dữ liệu có đem lại cho chúng ta thông tin hay không? và sự hiểu biết mà thông tin đem lại phụ thuộc vào vấn đề gì?

Đối với HS Trần Quang Hiếu: Nêu thông tin GV vừa trình bày?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện và trả lời câu hỏi của GV.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trả lời. HS khác nhận xét ý kiến của bạn và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

*** Ghi nhớ:**

Dữ liệu đem lại thông tin nên đôi khi dữ liệu cũng được thay bằng thông tin, tuy vậy thông tin và dữ liệu vẫn có những điểm khác nhau.

2.2. Tầm quan trọng của thông tin.

a. Mục tiêu:

- Biết tầm quan trọng của thông tin là đem lại hiểu biết cho con người và có khả năng làm thay đổi hành động của con người.

- Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin.

- Giáo dục kĩ năng sống trong học sinh.

b. Nội dung:

- Hoạt động đọc trong sách giáo khoa.

c. Sản phẩm học tập:

- Học sinh biết được tầm quan trọng của thông tin.

- Học sinh cho được ví dụ.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV chuyển giao phiếu giao nhiệm vụ:**

Câu hỏi: Từ bài học rút ra được ở tình huống trong hoạt động khởi động. Em hãy nêu tầm quan trọng của thông tin và đưa ra một số ví dụ về tầm quan trọng của thông tin?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS nêu tầm quan trọng của thông tin và cho ví dụ .

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm trình bày ví dụ. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

*** Ghi nhớ:**

- Thông tin đem lại sự hiểu biết cho con người. Mọi hoạt động của con người đều cần đến thông tin

- Thông tin đúng giúp con người có những lựa chọn tốt, giúp cho hoạt động của con người đạt hiệu quả.

3. Hoạt động 3. Luyện tập

a. Mục tiêu hoạt động:

Khắc sâu kiến thức đã học ôn tập lại các khái niệm thông tin, dữ liệu, vật mang tin.

b. Nội dung: Phiếu giao số 2 và bài báo của của các nhóm.

c. Sản phẩm: Hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 2.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

Trình chiếu phiếu giao nhiệm vụ số 2, và cho các nhóm trình bày kết quả phiếu giao nhiệm vụ của nhóm.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 2		
Nhóm....		
1. Em hãy ghép mỗi mục ở cột A với mục phù hợp ở cột B		
A		B
1) Thông tin		a) Tấm bảng, giấy, thẻ nhớ, USB,...
2) Dữ liệu		b) Các số, văn bản, hình ảnh, âm thanh,...
3) Vật mang tin		c) Những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quang và chính bản thân
2. Mỗi dòng sau đây là thông tin hay dữ liệu?		
• 0916901749 • 13:00		
Hôm nay nhiệt độ ở Quảng Nam là 37 ⁰ C		

Đối với HS Trần Quang Hiếu: Thực hiện câu 2

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trong nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

4. Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu hoạt động: HS vận dụng kiến thức được hình thành giải quyết được các yêu cầu của phiếu giao nhiệm vụ.

b. Nội dung: Phiếu giao nhiệm vụ 3, nội dung trình bày của học sinh.

c. Sản phẩm: HS thực hiện các yêu cầu của phiếu giao nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

GV trình bày phiếu nhiệm vụ số 3, các nhóm báo cáo kết quả đã thực hiện ở phiếu giao nhiệm vụ.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 3	
Nhóm...	
a. Hãy làm một cuộc khảo sát sở thích về các môn thể thao của các bạn trong nhóm em để trả lời các câu hỏi sau:	
- Môn thể thao nào được nhiều bạn yêu thích nhất?	
- Môn thể thao nào có số bạn nữ tham gia nhiều nhất?	
- Có bao nhiêu môn thể thao có từ 6 bạn trở lên yêu thích?	
b. Trong bài tập trên, em hãy mô tả?	
- Dữ liệu gồm những gì?	
- Thông tin thu được là gì?	
- Vật mang tin là gì?	

Đối với HS Trần Quang Hiếu: Thực hiện câu - Môn thể thao nào được nhiều bạn yêu thích nhất?

- Thực hiện nhiệm vụ: HS trình bày kết quả của nhóm.

- Báo cáo, thảo luận: GV cho HS trong nhóm trình bày, HS các nhóm khác nhận xét bài báo cáo của bạn và rút ra vấn đề.

- Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết luận.

Tuần: 2

Tiết: 2

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

BÀI 2: XỬ LÝ THÔNG TIN

Môn: Tin học Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Nêu được các hoạt cơ bản trong xử lý thông tin.
- Giải thích được máy tính là công cụ để thu nhập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin.
- Nêu được ví dụ minh họa cụ thể

Đối với HS Trần Quang Hiếu: Biết các hoạt cơ bản trong xử lý thông tin.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về các bước cơ bản trong quá trình Xử lý thông tin, các thành phần cấu tạo và khả năng xử lý thông tin hiệu quả của máy tính.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: quy trình Xử lý thông tin, các thiết bị vào (thu nhận thông tin), bộ nhớ (lưu trữ thông tin), bộ xử lý (xử lý thông tin) và thiết bị truyền ra (truyền, chia sẻ thông tin) trong máy tính điện tử.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về Xử lý thông tin trong một tình huống thực tế, biết cách vận dụng quy trình xử lý thông tin trong việc tìm kiếm, thu thập và lưu trữ thông tin về lĩnh vực cần quan tâm trên mạng Internet (suy nghĩ và đưa ra ý tưởng về việc tìm kiếm).

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông:

– *Sử dụng* được các thiết bị vào của máy tính để thu nhận thông tin.

Đối với HS Trần Quang Hiếu: Biết sử dụng được các thiết bị vào của máy tính.

NLC: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông:

– *Nêu* được ví dụ minh họa về các bước trong quy trình xử lý thông tin của máy tính điện tử.

– *Phân biệt* được hiệu quả của quá trình xử lý thông tin khi có sử dụng và không sử dụng máy tính điện tử hỗ trợ.

NLD: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học:

– *Sử dụng* máy tính có kết nối mạng để tìm kiếm thông tin cần thiết trên mạng Internet.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Hình thành ý thức điều chỉnh hành vi dựa trên nhận thức và suy xét về thế giới.

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: SGK, Bài giảng, màn chiếu, bộ máy tính, bảng nhóm

2. Học liệu:

- Giáo viên: Kế hoạch dạy học (nội dung dạy học, phiếu học tập).
- Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung bài mới,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được vấn đề cần giải quyết: quá trình thu nhận, xử lý và truyền tải thông tin từ những hoạt động của thế giới xung quanh.

b. Nội dung: Quá trình xử lý thông tin.

c. Sản phẩm:

- HS biết được một cách sơ bộ các bước xử lý thông tin cơ bản.
- Hoàn thiện nội dung phiếu giao nhiệm vụ số 1.

Đáp án phiếu học tập số 1:

- a) Mắt
- b) Ghi nhớ vị trí cầu môn
- c) Điều khiển chân sút hiệu quả
- d) Sút phạt đền

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Phiếu học tập số 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Nhóm....	
Câu 1: Hãy quan sát một video về một cầu thủ bóng đá thực hiện quả phát đền.	
a) Bộ não của cầu thủ nhận được thông tin từ những giác quan nào?	b) Thông tin nào được bộ não cầu thủ ghi nhớ và sử dụng đá phạt?
.....	
c) Bộ não xử lý thông tin nhận được thành thông tin gì?	d) Bộ não chuyển thông tin điều khiển thành thao tác nào của cầu thủ?
.....	

Mỗi nhóm 01 phiếu học tập, hoạt động nhóm thảo luận tổng nhất kết quả trên phiếu học tập số 1

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Cho HS quan sát Video và hoạt động nhóm thảo luận tổng nhất kết quả điền kết quả vào phiếu học tập số 1.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình thông qua phiếu học tập.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, kết luận:

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Xử lý thông tin:

a. Mục tiêu: Nâng cao năng lực phân tích, tư duy trừu tượng, hình dung thông tin được xử lý ở mỗi hoạt động xử lý thông tin cơ bản. Ngoài ra HS nhận biết được sự khác biệt giữa hoạt động thông tin và hoạt động cơ học.

b. Nội dung: Phiếu học tập số 2 và các đoạn văn mô tả về hoạt động sút bóng của các cầu thủ.

c. Sản phẩm:

Đáp án phiếu học tập số 2:

a) Thu nhận thông tin (Nghe thông tin về chương trình ca nhạc)

b) Thu nhận thông tin (Xem chương trình thời sự)

c) Lưu trữ thông tin (Chép bài vào vở)

d) Xử lý thông tin (Thực hiện phép tính nhân)

d. Tổ chức thực hiện:

Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các ví dụ hoạt động thông tin của con người trong cuộc sống.

Hướng dẫn học sinh thực hiện thảo luận, trình bày được: Các ví dụ hoạt động thông tin của con người. Học sinh quan sát và nêu được sơ đồ hoạt động thông tin của con người.



Hình 1.1. Các hoạt động xử lý thông tin của con người

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV phát Phiếu học tập, yêu cầu HS thực hiện điền thông tin vào phiếu HT

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2	
Nhóm....	
Mỗi việc dưới đây thuộc hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin? Giải thích tại sao?	
a) Em đang nghe chương trình ca nhạc trên đài tiếng nói Việt Nam	b) Bố em xem chương trình thời sự trên tivi
.....	
c) Em chép bài trên bảng vào vở	d) Em thực hiện một phép tính nhân
.....	

Đối với HS Trần Quang Hiếu: Trả lời câu hỏi c của phiếu học tập

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Quan sát hình ảnh các hoạt động xử lý thông tin của con người, thảo luận nhóm đôi và điền vào phiếu học tập số 2.
- **Báo cáo, thảo luận:** Nhóm đôi (Đại diện 1 đến 2 nhóm báo cáo, các nhóm còn lại quan sát và nhận xét, chấm chéo)
- **Kết luận, nhận định:** GV quan sát, nhận xét, chốt lại kiến thức:

*** Ghi nhớ:**

Các hoạt động xử lý thông tin bao gồm:

- | | |
|----------------------|--------------------|
| + Thu nhận thông tin | + Xử lý thông tin |
| + Lưu trữ thông tin | + Truyền thông tin |

2.2. Xử lý thông tin trong máy tính.

a. Mục tiêu:

- HS nêu được các thành phần của máy tính để thực hiện hoạt động xử lý thông tin.

- HS nêu được ví dụ minh họa máy tính là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin.

b. Nội dung: Yêu cầu HS nêu được thành phần để xử lý thông tin, hoạt động cơ bản của quá trình xử lý thông tin.

c. Sản phẩm:

- Nêu được các thành phần của máy tính để thực hiện hoạt động xử lý thông tin.

- HS nêu được ví dụ minh họa máy tính là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin.

Câu trả lời của HS:

1. B

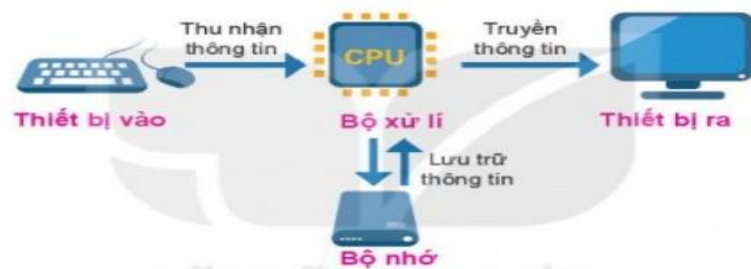
2. C

3. Máy tính là thiết bị hỗ trợ con người xử lý thông tin một cách hiệu quả do nó có thể thực hiện nhanh các lệnh, tính toán chính xác, xử lý nhiều dạng thông tin, lưu trữ thông tin với dung lượng lớn và hoạt động bền bỉ.

d. Tổ chức thực hiện:

- Hướng dẫn học sinh tìm hiểu máy tính gồm những thành phần để thực hiện được các hoạt động xử lý thông tin.

- Học sinh vẽ sơ đồ hoạt động xử lý thông tin của máy tính.



Hình 1.2. Các hoạt động xử lý thông tin của máy tính

- Nêu ví dụ máy tính giúp con người trong bốn bước xử lý thông tin.

- So sánh hiệu quả thực hiện công việc trên khi sử dụng và không sử dụng máy tính?

Chuyển giao nhiệm vụ :

GV nêu yêu cầu học sinh trả lời cá nhân:

?1 Máy tính gồm mấy thành phần để có thể thực hiện được các hoạt động xử lý thông tin

a) 3

b) 4

c) 5

d) 6

?2 Chức năng của bộ nhớ máy tính là gì?

a) Thu nhận thông tin

b) Hiển thị thông tin

c) Lưu trữ thông tin

d) Xử lý thông tin

?3 Máy tính giúp con người nâng cao hiệu quả trong những hoạt động nào của quá trình xử lý thông tin?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Trả lời các câu hỏi giáo viên nêu ra.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời cá nhân

- **Kết luận, nhận định:** GV quan sát, nhận xét, chốt lại.

*** Ghi nhớ:**

- Máy tính có đủ bốn thành phần thực hiện các hoạt động xử lý thông tin: Thiết bị vào (thu nhận thông tin), bộ nhớ (lưu trữ thông tin), bộ xử lý (xử lý thông tin) và thiết bị ra (truyền và chia sẻ thông tin)

- Máy tính là thiết bị hỗ trợ con người xử lý thông tin một cách hiệu quả do nó có thể thực hiện nhanh các lệnh, tính toán chính xác, xử lý nhiều dạng thông tin, lưu trữ thông tin với dung lượng lớn và hoạt động bền bỉ.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại các bước trong quy trình Xử lý thông tin, phân loại được bước Thu nhận, Lưu trữ, Xử lý và Truyền tin thông qua các hoạt động cụ thể của con người. Hiểu được vật mang tin rất đa dạng.

b. Nội dung: Đoạn văn bản, các câu hỏi trong phần luyện tập. Phân loại các hoạt động *Thu nhận*, *Lưu trữ*, *Xử lý* và *Truyền tin* (sự phân loại này đôi khi chỉ mang tính chất tương đối).

c. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS.

Câu 1:

Trả lời: Vật mang tin xuất hiện trong hoạt động lưu trữ thông tin và truyền thông tin. Bộ nhớ là một vật mang tin

Câu 2:

Trả lời:

a) Thu nhận thông tin

b) Lưu trữ thông tin

c) Xử lý thông tin

d) Truyền thông tin

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Yêu cầu các nhóm thảo luận, ghi câu trả lời vào phiếu và đại diện nhóm trả lời.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 3

Nhóm...

Câu 1: Vật mang tin xuất hiện trong hoạt động nào của quá trình xử lý thông tin? Bộ nhớ có là vật mang tin không?

Đáp án

Câu 2: Em hãy phân loại những công việc sau đây theo các hoạt động của quá trình xử lý thông tin:

- a) Quan sát đường đi của một chiếc tàu biển
- b) Ghi chép các sự kiện của một chuyến tham quan
- c) Chuyển thể một bài văn xuôi thành văn vần
- d) Thuyết trình chủ đề tình bạn trước lớp

Đáp án

- Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận nhóm kết hợp với SGK và điền vào phiếu học tập số 3

- Báo cáo, thảo luận:

Đại diện các nhóm báo cáo, nhóm khác bổ sung ý kiến.

HS đánh giá chéo.

- Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của hs.

GV tổng kết

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng được quy trình xử lý thông tin vào các hoạt động thực tế.

b. Nội dung: Đưa ra câu hỏi về thu nhận thông tin (Đi đâu? Với ai? Xem gì? Chơi gì?, ...); lưu trữ thông tin (ghi chép thông tin), xử lý thông tin (kẻ bảng, sơ đồ tư duy,...), truyền thông tin (hỏi ý kiến phụ huynh hoặc trao đổi kế hoạch với các bạn trong lớp).

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm.

Câu 1:

- Tìm hiểu về thời tiết, địa điểm đi chơi
- Ghi chép lịch trình, thời gian đi
- Tìm kiếm thông tin, quan sát xem thời gian, thời tiết có phù hợp
- Nói cho mọi người nghe về thời gian thích hợp để đi

Câu 2:

- a) Y tế: Lưu trữ bệnh án bệnh nhân, các chỉ số sức khỏe của con người
- b) Giáo dục: Tính toán, lưu trữ số liệu, kiến thức
- c) Âm nhạc: Quảng bá âm nhạc, nghe và chia sẻ âm nhạc
- d) Hội họa: Thiết kế tranh ảnh, lưu trữ và truyền bá hội họa đến mọi người
- e) Xây dựng: Thiết kế, lưu trữ các mô hình kiến trúc.....

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu học sinh trả lời cá nhân

Câu 1: Giả sử em được đi dã ngoại, em hãy phân tích các hoạt động xử lý thông tin liên quan đến việc lên kế hoạch cho chuyến đi.

Câu 2: Em hãy liệt kê những lợi ích của máy tính ở một trong các lĩnh vực sau đây để thấy rõ hiệu quả của việc xử lý thông tin bằng máy tính

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Trả lời các câu hỏi giáo viên nêu ra.

- **Báo cáo, thảo luận:**

HS trả lời cá nhân

HS nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:**

- + GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của hs.
- + GV tổng kết

Tuần: 3, 4

Tiết: 3, 4

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

BÀI 3: THÔNG TIN TRONG MÁY TÍNH

Môn: Tin học lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về:

- Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin với chỉ hai ký hiệu 0 và 1.
- Biết được bit là đơn vị lưu trữ thông tin nhỏ nhất.
- Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin.
- Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ...

Đối với HS Trần Quang Hiếu:

- **Biết được bit là đơn vị lưu trữ thông tin.**
- **Biết được tên của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin.**

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- **Năng lực tự chủ và tự học:** HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi liên quan đến biểu diễn thông tin trong máy tính.

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** HS có khả năng quan sát, khám phá thế giới số xung quanh, trong cách thể hiện, biểu diễn

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** HS có khả năng hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực Tin học

- NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông
+ Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.

Đối với HS Trần Quang Hiếu:

- **Biết được bit là đơn vị lưu trữ thông tin.**

- NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học
+ Hình thành được tư duy về mã hóa thông tin.

- NLe: Hợp tác trong môi trường số

+ Có khả năng làm việc nhóm, hợp tác để tiếp thu kiến thức và hoàn thành các yêu cầu giáo viên.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Ham học, khám phá: Có khả năng quan sát, phát hiện vấn đề; ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được để giải thích một số hoạt động số hóa trong xã hội số.

Trách nhiệm: có trách nhiệm với các công việc được giao trong hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. **Thiết bị dạy học:** SGK, Bài giảng, màn chiếu, bộ máy tính, bảng nhóm.

2. **Học liệu:**

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ, phiếu đánh giá kết quả.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung bài mới,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. **Mục tiêu:** Giúp các em hình dung được rằng một số thập phân có thể được biểu diễn dưới dạng một dãy các ký hiệu 0 và 1.

b. **Nội dung:** GV giới thiệu mục đích, yêu cầu và tiến trình của hoạt động trước toàn lớp. HS thực hiện hoạt động trò chơi “**Tìm bạn**” giữa các nhóm.

c. **Sản phẩm:** Kết quả biểu diễn của dãy 0 và 1 của các nhóm.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Trò chơi “**Tìm bạn**”.

+ Hướng dẫn luật chơi: Mời 7 bạn HS + Nhóm trưởng (Vị trí số 4) đứng thành 1 hàng ngang (Quy ước mỗi bạn là số thứ tự từ 0 đến 7). Các nhóm thực hiện thu gọn ba lần:

♦ Thực hiện chia hai nửa (trái, phải) của hàng đều nhau.

♦ Kiểm tra nhóm trưởng thuộc nửa nào (Quy ước nhóm trưởng ở nửa trái viết 0, nửa phải viết 1) và loại bỏ nửa nhóm HS không có nhóm trưởng.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Tham gia trò chơi và đưa ra các phương án trả lời.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đáp án của câu hỏi. Nhóm cử ra một bạn ghi kết quả lên bảng.

- **Kết luận, nhận định:**

GV cùng toàn lớp thảo luận đáp án và kết luận: Số 4 được mã hóa thành **100**.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Biểu diễn thông tin trong máy tính

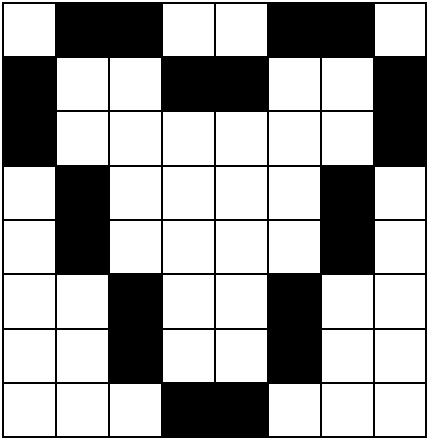
a. **Mục tiêu:** Giúp các em biết và vận dụng được cách biểu diễn một hình ảnh đen trắng dưới dạng một (các) dãy ký hiệu 0 và 1

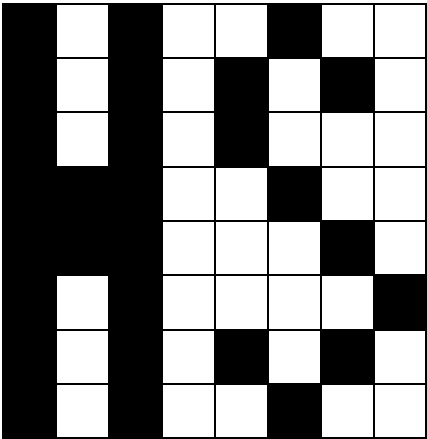
b. **Nội dung:** GV giới thiệu mục đích, yêu cầu của HĐ thảo luận trước toàn lớp. HS thực hiện hoạt động trò chơi theo nhóm (4 HS).

c. Sản phẩm: Kết quả hình trái tim, hình chữ biểu diễn dưới dạng một ma trận điểm đen – trắng được chuyển thành các dòng ký hiệu 0 và 1; kết quả nối các dòng ký hiệu 0 và 1 này thành một dãy ký hiệu 0 và 1. Nhóm thực hiện đúng và nhanh nhất được cộng 2 điểm cộng cho mỗi các nhân. 2 nhóm về nhì và thực hiện đúng được cộng 1 điểm cho mỗi cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyên giao nhiệm vụ:** Giáo viên phát một số hình ma trận điểm ảnh đen trắng khác nhau và cho các nhóm học sinh bốc thăm.

PHIẾU HỌC TẬP 1a	
Nhóm:	
Cho hình vuông mỗi chiều 8 ô. 	Cho hình vuông mỗi chiều 8 ô. Hãy: - Chuyển mỗi dòng thành dãy bit? => - Chuyển cả hình thành dãy bit? =>

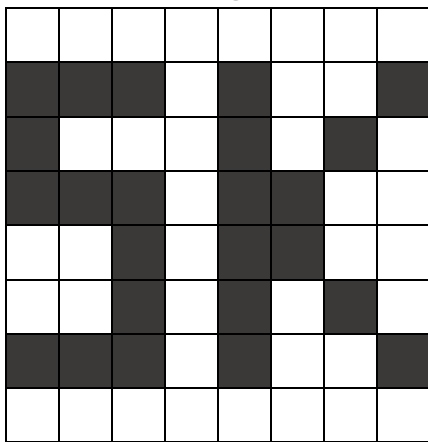
PHIẾU HỌC TẬP 1b	
Nhóm:	
Cho hình vuông mỗi chiều 8 ô. 	Cho hình vuông mỗi chiều 8 ô. Hãy: - Chuyển mỗi dòng thành dãy bit? => - Chuyển cả hình thành dãy bit? =>

	
--	-------

PHIẾU HỌC TẬP 1c

Nhóm:

Cho hình vuông mỗi chiều 8 ô.



Cho hình vuông mỗi chiều 8 ô. Hãy:

- Chuyển mỗi dòng thành dãy bit?

$$\Rightarrow \dots$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Chuyển cả hình thành dãy bít?

$\Rightarrow$

.....

Đối với HS Trần Quang Hiếu: Cho đọc 1 dãy bút bất kì trong 3 hình trên.

- Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm thực hiện và cử một bạn ghi kết quả lên bảng

- Báo cáo thảo luận:

- + HS trình bày kết quả của câu hỏi.

+ Nhóm cử ra một ban lên bảng trình bày kết quả.

+ GV cùng toàn lớp thảo luận đáp án.

- Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

*** Ghi nhớ:**

+ Trong máy tính tất cả các thông tin dạng văn bản, hình ảnh, âm thanh đều được chuyển thành dãy bit. Mỗi bit là một kí hiệu 0 hoặc 1 hay còn gọi là chữ số nhị phân.

+ Bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.

2.2. Đơn vị đo thông tin:

a. Mục tiêu:

- Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin.
- Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, USB, thẻ nhớ, ...

b. Nội dung:

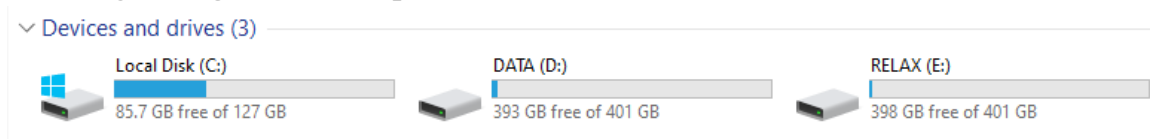
- GV giới thiệu về các đơn vị đo dung lượng thông tin.
- Giới thiệu mục đích, yêu cầu, cách thực hiện và tiến trình của hoạt động trước toàn lớp.
- HS thực hiện hoạt động cá nhân.
- HS thực hiện hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Học sinh nêu được ý kiến, trả lời được câu hỏi. Nếu HS (Nhóm HS) nào trả lời đúng câu hỏi sẽ được cộng 1 điểm vào điểm kiểm tra thường xuyên.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

- + GV ghi lên bảng kí hiệu của một số đơn vị đo dung lượng thông tin rồi gọi HS đứng dậy đọc các kí hiệu?
- + Chia nhóm, mỗi nhóm 4 học sinh.
- + Yêu cầu các nhóm quan sát hình ảnh trên màn hình máy chiếu hoặc tình huống trực tiếp trên máy tính để: Cho biết thông tin về dung lượng ổ đĩa, cho biết thông tin về dung lượng của mỗi tệp?



Hình 1

Name	Date modified	Type	Size
Tep1	6/14/2021 6:35 PM	Microsoft Word D...	1,346 KB
Tep2	6/14/2021 6:32 PM	Tập tin nén WinRAR	433,805 KB
Tep3	6/14/2021 6:29 PM	Foxit Reader PDF ...	31,394 KB
Tep4	6/14/2021 6:35 PM	Foxit Reader PDF ...	196 KB
Tep5	5/13/2021 2:07 PM	KMP - MP4 Audio...	149,746 KB

Hình 2

Đối với HS Trần Quang Hiếu: Đọc thông tin về dung lượng ổ đĩa.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS nêu được ý kiến, trả lời được câu hỏi.
- **Báo cáo, thảo luận:**
 - + HS trình bày kết quả của câu hỏi.
 - + GV cùng toàn lớp thảo luận đáp án.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

*** Ghi nhớ:**

- + Thông tin trong máy tính được tổ chức dưới dạng các tệp (tệp văn bản, tệp hình ảnh, tệp âm thanh, ...). Các tệp được lưu trữ trong các thiết bị lưu trữ như đĩa cứng, USB, thẻ nhớ, ...

+ Người ta thường đo dung lượng thông tin (tệp, các thiết bị lưu trữ, ...) bằng đơn vị Byte (dãy 8 bit liên tục) và các đơn vị lớn hơn như sau: KB, MB, GB, TB.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a. Mục tiêu: Thực hiện được chuyển đổi giữa các đơn vị đo thông tin.
- b. Nội dung: Yêu cầu HS thực hiện được chuyển đổi giữa các đơn vị đo thông tin.
- c. Sản phẩm: Các câu trả lời không cần chính xác chỉ cần ước lượng khoảng là đạt yêu cầu.

Câu 1: C

Câu 2: A

Câu 3: B

Câu 4: Khoảng 1365 bức ảnh $= 16.1024 : 12$

- d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Yêu cầu HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên màn hình

Câu hỏi:

Câu 1. Một GB xấp xỉ bao nhiêu Byte?

- A. Một nghìn byte
- B. Một triệu byte
- C. Một tỉ byte
- D. Một nghìn tỉ byte

Câu 2: Khả năng lưu trữ của một thiết bị nhớ

- A. Dung lượng nhớ
- B. Khối lượng nhớ
- C. Thể tích nhớ
- D. Năng lực nhớ

Câu 3: Bao nhiêu 'byte' tạo thành 1 'kilobyte'?

- A. 64
- B. 1024
- C. 2048
- D. 10240

Câu 4: Giả sử một bức ảnh chụp bằng một máy ảnh chuyên nghiệp có dung lượng khoảng 12MB. Vay thẻ nhớ 16GB có thể chứa bao nhiêu bức ảnh?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm
- **Báo cáo, thảo luận:** Học sinh trả lời cá nhân. HS còn lại nhận xét.
- **Kết luận, nhận định:** Phân tích cụ thể về câu trả lời theo yêu cầu. GV thực hiện đánh giá hoạt động của học sinh.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a. Mục tiêu:

- HS khám phá, vận dụng việc chuyển đổi thông tin sang dãy bit.
- HS tự tìm hiểu và khám phá các tình huống thực tế về đơn vị lưu trữ thông tin.

- b. Nội dung:

- So sánh đưa ra nhận xét về cách mã hóa số có dãy số dài.
- HS tự tìm các tình huống trên máy tính của mình về các trường hợp có ghi về đơn vị lưu trữ thông tin. So sánh các trường hợp khác nhau về khả năng lưu trữ. Cách kiểm tra dung lượng nhanh nhất.

- c. Sản phẩm:

- Câu trả lời về so sánh chuyển đổi thông tin từ số 8 đến 15.
- Các ví dụ, tình huống mà HS tìm thấy; câu trả lời về so sánh các thông tin tìm được.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Yêu cầu HS thực hành bài tập thực nghiệm:

- ◆ Kiểm tra và ghi lại dung lượng các ổ đĩa của máy tính đang sử dụng.
- ◆ Kiểm tra và ghi lại dung lượng của các tệp tin được tìm thấy trên máy tính đang sử dụng.
- ◆ Yêu cầu HS hoạt động nhóm thực hiện mã hóa các số từ 8 và 15. Đưa ra nhận xét.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hoàn thành các phương án trả lời và bài tập thực nghiệm.

- **Báo cáo, thảo luận:** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập trên bảng phụ.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

+ Nếu muốn mã hóa một số thì dãy số cho trước phải gồm n giá trị, trong đó n là kết quả của lũy thừa 2. Dãy số phải bắt đầu từ số 0 và có chứa số cần mã hóa. Ví dụ, muốn mã hóa số 6 thì dãy ban đầu phải có 8 giá trị từ 0 đến 7, muốn mã hóa số 12 thì dãy ban đầu phải có 16 giá trị từ 0 đến 15, muốn mã hóa số 16 thì dãy ban đầu phải có 32 giá trị từ 0 đến 31, ...

+ Dãy đã cho càng dài, sẽ mã hóa được càng nhiều số. Khi đó, dãy kí hiệu 0 và 1 của mỗi số sẽ càng dài.

+ Nếu dãy đã cho dài gấp đôi (0 đến 15) thì mỗi số sẽ được chuyển thành một dãy gồm 4 kí hiệu như sau:

0	1	2	3	4	5	6	7
0000	0001	0010	0011	0100	0101	0110	0111

8	9	10	11	12	13	14	15
1000	1001	1010	1011	1100	1101	1110	1111

Tuần: 5, 6

Tiết: 5, 6

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

BÀI 4: MẠNG MÁY TÍNH

Môn: Tin học lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về:

- Nêu được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống.
- Kể được các thành phần chính của một mạng máy tính.
- Nêu được một số cách kết nối không dây mà em biết.
- Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4:

- Kể được các thành phần của một mạng máy tính.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm mạng máy tính và những lợi ích từ mạng.

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về lợi của mạng hợp tác trong các hoạt động xã hội, sinh hoạt và sản xuất.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: mạng máy tính.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLC: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

- Nhận biết được các thiết bị khác nhau trong một mạng máy tính
- Nêu được ví dụ lợi ích có được từ mạng máy tính
- Nêu được một số thiết bị đầu cuối trong thực tế

Đối với HS Trần Quang Hiếu:

– **Nêu được một số thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối mạng trong thực tế.**

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia mạng lưới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ, phiếu đánh giá kết quả.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung bài mới,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được sự hình thành mạng lưới là kết quả tất yếu của các hoạt động cộng đồng hợp tác. Duy trì sự kết nối và chia sẻ hình thành nên mạng lưới bền vững, tạo ra hiệu quả tốt hơn là làm việc một mình.

b. Nội dung: Nghiên cứu đoạn hội thoại. Trình bày kết quả của nhóm.

c. Sản phẩm: Học sinh trả lời về mạng đường thủy, mạng vận hành hàng hóa cho dịch vụ bán hàng online, mạng ống nước..

Câu 1	Câu 2
- Mạng lưới đường thủy	- Tàu, thuyền, ghe, xuồng vận chuyển con người và hàng hóa
- Mạng vận hành hàng hóa cho dịch vụ bán hàng online	- Vận chuyển hàng hóa và nhu yếu phẩm
- Mạng ống nước	- Vận chuyển nước
- Mạng đường sắt	- Vận chuyển con người và hàng hóa
- Mạng tải điện	- Truyền tải và vận chuyển điện năng

Câu 3: B, C

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV chiếu đoạn hội thoại hoặc yêu cầu 2 học sinh đóng vai An và Khoa đọc đoạn hội thoại trong Sách giáo khoa. Sau đó, GV trình chiếu các câu hỏi sau và yêu cầu HS hoạt động nhóm trả lời:

Câu 1: Em hãy kể ra một số mạng lưới, giống như mạng giao thông đường bộ?

Câu 2: Những gì được vận chuyển trên mạng lưới đó?

Câu 3: Điểm chung của những mạng lưới đó là gì

A. Có nhiều thành viên;

B. Chia sẻ tài nguyên;

C. Kết nối các thành viên;

D. Có nhiều đường cắt nhau.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, quan sát, các nhóm thảo luận nhanh.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm trình bày kết quả.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV quan sát, phân tích, đánh giá kết quả của các nhóm.

+ GV liên hệ kết quả đạt được dẫn dắt vào nội dung tiếp theo.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Mạng máy tính là gì?

2.1.1. Đặc điểm quan trọng của mạng máy tính

a. Mục tiêu: Giúp học sinh tổng hợp ra đặc điểm chung từ những mạng lưới đã ví dụ ở trên là phải có sự kết nối để vận hành, có sự chia sẻ để mọi người cùng nhận lợi ích từ mạng lưới.

b. Nội dung: : Học sinh trả lời câu hỏi: Những mạng lưới này có đặc điểm gì khi vận hành? Mạng lưới có hoạt động riêng cho một cá nhân nào không?

c. Sản phẩm: Học sinh trả lời: Mạng lưới khi vận hành là có sự kết nối, không có kết nối thì mạng sẽ tạm dừng. Mạng lưới khi hình thành sẽ đem lại lợi ích cho các nhân tố tham gia, không thuộc về riêng ai.

Sản phẩm dự kiến

Câu 1: Mạng lưới điện, mạng đường sắt, mạng ống nước,...

Câu 2: Mạng lưới khi vận hành là có sự kết nối, không có kết nối thì mạng sẽ tạm dừng

Câu 3: Luôn có sự kết nối và chia sẻ

Câu 4: Mạng lưới khi hình thành sẽ đem lại lợi ích cho các nhân tố tham gia, không thuộc về riêng ai.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** GV phát phiếu học tập 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm:

Câu 1. Trong hoạt động 1, ta nêu được một số mạng lưới nào?

.....
.....

Câu 2. Mạng lưới này có đặc điểm gì khi vận hành?

.....

.....

Câu 3. Đặc điểm chung của các mạng lưới này là gì?

.....

.....

Câu 4. Mạng lưới có hoạt động riêng cho một cá nhân nào không?

.....

.....

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm học sinh thảo luận tìm câu trả lời

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ GV cho các đại diện nhóm trình bày.

+ Nhóm khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề. Nắm được đặc điểm quan trọng của mạng máy tính là kết nối và chia sẻ.

2.1.2. Khái niệm mạng máy tính.

a. Mục tiêu: Giúp học sinh hình thành khái niệm về mạng máy tính.

b. Nội dung: Học sinh đọc tài liệu và trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Học sinh trả lời câu hỏi:

Mạng máy tính - mạng lưới các máy tính là kết nối các máy tính với nhau. Máy tính khi kết nối với nhau có thể chia sẻ dữ liệu, trao đổi thông tin thậm chí là có thể dùng chung các thiết bị có cùng kết nối mạng.

Mạng máy tính kết nối với nhau bằng dây dẫn hoặc không dây.

Mạng máy tính chia sẻ dữ liệu và các thiết bị.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh thực hiện hoạt động đọc và trả lời câu hỏi: Đặc điểm của mạng máy tính là gì? Cụ thể: mạng máy tính kết nối những gì với nhau? Khi kết nối, máy tính sẽ chia sẻ gì?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thảo luận nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ GV cho các đại diện nhóm trình bày.

+ Nhóm khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

*** Ghi nhớ:**

Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau tạo thành một mạng máy tính.

2.1.3. Nêu ví dụ về lợi ích từ mạng máy tính

a. Mục tiêu: Giúp học sinh cụ thể hóa những lợi ích từ mạng

b. Nội dung: Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đưa ra ví dụ một số hoạt động về sinh hoạt hoặc sản xuất đã thay đổi về hiệu quả khi có sử dụng mạng

c. Sản phẩm: Học sinh ghi những ví dụ có nâng cao rõ ràng về hiệu quả như gửi thư nay thành gửi email với thời gian nhanh chóng, kịp thời. Các giao dịch ngân hàng có thể tiến hành qua mạng rất tiện lợi. Việc dùng chung một thiết bị in qua mạng sẽ đem lại hiệu quả tiết kiệm chi phí cho đơn vị như trường học, doanh nghiệp.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh thực hiện hoạt động đọc và hoạt động nhóm trả lời câu hỏi: “Em hãy nêu lợi ích của mạng máy tính trong cuộc sống? Ngoài những lợi ích thì mạng máy tính nó có tác hại nào khi quá lạm dụng mạng máy tính?”

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thực hiện hoạt động nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ GV cho các đại diện nhóm trình bày.

+ Nhóm khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

*** Ghi nhớ:**

Lợi ích của mạng máy tính: Người sử dụng có thể liên lạc với nhau để trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu và dùng chung các thiết bị trên mạng.

2.2. Các thành phần của mạng máy tính

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nhận diện một số thành phần chính trong mạng máy tính

b. Nội dung: Học sinh quan sát hình ảnh từ máy chiếu hoặc tài liệu giáo viên chuẩn bị, trả lời phiếu học tập số 2.

c. Sản phẩm: HS nêu được

- Tên các thiết bị đầu cuối: máy tính bàn, máy tính xách tay, máy chủ, máy in, máy quét, điện thoại thông minh.

- Tên các thiết bị kết nối: bộ chuyển mạch, bộ định tuyến không dây.

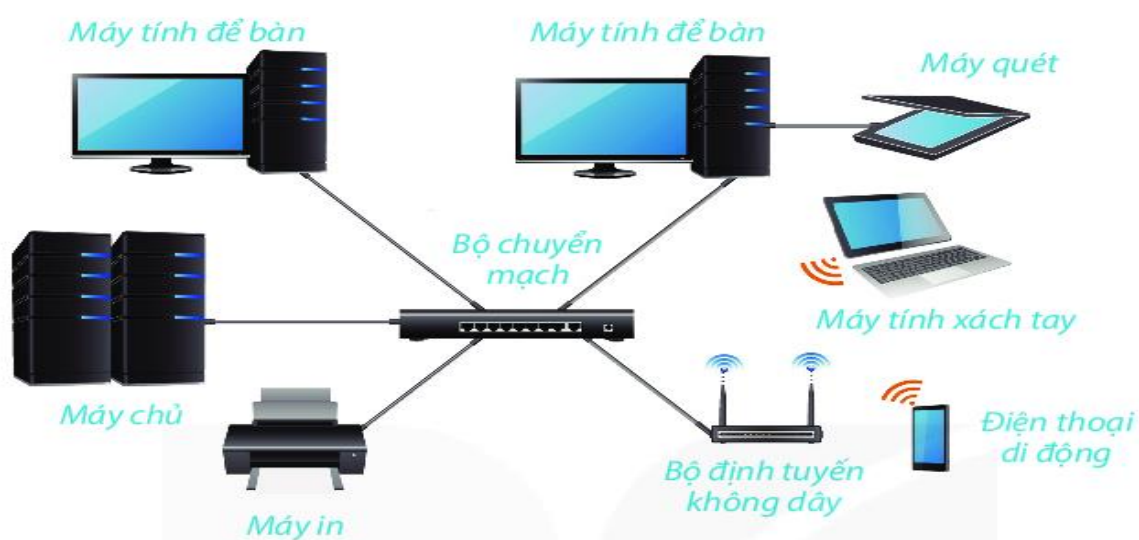
d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh thực hiện hoạt động đọc và hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 2.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm:

Câu hỏi 1. Em hãy quan sát hình 2.1 sau và cho biết tên các thiết bị đầu cuối, tên các thiết bị kết nối:



Hình 2.1. Các thiết bị được nối vào mạng

Tên các thiết bị đầu cuối	Tên các thiết bị kết nối
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

Đối với HS Trần Quang Hiếu: quan sát hình trên em hãy kể tên thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Giải quyết tình huống và hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 2.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm trình bày vấn đề xử lý tình huống. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

* **Ghi nhớ:**

Thành phần mạng máy tính gồm:

- Các thiết bị đầu cuối (máy tính, điện thoại, máy in, máy ảnh...)

- Các thiết bị kết nối (đường truyền dữ liệu, bộ chia, bộ chuyển mạch, bộ định tuyến...)

- Phần mềm mạng (ứng dụng truyền thông và phần mềm điều khiển quá trình truyền dữ liệu)

2.3. Tìm hiểu một số kết nối mạng:

a. Mục tiêu: Giúp học sinh biết một số kết nối mạng.

b. Nội dung: Học sinh quan sát hình ảnh từ máy chiếu hoặc tài liệu giáo viên chuẩn bị, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Học sinh ghi những ví dụ có nâng cao rõ ràng về hiệu quả như gửi thư này thành gửi email với thời gian nhanh chóng, kịp thời. Các giao dịch ngân hàng có thể tiến hành qua mạng rất tiện lợi. Việc dùng chung một thiết bị in qua mạng sẽ đem lại hiệu quả tiết kiệm chi phí cho đơn vị như trường học, doanh nghiệp.

Câu 1. Tất cả các thiết bị có trong hình 2.2 đều được kết nối vào mạng

Câu 2. Chúng được kết nối với nhau bằng dây dẫn mạng hoặc sóng vô tuyến.

Câu 3. Bộ chuyển mạch và bộ định tuyến không dây

Câu 4. Gồm 2 loại :

+ Có dây (nhìn thấy) : Dây dẫn mạng (vd : dây cáp quang, cáp xoắn,...).

+ Không dây (Không nhìn thấy) : Sử dụng sóng vô tuyến (vd : Wifi, Bluetooth, 3G, 4G...)

Câu 5. Đường truyền không dây có nhiều ưu điểm hơn. Các thiết bị trong mạng có thể linh hoạt thay đổi vị trí mà vẫn duy trì kết nối mạng.

VD : Trên xe khách, hành khách có thể sử dụng điện thoại di động để truy cập Internet mà không cần dây nối.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh quan sát hình 2.2, thực hiện hoạt động đọc và hoàn thành câu hỏi sau.

Câu 1. Thiết bị nào đang được kết nối vào mạng?

Câu 2. Kết nối với nhau như thế nào?

Câu 3. Kết nối qua các vật trung gian nào?

Câu 4. Đường truyền dữ liệu có mấy loại? Kể tên và lấy ví dụ cụ thể?

Câu 5. Theo em loại đường truyền nào có nhiều ưu điểm nhất. Lấy ví dụ minh họa?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ trả lời.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi lần lượt các HS đứng tại chỗ trả lời

+ HS khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại khái niệm: Mạng máy tính, các thành phần của mạng máy tính, biết một số cách kết nối không dây.

b. Nội dung: Hướng dẫn trả lời câu hỏi trong phiếu học tập 3.

c. Sản phẩm: Các câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** GV phát phiếu học tập

Yêu cầu: Đánh dấu ☒ vào ô tương ứng với câu trả lời đúng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 Nhóm:.....							
Các ví dụ	Chia sẻ thông tin	Chia sẻ phần cứng	Thiết bị đầu cuối	Thiết bị kết nối	Đường truyền dữ liệu		Phần mềm mạng
					Có dây	Không dây	
Dùng chung máy in							
Máy tính bàn							
Điện thoại							
Cáp quang							
Sóng Wifi							
Tivi							
Bộ định tuyến							
Bộ chuyển mạch							
Thư điện tử							
Zalo							
Facebook							

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập 3.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm trình bày phiếu học tập. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

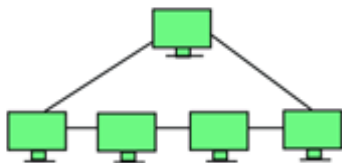
a. **Mục tiêu:** Học sinh liên hệ với mạng máy tính trong thực tiễn, lợi ích từ mạng.

b. **Nội dung:** Học sinh nắm được cách nối mạng từ các máy tính.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của các nhóm

d. **Tổ chức thực hiện:**

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh thực hiện hoạt động đọc và hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 4.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4	
Nhóm:	
Câu hỏi: Phòng thư viện của trường có 5 máy tính cần kết nối thành mạng. Có thể có nhiều cách kết nối, ví dụ như hình 2.3:	
	
<i>hình 2.3. Ví dụ cách kết nối 5 máy tính thành một mạng</i>	
Em hãy tìm thêm cách vẽ khác để kết nối chúng thành một mạng:	
Cách 1	Cách 2

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Giải quyết tình huống và hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 4.

- **Báo cáo, thảo luận:**

Đại diện nhóm trình bày vấn đề xử lý tình huống. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

Tuần: 7

Tiết: 7

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

BÀI 5: INTERNET

Môn học: Tin học; lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Sau bài học này, học sinh sẽ có được kiến thức về:

- Biết Internet là gì.
- Nêu được một số đặc điểm chính của Internet.
- Nêu được một số lợi ích chính của Internet.

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4:

- **Biết Internet là gì.**
- **Nêu được một dịch vụ internet mà em biết.**

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về Internet là gì, đặc điểm và lợi ích chính của Internet.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về Internet và các lợi ích, tác hại mà Internet đem lại đối với HS.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ về Internet, IoT (internet vạn vật),...

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLC: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

- *Nhận biết* được sự khác nhau giữa mạng máy tính và Internet.
- *Phân biệt* được các đặc điểm của Internet.
- *Nêu* ví dụ được lợi ích của Internet.
- *Nêu* ví dụ được ứng dụng của Internet với đời sống.

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4:

– Nhận biết được sự khác nhau giữa mạng máy tính và Internet.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi sử dụng Internet.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ, phiếu đánh giá kết quả.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung bài mới,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. **Mục tiêu:** HS hiểu được lợi ích của Internet với cuộc sống

b. **Nội dung:** GV giới thiệu mục đích, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi tình huống giữa An và Bình vào bảng nhóm.

c. **Sản phẩm:** Mẹ An sẽ tìm kiếm thông tin cần thiết trên **Internet**, đặt hàng và nhận hàng thanh toán.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Chia nhóm HS thảo luận (mỗi nhóm 6-8 HS).

+ GV chiếu tình huống của An và Bình, yêu cầu các nhóm quan sát và giải quyết tình huống ghi vào bảng nhóm.

* **Tình huống như sau:**

Em hãy xét tình huống mua hàng online (qua mạng). Các em hãy trả lời câu hỏi sau?

An: Con Cún nhà mình nuôi bị ve nhiều quá mình muốn mua thuốc trị ve cho nó nhưng ở địa phương mình không có bán thuốc đó.

Bình: Quá đơn giản! Bạn có thể đặt mua thuốc trị ve trên internet mà không cần phải đi tìm mua.

An: Vậy sao?

Bình: Các nhà bán thuốc thú y đăng tin về các loại thuốc, giá thuốc, hình ảnh, cách sử dụng, phương thức thanh toán trên Internet.

An: Thật tuyệt! Mình sẽ nói mẹ đặt mua giúp mình ngay.

1. Theo em để mẹ bạn An mua được thuốc trị ve chó trên internet thì mẹ bạn An phải làm gì?

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người trình bày.
- **Báo cáo, thảo luận:** Nhóm thảo luận, trình bày câu trả lời vào bảng nhóm.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu Internet:

- a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động này, HS hiểu được khái niệm Internet, kể ra được những công việc mà người sử dụng có thể làm khi truy cập Internet.
 - b. Nội dung:** GV yêu cầu HS chia cặp đôi thảo luận, đọc phần 1 nội dung trong sách giáo khoa, phiếu học tập số 1.
 - c. Sản phẩm:** Kết quả phiếu học tập số 1.
- + HS biết được Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới.
 - + Muốn máy tính kết nối vào Internet thì người sử dụng cần đăng kí với nhà cung cấp dịch vụ Internet (VNPT, FPT, Viettel,..)
 - + Người sử dụng truy cập vào Internet để tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin.
 - + Các dịch vụ trên Internet: WWW, tìm kiếm, thư điện tử, điện thoại, mạng xã hội, kinh doanh, lưu trữ, trao đổi thông tin,...
- d. Tổ chức thực hiện:**
 - **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Chiếu phiếu học tập số 1. Học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời phiếu học tập số 1 trên giấy.

 Thảo luận nhóm	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Nhóm:.....
1. Internet là gì? (2 đ) 2. Muốn máy tính kết nối vào Internet thì người sử dụng cần phải làm gì? (3đ) 	

.....
3. Người sử dụng truy cập vào Internet để làm gì? (3đ)

.....
.....
.....

4. Có những dịch vụ cơ bản nào trên Internet? (3đ)

.....
.....
.....

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4: Nêu internet là gì, nêu một dịch vụ internet mà em biết.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thảo luận nhóm hoạt động dựa vào tài liệu SGK dưới sự giám sát trợ giúp của giáo viên và các thành viên nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1-2 nhóm báo cáo trước lớp, nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến, tự đánh giá.

- **Kết luận, nhận định:** GV quan sát, nhận xét và kết quả, thái độ làm việc của học sinh và chốt lại.

* **Ghi nhớ:**

- + Internet là mạng của các mạng máy tính trên khắp thế giới.
- + Máy tính có thể kết nối với Internet thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet.
- + Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ và trao đổi thông tin.
- + Có nhiều dịch vụ thông tin khác nhau trên Internet: WWW, tìm kiếm, thư điện tử,...

2.2. Đặc điểm của Internet

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động này, HS nêu được các đặc điểm chung của Internet: toàn cầu, tương tác, dễ tiếp cận, không chủ sở hữu, cập nhật, lưu trữ, đa dạng, ẩn danh. Qua đó HS rút ra được các đặc điểm chính.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân, đọc phần 2 nội dung trong sách giáo khoa. HS trả lời Internet có những đặc điểm nổi bật nào.

c. Sản phẩm: Kết quả trả lời của HS.

+ Internet là mạng máy tính được hàng tỉ người sử dụng trên thế giới. Người sử dụng có thể nhận và gửi thông tin.

+ Tốc độ truy cập Internet cực nhanh nên việc tìm kiếm, trao đổi và chia sẻ thông tin rất thuận tiện, có thể thực hiện trong mọi lúc, ở mọi nơi.

- + Thông tin trên Internet rất đa dạng, phong phú, được cập nhật thường xuyên, có thể sao lưu dễ dàng với dung lượng lớn.
- + Người sử dụng không nhất thiết phải dùng tên thật, có thể dùng một tên tùy chọn.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Chiếu câu hỏi. Yêu cầu HS đọc phần nội dung trong sách giáo khoa, trả lời câu hỏi.

Câu hỏi: Internet có những đặc điểm nổi bật nào?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh trả lời dựa vào tài liệu SGK dưới sự giám sát trợ giúp của giáo viên và các HS khác.

- **Báo cáo, thảo luận:** Yêu cầu HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến, tự đánh giá.

- **Kết luận, nhận định:** GV quan sát, nhận xét và đánh giá kết quả, thái độ làm việc của học sinh và chốt lại.

*** Ghi nhớ:**

+ Đặc điểm chính của Internet: tính toàn cầu, tính tương tác, tính dễ tiếp cận, tính không chủ sở hữu.

2.3. Lợi ích của Internet

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động này, HS nêu được các lợi ích của Internet, thấy được sức ảnh hưởng lớn của Internet tới các hoạt động trong cuộc sống. Qua đó giúp HS nhận thức được Internet có vai trò quan trọng và góp phần thúc đẩy xã hội phát triển

b. Nội dung: GV yêu cầu HS chia nhóm, đọc phần nội dung trong sách giáo khoa thảo luận: HS vào Internet để thực hiện mục đích gì, lợi ích mà Internet đem lại, những tác hại của Internet đối với HS và HS cần làm gì để khắc phục những tác hại đó.

c. Sản phẩm: Kết quả trả lời của học sinh

+ HS thường truy cập vào Internet để tìm tài liệu, học ngoại ngữ, học trực tuyến, xem tin tức, đăng bài lên mạng xã hội, nhắn tin với bạn bè, lướt Web, nghe nhạc, xem phim,...

+ Internet là nguồn cung cấp thông tin khổng lồ cùng nhiều dịch vụ thông tin như: hệ thống các trang Web (WWW), tìm kiếm, thư điện tử, ...

+ Internet cung cấp môi trường làm việc từ xa giúp đào tạo, hội thảo, học tập, kinh doanh, tư vấn, kết nối mọi người vượt qua khoảng cách và mọi sự khác biệt

+ Những tác hại của Internet đối với HS: ảnh hưởng đến sức khỏe, ảnh hưởng đến kết quả học tập, tăng nguy cơ mắc bệnh trầm cảm nếu sử dụng Internet liên tục trong thời gian dài.

+ Không nên sử dụng Internet liên tục trong nhiều giờ.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Chiếu nội dung câu hỏi. Học sinh thảo luận nhóm. Giáo viên quan sát giúp đỡ các thành viên trong nhóm. Yêu cầu thành viên trong nhóm trình bày trước lớp.

Câu 1. HS vào Internet để thực hiện mục đích gì?

Câu 2. Lợi ích mà Internet đem lại?

Câu 3. Em hãy kể những tác hại của Internet đối với HS và HS cần làm gì để khắc phục những tác hại đó?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thảo luận nhóm hoạt động dựa vào tài liệu SGK dưới sự giám sát trợ giúp của giáo viên và các thành viên nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện 1-2 nhóm báo cáo trước lớp, nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến, tự đánh giá.

- **Kết luận, nhận định:** GV quan sát, nhận xét và đánh giá kết quả, thái độ làm việc của học sinh và chốt lại.

*** Ghi nhớ:**

Những lợi ích mà Internet đem lại:

- + Trao đổi thông tin nhanh chóng, hiệu quả.
- + Học tập và làm việc trực tuyến.
- + Cung cấp nguồn tài nguyên phong phú
- + Cung cấp các tiện ích phục vụ đời sống.
- + Là phương tiện vui chơi, giải trí.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại các kiến thức về Internet, cách kết nối máy tính vào Internet.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS thực hiện nhóm trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho HS chơi trò chơi. Yêu cầu học sinh trả lời tại lớp.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh thảo luận nhóm hoạt động dựa vào tài liệu SGK dưới sự giám sát trợ giúp của giáo viên và các thành viên nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm trả lời trước lớp. Nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến

- **Kết luận, nhận định:** GV quan sát, nhận xét và đánh giá kết quả, thái độ làm việc của học sinh và chốt lại.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để lí giải các vấn đề về Internet và ứng dụng của Internet với cuộc sống.

b. Nội dung: HS lấy ví dụ cho thấy Internet mang lại lợi ích cho việc học tập và giải trí và giải thích được tại sao Internet lại được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển.

c. Sản phẩm:

Câu 1. Internet là một kho học liệu vô tận, mọi người đều có thể tra cứu tài liệu để học tập, nghiên cứu, chia sẻ và tìm kiếm thông tin, học trực tuyến.....

- Internet cung cấp các dịch vụ để giải trí như xem phim trực tuyến, nghe nhạc, chơi game online, xem tin tức, vào mạng xã hội,...

- Internet còn giúp mọi thứ có thể kết nối và điều khiển từ xa như ô tô thông minh, ngôi nhà thông minh,...

Câu 2. HS vận dụng những kiến thức về đặc điểm và lợi ích của Internet đã được tìm hiểu để trả lời nội dung này.

- Internet được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển vì nó dễ tiếp cận, dễ sử dụng và đáp ứng được nhu cầu tìm kiếm thông tin, giải trí của con người. Ngoài ra, internet cũng có tính cập nhật rất cao, phù hợp với thời điểm

d. Tổ chức thực hiện. GV giao nhiệm vụ phiếu học tập số 3 cho từng nhóm HS (2 bài tập trong phần Vận dụng của SGK), học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà, sau đó có thể nộp lại sản phẩm trong tuần hoặc chụp gửi kết quả qua email cho GV. GV căn cứ vào sản phẩm của HS để đánh giá.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3	
Nhóm:.....	
Câu 1. Em hãy lấy ví dụ cho thấy internet mang lại lợi ích cho việc học tập và giải trí.	
Câu 2. Em hãy giải thích tại sao internet lại được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển.	

This image shows a blank sheet of handwriting practice paper. It features ten sets of horizontal dashed lines, each set consisting of three parallel lines. These lines are evenly spaced across the page to guide letter formation and alignment. The entire writing area is enclosed within a thin black rectangular border.

Tuần: 8

Tiết: 8

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Tin học lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Ôn tập các kiến thức về:

- Thông tin, dữ liệu, vật mang tin.
- Xử lý thông tin trong máy tính.
- Biểu diễn thông tin trong máy tính, đơn vị đo
- Khái niệm mạng máy tính, các thành phần mạng máy tính.
- Khái niệm Internet, đặc điểm, một số lợi ích của internet.

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4:

- Thông tin, dữ liệu, vật mang tin.
- Xử lý thông tin trong máy tính.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 1 đến bài 5
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời và ví dụ

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- *Sử dụng* được các thiết bị vào của máy tính để thu nhận thông tin.
- Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông
- Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

- *Nhận biết* được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu.
- *Phân biệt* được thông tin với vật mang tin.

- *Nêu* được ví dụ minh họa về các bước trong quy trình xử lý thông tin của máy tính điện tử.
- *Nhận biết* được các thiết bị khác nhau trong một mạng máy tính
- *Nêu* được ví dụ lợi ích có được từ mạng máy tính

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Hình thành được tư duy về mã hóa thông tin.

NLe: Hợp tác trong môi trường số

- Hợp tác trong môi trường số
- Có khả năng làm việc nhóm, hợp tác để tiếp thu kiến thức và hoàn thành các yêu cầu giáo viên.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia mạng lưới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, câu hỏi ôn tập.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung ôn tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS hệ thống kiến thức từ bài 1 đến bài 5

b. Nội dung: Nghiên cứu nội dung bài cũ. Trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm để lật ô chữ tìm hình nền

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV chiếu “trò chơi lật ô chữ” gồm 6 câu hỏi. Sau đó, GV cho HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tìm ra hình nền của trò chơi.

Câu 1. Thiết bị nào không phải là vật mang tin:

- A. Bút bi. B. Đĩa CD. C. Thẻ nhớ D. Vở ghi.

Câu 2. Thông tin dạng âm thanh là thông tin nào bên dưới đây?

- A. Ngủ dậy phải đánh răng. B. Đi học bằng xe đạp.
C. Hẹn bạn Thành cùng đi học. D. Tiếng chim hót.

Câu 3. Tấm bảng để ghi nội dung tuyên truyền tác hại của thuốc lá điện tử gọi là?

- A. Dữ liệu B. Thông tin C. Vật mang tin D. Vật liệu

Câu 4. Nội dung trên áp phích tuyên truyền tác hại của thuốc lá điện tử mà em nhìn thấy ở trường là:

- A. Vật mang tin B. Thông tin C. Dữ liệu D. Vật liệu

Câu 5. Chức năng của bộ xử lý máy tính là gì?

- A. Thu nhận B. Xử lý C. Lưu trữ D. Truyền

Câu 6. Quá trình xử lý thông tin gồm mấy hoạt động cơ bản ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, quan sát, các HS trả lời và bổ sung.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV quan sát, phân tích, đánh giá kết quả.

+ GV liên hệ kết quả đạt được dẫn dắt vào nội dung tiếp theo.

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại các khái niệm: Thông tin, dữ liệu, vật mang tin, hoạt động thông tin trong máy tính, biểu diễn thông tin, Mạng máy tính, các thành phần của mạng máy tính, Internet, đặc điểm, lợi ích internet.

b. Nội dung: Hướng dẫn trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Các câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** GV trình chiếu “trò chơi ngôi sao may mắn” gồm các câu hỏi và yêu cầu HS trả lời

Câu 1. Em đang nghe thầy cô giảng bài thuộc hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin:

- A. Thu nhận B. Xử lý C. Lưu trữ D. Truyền

Câu 2. Thao tác ghi nhớ và cất giữ tài liệu của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận. B. Xử lý C. Lưu trữ D. Truyền.

Câu 3. Đơn vị đo dữ liệu nào sau đây là nhỏ nhất?

- A. Bit B. Byte C. Kilobyte D. Terabyte

Câu 4. Đơn vị đo dữ liệu nào sau đây là lớn nhất?

- A. Bit B. Byte C. Kilobyte D. Terabyte

Câu 5. Một mạng máy tính gồm:

- A. Một số máy tính bàn
B. Hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau
C. Tối thiểu 5 máy tính được liên kết với nhau
D. Tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một tòa nhà

Câu 6. Đây là thiết bị kết nối mạng máy tính

A. Bộ định tuyến B. Máy tính C. Máy quét D. Máy in

Câu 7. Thiết bị nào sau đây là thiết bị đầu cuối:

A. Bộ chuyển mạch B. Máy tính C. Bộ chia D. Bộ định tuyến

Câu 8. Đây là đặc điểm chính của mạng Internet?

A. Tính toàn cầu B. Tính cập nhật C. Tính lưu trữ D. Tính đa dạng

Câu 9. Ai là chủ sở hữu của Internet

A. Thầy cô B. Dân tri thức.
C. Google. D. Không có ai là chủ thực sự của Internet.

Câu 10. Đây là dịch vụ phổ biến trên Internet?

A. WWW B. VVV C. AAA D. YYY

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS chọn ngôn ngữ, suy nghĩ trả lời. GV giải thích thêm những câu hỏi khó.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi lần lượt các HS đứng tại chỗ trả lời

+ HS khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh dựa vào cách biểu diễn thông tin trong máy tính để biết được khả năng lưu trữ của ổ cứng, liên hệ với mạng máy tính trong thực tiễn nêu lợi ích từ mạng.

b. Nội dung: Học sinh nắm được cách tính và cách nối mạng từ các máy tính.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh thực hiện hoạt động đọc và hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 1.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm:

Câu 1. Kể tên một số thiết bị xuất dữ liệu mà em biết? Hãy cho biết thiết bị cho em thấy các hình ảnh hay kết quả hoạt động của máy tính là gì?

.....
.....

Câu 2. Kể tên một số thiết bị nhập dữ liệu mà em biết? Hãy cho biết thiết bị cho em ghi văn bản vào máy tính là gì?

.....
.....

Câu 3. Một cái USB có dung lượng là 4 MB, người ta đã dùng hết 1625 KB. Hỏi USB còn lại bao nhiêu KB chưa sử dụng đến?

.....
.....

Câu 4. Một thẻ nhớ 2GB chứa được khoảng bao nhiêu bức ảnh? Biết rằng mỗi bức ảnh có dung lượng khoảng 4MB.

.....
.....

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Giải quyết tình huống và hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 1.

- **Báo cáo, thảo luận:**

Đại diện nhóm trình bày vấn đề xử lý tình huống. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

Tuần: 9

Tiết: 9

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Tin học lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- củng cố và kiểm tra kiến thức có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi từ bài 1 đến bài 5

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4:

- Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 1 đến bài 5

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thực hiện cá nhân để đưa ra câu trả lời.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- *Sử dụng* được các thiết bị vào cửa máy tính để thu nhận thông tin.

- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Hình thành được tư duy về mã hóa thông tin.

NLe: Hợp tác trong môi trường số

- Hợp tác trong môi trường số

- Có khả năng làm việc nhóm, hợp tác để tiếp thu kiến thức và hoàn thành các yêu cầu giáo viên.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn khi cần thiết.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. **Thiết bị dạy học:** Đề kiểm tra.

2. **Học liệu:**

Giáo viên: Ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra giữa kỳ I, đáp án, biểu điểm cụ thể.

Học sinh: Kiến thức, đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA:

- Hình thức: TNKQ + Tự luận.

- Học sinh làm bài trên giấy.

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng	Bài 1. Thông tin và dữ liệu	1		1	1					2 điểm 20%
		Bài 2. Xử lý thông tin	1		1			1			3 điểm 30%
		Bài 3. Thông tin trong máy tính	2							1	2 điểm 20%
2	Chủ đề B. Mạng máy	Bài 4. Mạng máy tính	1		1						1 điểm 10%

	tính và Internet	Bài 5. Internet	1	1	1						2 điểm 20%
Tổng số câu			6	1	4	1		1		1	14
Tổng số điểm			3	1	2	1		2		1	10
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN TIN HỌC 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI 45 phút

Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Chủ đề A. Máy	Bài 1. Thông tin và dữ liệu	Nhận biết Trong các tình huống cụ thể có sẵn:	1TN	1TN		

tính và cộng đồng		- Phân biệt được thông tin với vật mang tin - Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. - Nêu được các bước cơ bản trong xử lý thông tin. Thông hiểu - Hiểu được đâu là thông tin, vật mang tin, dữ liệu. - Tầm quan trọng của thông tin	Câu 1	Câu 2 1TL Câu 12		
	Bài 2. Xử lý thông tin	Nhận biết - Nêu được các hoạt động cơ bản trong xử lý thông tin Thông hiểu - Giải thích được máy tính là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin và truyền thông. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể. Vận dụng - Nêu được các thiết bị nhập, xuất dữ liệu	1TN Câu 3	1 TN Câu 4	1 TL Câu 13	
	Bài 3: Thông tin trong máy tính	Nhận biết - Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin. - Nêu được tên và độ lớn (xấp xỉ theo hệ thập phân) của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin: Byte, KB, MB, GB, quy đổi được một cách gần đúng giữa các đơn vị đo lường này. Ví dụ: 1KB bằng xấp xỉ 1 ngàn byte, 1 MB xấp xỉ 1 triệu byte, 1 GB xấp xỉ 1 tỉ byte. Vận dụng cao - Xác định được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, đĩa cứng, USB, CD, thẻ nhớ,...	2 TN			1TL Câu 14

Chủ đề B. Mạng máy tính và Internet	Bài 4: Mạng máy tính	Nhận biết - Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính. - Nêu được các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, cáp nối, Switch, Access Point,... Thông hiểu - Nêu được ví dụ cụ thể về thiết bị kết nối, thiết bị đầu cuối.	1 TN Câu 7	1TN Câu 8		
	Bài 5: Internet	Nhận biết - Nêu được các dịch vụ, đặc điểm và ích lợi chính của Internet. Thông hiểu - Hiểu internet là gì, đặc điểm chính của internet Vận dụng - Vận dụng được một số đặc điểm và lợi ích chính của internet	1 TN Câu 10 1 TL Câu 11	1 TN Câu 9		
Tổng số câu			6 TN 1 TL	4 TN 1 TL	1 TL	1 TL
Tổng số điểm			4 đ	3 đ	2 đ	1 đ
Tỉ lệ %			40%	30%	20%	10%

Họ và tên:..... Lớp:	KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 6 Thời gian : 45 phút <i>(Không kể thời gian giao đề)</i>	Điểm
-------------------------------	--	-------------

(Lưu ý: HS làm bài trên đề thi)

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Thiết bị nào không phải là vật mang tin:

- A. Bút bi. B. Đĩa CD. C. Thẻ nhớ D. Vở ghi.

Câu 2. Nội dung trên áp phích tuyên truyền tác hại của thuốc lá điện tử mà em nhìn thấy ở trường là:

- A. Vật mang tin B. Thông tin C. Dữ liệu D. Vật liệu

Câu 3. Chức năng của bộ xử lý máy tính là gì?

- A. Thu nhận B. Xử lý C. Lưu trữ D. Truyền

Câu 4. Thao tác ghi nhớ và cất giữ tài liệu của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

- A. Thu nhận. B. Xử lý C. Lưu trữ D. Truyền.

Câu 5. Một Gigabyte xấp xỉ bằng:

- A. 1 triệu byte. B. 1 tỉ byte.
C. 1 nghìn tỉ byte. D. 1 nghìn byte.

Câu 6. Đơn vị đo dữ liệu nào sau đây là lớn nhất?

- A. Bit B. Byte C. Kilobyte D. Terabyte

Câu 7. Một mạng máy tính gồm:

- A. Tối thiểu 5 máy tính được liên kết với nhau
B. Một số máy tính bàn
C. Hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau
D. Tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một tòa nhà

Câu 8. Đầu là thiết bị kết nối mạng máy tính

- A. Bộ định tuyến B. Máy tính C. Máy quét D. Máy in

Câu 9. Ai là chủ sở hữu của Internet

- A. Thầy cô B. Dân tri thức.
C. Google. D. Không có ai là chủ thực sự của Internet.

Câu 10. Đầu là dịch vụ phổ biến trên Internet?

- A. WWW B. VVV C. AAA D. YYY

II. Phần tự luận (5 điểm)

Câu 11 (1 đ). Em hãy thay các số trong mỗi câu bằng một từ hoặc cụm từ cho thích hợp.

Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm,(1)..... lưu trữ và trao đổi(2).....

Câu 12 (1 đ). Thông tin là gì? Thông tin có thể giúp cho con người những gì?

Câu 14 (1 đ). Một cái USB có dung lượng là 4 MB, người ta đã dùng hết 1625 KB. Hỏi USB còn lại bao nhiêu KB chưa sử dụng đến?

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines, typical of primary school writing paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Họ và tên:..... Lớp:	KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 6 Thời gian : 45 phút <i>(Không kể thời gian giao đề)</i>	Điểm
-------------------------------	--	-------------

(Lưu ý: HS làm bài trên đề thi)

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Thông tin dạng âm thanh là thông tin nào bên dưới đây?

- A. Ngủ dậy phải đánh răng. B. Đi học bằng xe đạp.
C. Hẹn bạn Thành cùng đi học. D. Tiếng chim hót.

Câu 2. Tầm bản để ghi nội dung tuyên truyền tác hại của thuốc lá điện tử gọi là?

- A. Dữ liệu B. Thông tin C. Vật mang tin D. Vật liệu

Câu 3. Quá trình xử lý thông tin gồm mấy hoạt động cơ bản ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 4. Em đang nghe thầy cô giảng bài thuộc hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin:

- A. Thu nhận B. Xử lý C. Lưu trữ D. Truyền

Câu 5. Một Megabyte xấp xỉ bằng:

- A. 1 tỉ byte. B. 1 nghìn tỉ byte.
C. 1 triệu byte. D. 1 nghìn byte.

Câu 6. Đơn vị đo dữ liệu nào sau đây là nhỏ nhất?

- A. Bit B. Byte C. Kilobyte D. Terabyte

Câu 7. Một mạng máy tính gồm:

- A. Một số máy tính bàn
B. Hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau
C. Tối thiểu 5 máy tính được liên kết với nhau
D. Tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một tòa nhà

Câu 8. Thiết bị nào sau đây là thiết bị đầu cuối:

- A. Bộ chuyển mạch B. Máy tính
C. Bộ chia D. Bộ định tuyến

Câu 9. Đây là đặc điểm chính của mạng Internet?

- A. Tính toàn cầu B. Tính cập nhật
C. Tính lưu trữ D. Tính đa dạng

Câu 10. Để kết nối với Internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi:

- A. Một máy tính khác. B. Người quản trị mạng xã hội.
C. Nhà cung cấp dịch vụ Internet. D. Người quản trị mạng máy tính.

II. Phần tự luận (5 điểm)

Câu 11 (1 đ). Em hãy thay các số trong mỗi câu bằng một từ hoặc cụm từ cho thích hợp.

Internet là mạng(1).....các(2)... máy tính trên khắp thế giới.

Câu 13 (2 đ). Kể tên một số thiết bị nhập dữ liệu mà em biết? Hãy cho biết thiết bị cho em ghi văn bản vào máy tính là gì?

BÀI LÀM

[illegible]

MÃ ĐỀ A

I. Phần trắc nghiệm: (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	B	C	B	D	C	A	D	A

II. Phần tự luận (5 điểm)

Câu	Đáp án, hướng dẫn chấm	Điểm
11 (1đ)	- Chia sẻ - Thông tin	0,5đ 0,5đ
12 (1đ)	- Thông tin là tất cả những gì đem lại cho ta hiểu biết về thế giới xung quanh và chính bản thân mình. - Thông tin có thể giúp cho con người: + Đem lại hiểu biết cho con người. + Giúp con người đưa ra những lựa chọn tốt, giúp cho hoạt động của con người đạt hiệu quả.	0,5 đ 0,25đ 0,25đ
13 (2đ)	- Một số thiết bị xuất dữ liệu mà em biết: màn hình, máy in, loa,... - Thiết bị cho em thấy các hình ảnh hay kết quả hoạt động của máy tính là màn hình	1đ 1đ
14 (1đ)	4 MB=4*1024 KB=4096 KB Số KB chưa sử dụng là: 4096 - 1625=2471 KB	0,5đ 0,5đ

MÃ ĐỀ B

I. Phần trắc nghiệm: (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	C	D	A	C	A	B	B	A	C

II. Phần tự luận (5 điểm)

Câu	Đáp án, hướng dẫn chấm	Điểm
11 (1đ)	- Liên kết - Mạng	0,5đ 0,5đ
12 (1đ)	- Dữ liệu là thông tin được đưa vào máy tính. - Dữ liệu trong máy tính được mã hóa thành dãy bit vì máy tính không thể hiểu được ngôn ngữ tự nhiên mà sử dụng ngôn ngữ riêng được gọi là ngôn ngữ máy tính.	0,5đ 0,5đ
13 (2đ)	- Một số thiết bị nhập dữ liệu mà em biết: Bàn phím, chuột, máy quét - Thiết bị cho em ghi văn bản vào máy tính là: bàn phím	1đ 1đ
14 (1đ)	2 GB=2*1024 MB=2048 MB Số MB chưa sử dụng là: 2048 -512=1536 MB	0,5đ 0,5đ

Tuần: 10, 11

Tiết: 10, 11

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TỔ CHỨC THÔNG TIN

BÀI 6: MẠNG THÔNG TIN TOÀN CẦU

Môn học: Tin học; lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày sơ lược được các khái niệm World Wide Web, website, địa chỉ của website, trình duyệt.
- Xem và nêu được các thông tin chính trên trang web cho trước.
- Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng: tra từ điển, xem tin thời tiết, thời sự, ...

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4:

- Xem và nêu được các thông tin chính trên trang web cho trước.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: HS có khả năng tự nghiên cứu sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về World Wide Web, website, địa chỉ của website, trình duyệt...
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về một số website phục vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng như tra từ điển, xem thời tiết, thời sự...

b. Năng lực tin học:

NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- Sử dụng đúng cách các thiết bị, các phần mềm thông dụng và mạng máy tính phục vụ cuộc sống và học tập; có ý thức và biết cách khai thác môi trường số.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.

- NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Sử dụng được môi trường mạng máy tính để cập nhật và lưu trữ thông tin phù hợp với mục tiêu học tập, chủ động khai thác các tài nguyên hỗ trợ tự học.

NLe: Hợp tác trong môi trường số

- Có khả năng làm việc nhóm.

3. Phẩm chất: Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên: Giáo án, nội dung hoạt động nhóm, nội dung thực hành, một số hình ảnh liên quan đến bài học, bảng nhóm, máy tính, tivi.

2. Đối với học sinh: SGK, SBT, bút màu, tìm hiểu trước một số kiến thức về WWW.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: HS tiếp nhận thông tin

c. Sản phẩm học tập: HS xác định được nội dung kiến thức cần nghiên cứu của bài học, đặt học sinh vào tình huống học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên trình chiếu video khởi động có nội dung 2 học sinh trao đổi với nhau:

An: Hôm qua cô giáo giao bài tập về nhà chi mà trên website, địa chỉ website trường gì gì đó mình không biết, cậu chỉ giúp mình với...

*Bình: Tớ cũng không hiểu lắm nên lúc ở nhà tớ có hỏi chị tớ và chị bảo: để khai thác thông tin nào đó trên mạng thì cần phải xem thông tin ở website, để truy cập một website cần phải biết địa chỉ website và sử dụng trình duyệt web, tớ nghe cũng mơ hồ lắm. Ah!.. An này, giờ Tin học hôm nay chúng ta nghiên cứu các nội dung đó đấy: **Mạng thông tin toàn cầu**. Mau vào lớp thực hiện các nhiệm vụ cô giao xong mình sẽ biết thôi! Đi nào...*

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ Các nhóm HS báo cáo. Nhóm thảo luận, trả lời câu hỏi.

- Báo cáo, thảo luận:

+ Nhóm trưởng trình bày kết quả.

+ GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét.

- Kết luận, nhận định:

+ GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tổ chức thông tin trên Internet

a. Mục tiêu:

- Biết được cách tổ chức thông tin trên một cuốn sách và trên Internet.
- Nêu được các dạng thông tin trên Internet.

- Trình bày được sơ lược về các khái niệm: World Wide Web (WWW), website, địa chỉ của website, trình duyệt.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh trên bảng nhóm

Câu 1: Trong cuốn sách, thông tin được sắp xếp tuần tự. Chẳng hạn, cuốn sách Tin học 6 có các chủ đề, trong mỗi chủ đề có một số bài học, mỗi bài học có các phần, trong từng phần sẽ trình bày nội dung cụ thể.

Câu 2: Trên Internet có thông tin ở các dạng: văn bản, hình ảnh, âm thanh, các phần mềm, các liên kết,...

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1:

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:** GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi vào bảng nhóm

Câu 1. Thông tin trong một cuốn sách được tổ chức như thế nào?

Câu 2. Em đã xem thông tin trên Internet chưa? Trên Internet có những dạng thông tin gì?

- **HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. Nhóm thảo luận, viết câu trả lời vào bảng nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ Nhóm trưởng trình bày kết quả.

+ GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác.

Nhiệm vụ 2:

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- HS đọc phần nội dung kiến thức mới về tổ chức thông tin trên Internet.

- GV giải thích kĩ các khái niệm: website, liên kết, www... và thực hiện rõ cho HS xem trên máy chiếu.

- Dựa trên kết quả của nhiệm vụ 1 và hoạt động đọc nội dung kiến thức mới, GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi trong **phiếu giao nhiệm vụ số 1**

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 1	
Nhóm...	
1. Em hãy chọn phương án đúng.	
Trang siêu văn bản là:	
A. Trang văn bản thông thường không chứa liên kết.	
B. Trang văn bản đặc biệt tích hợp nhiều dạng dữ liệu khác nhau và chứa các liên kết.	

C. Trang văn bản đặc biệt tích hợp nhiều dạng dữ liệu khác nhau không chứa liên kết.
2. Hãy nêu địa chỉ một số website có nội dung phục vụ việc học tập?

Trả lời:

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi, tự đánh giá kết quả thực hiện qua **phiếu đánh giá giao nhiệm vụ số 1**

+ GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần

- Báo cáo, thảo luận:

+ 2 HS đứng tại chỗ trình bày kết quả.

+ GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét.

- Kết luận, nhận định:

+ GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.

Dự kiến kết quả:

1. Đáp án B

2. Ví dụ một số website phục vụ học tập:

<https://tech12h.com>

<https://hanhtrangso.nxbgd.vn>

<https://www.google.com>

<https://www.youtube.com>

Hoạt động 2: Trình duyệt

a. Mục tiêu: Biết cách sử dụng trình duyệt để vào trang web cho trước xem và nêu được các thông tin chính trên trang web đó.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

Câu 1: Tên một số trình duyệt: Firefox, Google Chrome, Microsoft Edge, Safari, Coc Coc, Opera...

Câu 2: Để truy cập vào một trang web ta cần sử dụng một trình duyệt.

+ Nháy đúp chuột vào biểu tượng trình duyệt.

+ Nhập địa chỉ trang web vào ô địa chỉ của trình duyệt.

+ Nhấn phím enter.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:

+ GV đặt vấn đề giới thiệu trình duyệt: Để truy cập vào một website, ta cần dùng một phần mềm ứng dụng được gọi là trình duyệt. Duyệt web là hoạt động truy tìm theo các liên kết để tìm thông tin.

+ GV nêu ví dụ, thông qua đó chỉ rõ trình duyệt đang dùng, quá trình duyệt web.

+ GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi sau:

Câu 1: Em hãy kể tên một số trình duyệt mà em biết?

Câu 2: Để truy cập một trang web ta cần làm thế nào?

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS nhận yêu cầu của GV, tổ chức thảo luận, đưa ra kết quả.

+ GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần.

- Báo cáo, thảo luận:

+ Một số HS đứng dậy trình bày kết quả.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét.

- Kết luận, nhận định:

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

*** Ghi nhớ:**

- Trình duyệt là phần mềm giúp người dùng truy cập các trang web trên internet.
- Người sử dụng có thể theo các liên kết để khai thác thông tin từ các trang web.

Hoạt động 3: Thực hành – Khai thác thông tin trên trang web:

a. Mục tiêu: Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng như tra từ điển, xem thời tiết, thời sự...

b. Nội dung: GV hướng dẫn, HS tiến hành thực hành

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hành của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV bố trí HS thực hành trên mỗi máy (tùy vào điều kiện phòng máy của trường).

+ GV phổ biến nhiệm vụ thực hành qua **phiếu giao nhiệm vụ số 2**, yêu cầu cần đạt để cả lớp nắm được.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 2	
Nhóm...	
(sử dụng kết hợp với nội dung sách giáo khoa trang 25, 26)	
Truy cập trang web	https://vi.wikipedia.org
Xem thông tin thời tiết, thời sự	
Lưu địa chỉ trang web vào thanh đánh dấu	
Truy cập lại trang web đã lưu	

+ GV thực hiện trên máy tính và hướng dẫn HS từng bước sau:

- Mở trình duyệt Google Chrome, nhấp đúp lên biểu tượng  -> Nhập địa chỉ [www.vi.wikipedia.org](https://vi.wikipedia.org) vào thanh địa chỉ -> Nhấp chuột vào Wikipedia, bách khoa toàn thư mở.

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4: nêu các thông tin chính trên trang web.

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS thực hành, đánh giá kết quả thực hành qua **phiếu đánh giá thực hiện nhiệm vụ số 2**. GV quan sát hướng dẫn cho HS.

- **Báo cáo, đánh giá:** HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, đánh giá bài thực hành.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, GV chấm điểm những bài làm tốt và kết luận.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a. **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: yêu cầu HS thực hiện **phiếu giao nhiệm vụ số 3**

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 3		
Nhóm...		
1. Thông tin trên Internet được tổ chức như thế nào? A. Tương tự như thông tin trong cuốn sách. B. Thành từng văn bản rời rạc. C. Thành các trang siêu văn bản kết nối với nhau bởi các liên kết. D. Một cách tùy ý.		
2. Em hãy ghép mỗi nội dung ở cột A với một nội dung phù hợp ở cột B.		
A		B
1. Website là tập hợp		a. sử dụng trình duyệt web.
2. Khi duyệt web, muốn chuyển đến một nội dung hoặc một trang web khác thì ta nháy chuột vào		b. website trên Internet.
3. Để truy cập các trang web ta cần		c. các trang web liên quan được truy cập thông qua một địa chỉ.
4. WWW là hệ thống các		d. liên kết trở đến đó.

- **HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS nhận yêu cầu của GV, tổ chức thảo luận, đưa ra kết quả.

+ GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần.

- **Báo cáo, đánh giá:**

+ Đại diện 1-2 nhóm báo cáo trước lớp, nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét.

- **Kết luận, nhận định:** GV quan sát, nhận xét và kết quả, thái độ làm việc của học sinh và chốt lại.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập :** GV yêu cầu HS thực hiện phiếu giao nhiệm vụ số 4 phần vận dụng trang 27 sgk:

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 4 Nhóm...
Câu hỏi. Em hãy sử dụng trình duyệt web để truy cập vào trang web có địa chỉ: https://hoahoctro.tienphong.vn và https://vtv7.vtv.vn để xem thông tin có trên trang web (tên, biểu tượng, các mục chính, ...) và theo các liên kết trở đến các trang web khác. Lưu địa chỉ các trang web em thích vào thanh đánh dấu.

- **HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ Học sinh thảo luận nhóm, hoạt động dựa vào tài liệu SGK dưới sự giám sát trợ giúp của giáo viên và các thành viên nhóm.

- **Báo cáo, đánh giá:**

+ Đại diện 1-2 nhóm báo cáo trước lớp, nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến, tự đánh giá.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét.

- **Kết luận, nhận định:** GV quan sát, nhận xét và kết quả, thái độ làm việc của học sinh và chốt lại.

Tuần: 12

Tiết: 12

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

BÀI 7: TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET

Môn: Tin học. **Lớp:** 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được công dụng của máy tìm kiếm.
- Xác định được từ khóa ứng với mục đích tìm kiếm cho trước.
- Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4:

- Nêu được công dụng của máy tìm kiếm.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về máy tìm kiếm, từ khóa, khai thác thông tin trên Internet.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời về tìm kiếm thông tin.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra và thực hiện được tìm kiếm thông tin phục vụ học tập liên môn (ví dụ tìm hiểu về tầng ozone..) và áp dụng vào cuộc sống (ví dụ tìm kiếm thông tin du lịch ở địa điểm nào đó, thông tin dịch bệnh Covid 19..).

2.1. Năng lực tin học

NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- Sử dụng máy tìm kiếm, internet để hoàn thành nhiệm vụ của bài học.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

- Hiểu được tầm quan trọng của máy tìm kiếm, từ khóa: biết lựa chọn thông tin phù hợp và giá trị với mục đích tìm kiếm.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Sử dụng môi trường internet để tìm kiếm, thu thập thông tin phù hợp với mục đích tìm kiếm cho học tập.

3. Về phẩm chất:

- Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.

Trách nhiệm: rèn luyện tính cẩn trọng và chính xác, có tinh thần trách nhiệm trong sử dụng thông tin.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi.

2. Học liệu:

- **Đối với giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, một số nội dung cần tìm kiếm trên Internet, nội dung hoạt động nhóm, bảng nhóm, phiếu đánh giá.

- **Đối với học sinh:** Sgk, tìm hiểu trước một số kiến thức về máy tính tìm kiếm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Đặt vấn đề về việc cần thiết của việc tìm kiếm thông tin trên internet

b. Nội dung:

- Định hướng bài học.
- Tìm hiểu tình huống học tập.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** GV cho học sinh nghe một câu hát bất kì. Yêu cầu học sinh nêu tên bài hát?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh nêu ra câu trả lời

- **Báo cáo, thảo luận:** HS nhận xét câu trả lời. GV nhận xét câu trả lời của học sinh.

- Kết luận, nhận định:

- + GV tổng hợp kết quả của cá nhân, đưa ra đáp án
- + GV dẫn dắt về việc sử dụng Internet trong đời sống thực tiễn.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm kiếm thông tin trên internet

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được thế nào là máy tìm kiếm, từ khóa
- Tác dụng của máy tìm kiếm

b. Nội dung: Phiếu giao nhiệm vụ, kết luận, đánh giá.

c. Sản phẩm học tập: Hs thực hiện được yêu cầu phiếu giao nhiệm vụ số 1.

- Máy tìm kiếm là một trang web đặc biệt hỗ trợ người sử dụng tìm kiếm thông tin nhanh, thuận tiện.
- Những thuận lợi và khó khăn:
 - + Thuận lợi: Nhanh, nhiều thông tin.
 - + Khó khăn: phải chọn từ khóa phù hợp, phải sàng lọc, tổng hợp, kiểm tra độ tin cậy và đầy đủ của thông tin.
- Kể tên một số máy tìm kiếm mà em biết? Em thường sử dụng máy tìm kiếm nào?
 - + Kể tên một số máy tìm kiếm: Google.com; Bing.com
 - + Em thường sử dụng máy tìm kiếm: Google.com
- Đặt từ khóa trong dấu “ ” có tác dụng gì?
 - + Thu hẹp phạm vi tìm kiếm

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- + GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (4 – 6) bạn, yêu cầu các nhóm thực hiện nghiên cứu nội dung sgk trang 28
- + Hoàn thành phiếu học tập số 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Nhóm:.....	
Câu 1: Sử dụng máy tìm kiếm để tìm kiếm thông tin em thấy có thuận lợi và khó khăn gì?	
.....	
.....	
.....	
.....	

Câu 2: Kể tên một số máy tìm kiếm mà em biết? Em thường sử dụng máy tìm kiếm nào?

.....
.....

Câu 3: Đặt từ khóa trong dấu “ ” có tác dụng gì?

.....
.....

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4: Em hãy nêu công dụng của máy tìm kiếm.

- Thực hiện nhiệm vụ học tập

+ Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. Nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập

+ GV quan sát, hỗ trợ khi cần

- Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Nhóm trưởng trình bày kết quả.

+ GV gọi các nhóm khác đứng dậy nhận xét.

- Kết luận, nhận định:

+ GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.

+ GV lưu ý: Các thông tin trên internet rất đa dạng, có thể đúng và cũng có thể thiếu chính xác hoặc chưa đầy đủ. Do đó, các em HS nên tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn để so sánh, chọn lọc, tổng hợp để có được kết quả như mong muốn.

2.2 : Thực hành – Tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.

a. Mục tiêu: HS sử dụng một số máy tìm kiếm, thực hiện theo hướng dẫn, chọn từ khóa để tìm kiếm thông tin. Qua việc thực hiện tìm kiếm lần lượt với các từ khóa, HS rút ra được cách lựa chọn từ khóa phù hợp.

b. Nội dung: GV hướng dẫn, HS tiến hành thực hành

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hành của HS.

- Sử dụng máy tìm kiếm để tìm thông tin.

- Lựa chọn từ khóa phù hợp để tìm kiếm nhanh.

- Cần phân tích, so sánh, chọn lọc thông tin.

- Sao chép và lưu thông tin cần thiết đã tìm được.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV bố trí HS thực hành trên mỗi máy (tùy vào điều kiện phòng máy của trường).

+ GV phổ biến nhiệm vụ thực hành: Thực hiện tìm kiếm lần lượt với từ khóa ***lời bài hát phần khởi động để tìm tên bài hát***

+ GV yêu cầu học sinh nghiên cứu SGK và thực hiện trên máy tính việc tìm kiếm theo nhiệm vụ đã giao

=> Gõ địa chỉ *google.com* vào thanh địa chỉ, nhấn phím *enter* => Nhập từ khóa, nhấn phím *Enter*.

+ GV lưu ý: HS nên chọn từ khóa sát với vấn đề cần tìm.

- Thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV gọi 1 học sinh lên bảng thực hành thao tác tìm kiếm.

+ Yêu cầu học sinh quan sát, nhận xét.

+ GV quan sát, nhận xét, kết luận.

- Báo cáo kết quả và thảo luận

+ Nhóm trưởng trình bày kết quả.

+ GV gọi các nhóm khác đứng dậy nhận xét.

- Kết luận, nhận định:

+ Kết thúc bài thực hành, GV chấm điểm những bài làm tốt, cùng HS nhận xét, đánh giá hoạt động thực hành.

3.. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Khắc sâu lại kiến thức đã học thông qua bài tập

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm học tập: Hoàn thiện bài tập 1, 2 phần luyện tập trang 31 SGK

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Trình chiếu bài tập 1, 2 phần luyện tập.

+ Yêu cầu học sinh thực hiện bài tập 1, 2

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh làm việc cá nhân trả lời câu hỏi.

- Báo cáo, thảo luận:

+ GV cho HS nhận xét, bổ sung và rút ra vấn đề.

- Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để thực hành tìm kiếm thông tin trên máy tính.

c. Sản phẩm học tập: Bài thực hành của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành bài tập 1, 2 phần vận dụng trang 31 sgk:

- Thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện.

- Báo cáo, đánh giá

+ GV nhắc lại kiến thức trọng tâm của bài học, chuẩn kiến thức cuối cùng.

Tuần: 13, 14

Tiết: 13, 14

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY:

Bài 8: THƯ ĐIỆN TỬ

Môn: Tin Học - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Biết thư điện tử là gì; biết ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác.

- Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử và cách đăng kí tài khoản thư điện tử.

- Thực hiện đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử.

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4:

- Biết thư điện tử là gì.

- Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm Thư điện tử, dịch vụ thư điện tử, tài khoản thư điện tử.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Địa chỉ thư điện tử

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được các phương thức trao đổi thông tin xưa và nay.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLC: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông:

- *Nhận biết* thư điện tử
- *Nêu* được ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử
- *Phân biệt* được các thành phần của địa chỉ thư điện tử
- *Nhận biết* tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, dịch vụ thư điện tử
- *Nhận biết* cách đăng ký tài khoản, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất
- Tìm kiếm, lựa chọn được thông tin phù hợp và tin cậy.
- Chia sẻ dữ liệu và thông tin trong quá trình phát hiện và giải quyết vấn đề.

NLD: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi.

2. Học liệu:

- **Đối với giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, một số bức thư gửi bưu điện, thư điện tử, vài hình ảnh về các phương thức liên lạc khác, nội dung hoạt động nhóm, bảng nhóm, máy tính, máy chiếu, các phiếu học tập.

- **Đối với học sinh:** Sách giáo khoa, sách bài tập, bút màu, tìm hiểu trước về kiến thức thư điện tử cùng các phương thức liên lạc khác.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu: Biết các phương tiện gửi thư
- b. Nội dung: Nêu được các phương tiện gửi thư.
- c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập số 1
- d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- + Học sinh thảo luận nhóm.
- + Mỗi nhóm 01 phiếu học tập, trả lời vào phiếu học tập số 1.

Phiếu học tập số 1 Nhóm:	
* Ba hình sau cho em biết điều gì?   	

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát, trả lời vào phiếu học tập số 1.
- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện các nhóm báo cáo, nhóm khác bổ sung ý kiến
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề, dẫn dắt vào bài mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1 Hoạt động 1. Thư điện tử. Tài khoản thư điện tử.

a. Mục tiêu:

- Biết thư điện tử là gì?
- Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, các thành phần của địa chỉ thư điện tử.
- Biết cách đăng ký tài khoản thư điện tử và thực hiện được việc đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử

a. Nội dung: Thư điện tử

c. Sản phẩm:

Câu 1. Thư điện tử là thư được gửi và nhận bằng phương tiện điện tử.

Câu 2. Dịch vụ thư điện tử là dịch vụ cung cấp các chức năng soạn thảo, gửi, nhận, chuyển tiếp, lưu trữ và quản lý thư điện tử cho người sử dụng.

Câu 3. Cách đăng ký tài khoản thư điện tử và thực hiện được việc đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử:

+ Người sử dụng đăng ký với nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử để mở tài khoản thư điện như : Google, Yahoo, ...

+ Địa chỉ thư điện tử có dạng:

<Tên đăng nhập>@<Địa chỉ máy chủ thư điện tử>

Trong đó:

* Tên đăng nhập: Người sử dụng tự chọn khi đăng ký

* Địa chỉ máy chủ thư điện tử: Do nhà cung cấp dịch vụ quy định.

* Mật khẩu: người sử dụng tự chọn khi đăng kí.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm đôi, trả lời các câu hỏi. Các nhóm đánh giá chéo, chấm điểm chéo lẫn nhau.

Câu 1. Nêu khái niệm thư điện tử?

Câu 2. Dịch vụ thư điện tử là gì?

Câu 3. Hãy nêu cách đăng ký tài khoản thư điện tử và thực hiện được việc đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử.

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4: Nêu khái niệm thư điện tử?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm hoạt động dựa vào tài liệu SGK dưới sự giám sát trợ giúp của giáo viên và các bạn trong lớp.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện các nhóm báo cáo, nhóm khác bổ sung ý kiến. Các nhóm đánh giá chéo kết quả của nhau.

- **Kết luận, nhận định:** GV quan sát, nhận xét, chốt lại.

2.2 Hoạt động 2. Ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử

a. Mục tiêu:

- Biết ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác

b. Nội dung: ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử

c. Sản phẩm:

Câu 1. HS nêu được ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác

+ Ưu điểm:

- Thời gian gửi và nhận nhanh, kịp thời.

- Có thể gửi thư cùng lúc cho nhiều người. Có thể gửi kèm được các tệp thông tin khác nhau như văn bản, âm thanh, hình ảnh,...
- Lưu trữ và tìm kiếm các thư đã gửi hoặc nhận một cách dễ dàng.
- Chi phí thấp, có nhiều dịch vụ thư điện tử miễn phí.

+ Nhược điểm:

- Phải kết nối mạng mới sử dụng được.
- Có thể kèm theo virus máy tính.
- Có thể bị làm phiền với các thư rác.
- Có thể bị lừa đảo bởi các thư giả mạo.

Câu 2: Ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử

+ Ưu điểm: Chi phí thấp, tiết kiệm thời gian, thuận tiện, ...

+ Nhược điểm: Phải sử dụng phương tiện điện tử kết nối mạng, có thể gặp một số nguy cơ, phiền toái.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Theo em dịch vụ thư điện tử có những ưu và nhược điểm gì so với các phương thức liên lạc khác?

Câu 2. Em hãy nêu ưu điểm và hạn chế của dịch vụ thư truyền thống. Các điểm đó đã thay đổi như thế nào khi ta sử dụng dịch vụ thư điện tử?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm kết hợp với SGK.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện các nhóm báo cáo, sau đó thực hành nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- **Kết luận, nhận định:** GV quan sát, nhận xét, chốt lại.

2.3. Hoạt động 3. Thực hành

2.3.1. Hoạt động: Đăng kí tài khoản, đăng nhập, đăng xuất và gửi thư điện tử.

a. Mục tiêu:

- Thực hiện đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử.
- Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.

b. Nội dung:

- Hs thực hành đăng kí tài khoản, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử.

c. Sản phẩm: Hs đăng kí tài khoản, đăng nhập, soạn, gửi thư đến hộp thư điện tử của giáo viên thành công.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV thao tác đăng kí tài khoản, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất thư điện tử mẫu (GV có thể thao tác trực tiếp hoặc sử dụng video hướng dẫn thao tác đã chuẩn bị trước).

+ GV chia lớp thành 4 nhóm

+ Các nhóm đọc và hoàn thành yêu cầu phiếu giao nhiệm vụ số 2.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 2 Nhóm....
1) Thực hiện đăng kí tài khoản thư điện tử (mỗi nhóm 1 tài khoản) 2) Soạn và gửi thư điện tử có nội dung: <i>Người nhận:</i> địa chỉ hộp thư của GV <i>Chủ đề:</i> Bài thực hành của nhóm <i>Nội dung:</i> Đính kèm hình ảnh về di tích lịch sử tượng đài chiến thắng Núi Thành.

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4: GV hướng dẫn thực hiện đăng kí tài khoản thư điện tử trên máy tính cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện yêu cầu của phiếu số 2.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ GV cho đại diện nhóm trình bày.

+ Nhóm khác nhận xét.

- **Kết luận, nhận định:**

+ Các nhóm đánh giá chéo.

+ GV nhận xét, đánh giá bằng phiếu đánh giá số 2, kết luận vấn đề.

2.3.2. Hoạt động: Tích hợp giáo dục đạo đức qua nhiệm vụ trên: về tình yêu quê hương, tự hào về các di tích lịch sử của quê hương.

a. Mục tiêu: Hướng dẫn HS nắm được yêu cầu của phiếu giao nhiệm vụ số 3.

b. Nội dung: Phổ biến Phiếu giao nhiệm vụ số 3

c. Sản phẩm: Hs nắm bắt được yêu cầu của Phiếu giao nhiệm vụ số 3.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV gửi Phiếu giao nhiệm vụ số 3 qua thư điện tử cho các nhóm.

+ Các nhóm đăng nhập vào thư điện tử, thực hiện hoạt động đọc yêu cầu trong Phiếu giao nhiệm vụ số 3.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 3 Nhóm
Câu 1: “TÌM HIỂU ĐỊA CHỈ ĐỒ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NÚI THÀNH” (Em hãy viết một bài giới thiệu về các di tích lịch sử ở Núi Thành). Câu 2: Sử dụng phần mềm thích hợp có kèm hình ảnh để thiết kế bài báo cáo gồm các mục: 1. Giới thiệu 2. Thực trạng

3. Giải pháp để bảo tồn di tích lịch sử

4. Kết luận

* Lưu ý: Hình ảnh minh họa có thể tìm kiếm trên Internet hoặc chụp hình trực quan.

Câu 3: Bài báo cáo sau khi thực hiện xong gửi qua thư điện tử (kieudiemtk2018@gmail.com)

Câu 4: Gợi ý báo cáo vào tuần sau:

Yêu cầu khi báo cáo:

- Thời gian trình bày
- Sự hợp tác nhóm
- Hình thức
- Nội dung
- Phong cách trình bày
- Khả năng giải quyết vấn đề
- Tính sáng tạo
- Hiệu quả làm việc

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh nắm bắt được yêu cầu trong Phiếu giao nhiệm vụ số 3.
- **Thảo luận, kết luận:** GV giải đáp thắc mắc và định hướng thêm (nếu có).
- **Kết luận, nhận định:** GV hướng dẫn HS làm ở nhà.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Biết được hạn chế của thư điện tử, những thông tin cần khai báo khi tạo tài khoản thư điện tử.

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

Đáp án: 1-C; 2-Có; 3-B vì thiếu @ kí tự bắt buộc

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân đọc và làm việc theo cặp trả lời câu hỏi sau:

Câu 1. Thư điện tử có hạn chế nào dưới đây so với các hình thức gửi thư khác?

- A. Không đồng thời gửi được cho nhiều người.
- B. Thời gian gửi thư lâu.
- C. Phải phòng tránh virus, thư rác.
- D. Chi phí thấp

Câu 2. Một người có thể gửi được nhiều tài khoản thư điện tử không?

Câu 3. Địa chỉ thư điện tử nào sau đây không đúng? Tại sao

A. khoa123@gmail.com

B. minhluan@gmail.com

C. nmha@hnmu.edu.vn

D. thuyk392@yahoo.com

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm kết hợp với SGK

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện các nhóm báo cáo, nhóm khác bổ sung ý kiến, đánh giá chéo.

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Biết thư điện tử rác là gì.

b. Nội dung: Nhận biết được thư điện tử rác.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

Đáp án: A, C, D, F

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi sau:

Em hãy xác định xem thư nào có thể là thư rác trong các thư điện tử với tiêu đề như sau:

A. Cơ hội đầu tư kiếm được nhiều tiền hơn.

B. Danh sách học sinh tham gia thi học sinh giỏi môn Tin học.

C. Quà tặng miễn phí, hãy nháy chuột nhanh.

D. Bạn đã trúng một chuyến đi miễn phí đến Mỹ.

E. Ảnh tập thể lớp 6A ngày khai trường.

F. Khuyến mãi, ưu đãi giá rẻ cho bạn

- **Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện các nhóm báo cáo, nhóm khác bổ sung ý kiến

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

Tuần: 15, 18

Tiết: 15, 18

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

CHỦ ĐỀ D. ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ

TÊN BÀI DẠY:

Bài 9: AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET

Môn: Tin Học - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Biết được một số tác hại và nguy cơ bị hại khi sử dụng Internet. Nêu và thực hiện được một số biện pháp phòng ngừa cơ bản
- Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và cả tập thể.
- Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn.
- Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp.
- Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.

Đối với HS khuyết tật:

- **Biết được một số tác hại và nguy cơ bị hại khi sử dụng Internet.**
- **Biết một số biện pháp bảo vệ thông tin, tài khoản cá nhân.**

2. Về năng lực:

- Nội dung trong bài học gắn kết kiến thức trong sách vở với thực tế, nhằm kết nối tri thức với cuộc sống.

2.1. Năng lực chung

- Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- + Năng lực phán đoán.
- + Năng lực phân tích và giải quyết vấn đề: Học sinh biết cách xử lý thông tin trong một tình huống thực tế, biết cách tìm kiếm, thu thập và lưu trữ thông tin về lĩnh vực cần quan tâm trên mạng Internet.
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp các em phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực B (NLb): Ứng xử phù hợp trong môi trường số.

Năng lực C (NLc):

- *Nhận biết* được tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet.
- *Nêu* được quy tắc an toàn khi sử dụng Internet trong thực tế.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- **Nhân ái:** Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.
- **Trung thực:** Truyền đạt các thông tin chính xác.
- **Thận trọng:** Cẩn trọng trước những thông điệp, người xấu trên mạng Internet.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ, phiếu đánh giá kết quả và một số thông tin về các sự việc đã xảy ra trong thực tế liên quan đến bài học (qua báo, đài, tivi).

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu trước một số kiến thức liên quan đến bài học: các nguy cơ có thể gặp trên Internet và cách phòng tránh, cách bảo vệ thông tin cá nhân và tập thể, cách chia sẻ thông tin an toàn và hợp pháp, cách nhận biết một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Khám phá kiến thức qua hoạt động tình huống (2 bạn đóng vai) về tác hại của virus máy tính, an toàn thông tin trên mạng internet đến người dùng Việt Nam.
- Trình bày kết quả bằng cách trả lời nhanh thông qua trò chơi “Ai nhanh hơn”.

b. Nội dung: Quan sát tình huống, trả lời câu hỏi, tạo vấn đề cần nghiên cứu khi tham gia trên mạng internet?

c. Sản phẩm: Kết quả trên bảng nhóm theo yêu cầu của GV.

Câu 1. Tình huống nói về vấn đề gì?

- Tác hại của virus máy tính
- Đánh cắp thông tin cá nhân
- Mua bán thông tin cá nhân trên mạng
- Tội phạm mạng
- An toàn thông tin trên internet

Câu 2. Em hãy dự đoán những nguy cơ có thể xảy ra trên internet?

- Mất tiền trên mạng
- Mất tài khoản truy cập
- Mất hình ảnh cá nhân
- Máy tính không truy cập được
- Có người lạ gọi làm phiền
- Tổng tiền ...

d. Tổ chức thực hiện:

- *Chuyển giao nhiệm vụ:*

Tổ chức trò chơi “Ai Nhanh hơn”

Hình thức trò chơi: Chia làm 6 nhóm chơi, mỗi nhóm nhận 1 phiếu học tập để điền hiểu biết của nhóm mình ngay khi tình huống kết thúc nếu đội nào có câu trả lời đúng nhiều nhất và nhanh nhất sẽ được phần quà.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 1 Nhóm....
Câu 1. Tình huống nói về vấn đề gì?
Câu 2. Em hãy dự đoán những nguy cơ có thể xảy ra trên internet?

.....
.....

- Thực hiện nhiệm vụ học tập

Thực hiện phiếu học tập số 1.

- Báo cáo kết quả, thảo luận: Đại diện các nhóm báo cáo, nhóm khác bổ sung ý kiến

- Kết luận, nhận định: GV quan sát, nhận xét, chốt lại.

Kết luận mạng internet cung cấp nhiều lợi ích cho em, nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ từ mạng internet.

2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

2.1 Tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet

a. Mục tiêu hoạt động:

- Học sinh biết được một số tác hại và nguy cơ khi sử dụng internet
- HS nhận thức được mức độ gây hại của các nguy cơ đó.

b. Nội dung: Tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet

c. Sản phẩm: Học sinh thực hiện cá nhân trả lời câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ: Học sinh thực hiện hoạt động đọc và trả lời câu hỏi.

Câu hỏi: Hãy nêu tác hại, nguy cơ khi dùng Internet?

Đối với HS khuyết tật: Nêu một số tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet.

- Thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện cá nhân trả lời câu hỏi.

- Báo cáo, thảo luận

- Gv gọi HS trình bày câu trả lời
- HS khác đánh giá, nhận xét và rút ra vấn đề

- Kết luận, nhận định: GV đánh giá, nhận xét và góp ý.

*** Ghi nhớ:**

- Thông tin cá nhân bị lộ hoặc bị đánh cắp
- Máy tính bị nhiễm virus hoặc mã độc
- Bị dụ dỗ, lừa đảo, đe dọa, bắt nạt trên mạng
- Tiếp nhận thông tin không chính xác
- Nghiện internet, nghiện trò chơi trên mạng

2.2 Một số quy tắc an toàn khi sử dụng Internet

a. Mục tiêu

- HS nêu lên những việc cần làm để tránh gặp phải những rắc rối, những nguy cơ.
- HS nêu được các nguy cơ gây hại mà người sử dụng có thể gặp trên Internet.
- HS nhận thức được mức độ gây hại của các nguy cơ đó.

b. Nội dung

- Một số quy tắc an toàn khi sử dụng Internet

c. Sản phẩm

- Hs thực hiện được yêu cầu trên bảng phụ.

Kết quả dự kiến:

(1) giữ an toàn, (2) chấp nhận, (3) không gặp gỡ, (4) kiểm tra độ tin cậy, (5) nói ra.

d. Tổ chức thực hiện

- *Chuyển giao nhiệm vụ:*

+ Đặt vấn đề: Em đã từng sử dụng Internet chưa? Em đã bao giờ gặp phải một trong những nguy cơ khi sử dụng Internet như trên chưa?

+ Học sinh thực hiện hoạt động đọc và hoàn thành câu hỏi trên bảng phụ

Câu hỏi: Thay các số trong mỗi câu bằng một từ/cụm từ thích hợp: **không gặp gỡ, kiểm tra độ tin cậy, giữ an toàn, nói ra, cảnh giác, chấp nhận.**

a. Thông tin cá nhân, gia đình và bạn bè cần được ... (1) ..., không tiết lộ trên mạng xã hội và cho người lạ.

b. Không ... (2) ... tin nhắn hay thư điện tử từ người lạ hoặc các lời mời vào các hội nhóm mà mình không biết.

c. Những người quen trên mạng rủ rê hẹn hò thì ...(3)...

d. Thông tin tìm kiếm trên mạng nên được ...(4)... trước khi sử dụng.

e. Khi bị bắt nạt, lừa đảo hay dụ dỗ thì nên ...(5)... với người tin cậy.

- *Thực hiện nhiệm vụ*

+ HS thực hiện quan sát và hoàn thành câu hỏi trên bảng phụ.

- *Báo cáo, thảo luận:*

+ GV cho các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- *Kết luận, nhận định:*

GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

Thông tin phải được giữ AN TOÀN.

Chớ nên GẶP GỠ bạn vừa mới quen.

Không CHẤP NHẬN, chớ có quên.

Tăng độ TIN CẬY, điều nên giữ gìn.

NÓI RA với người bạn tin.

Năm quy tắc đó nên in vào lòng.

2.3. An toàn thông tin

2.3.1. Bảo vệ thông tin cá nhân:

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết được cách bảo vệ thông tin cá nhân trên internet

b. Nội dung: Bảo vệ thông tin cá nhân

c. Sản phẩm: HS thực hiện được yêu cầu trên bảng phụ.

* Kết quả dự kiến

- + Câu 1: Trả lời theo ý hiểu
- + Câu 2: Trả lời theo ý hiểu
- + Câu 3:
 - Cài đặt và cập nhật phần mềm chống virus
 - Đặt mật khẩu mạnh. Bảo vệ mật khẩu.
 - Đăng xuất tài khoản khi đã dùng xong.
 - Tránh dùng mạng công cộng.
 - Không truy cập vào các liên kết lạ; không mở thư điện tử và tệp đính kèm gửi từ những người không quen; không kết bạn và nhắn tin cho người lạ.
 - Không chia sẻ thông tin cá nhân và những thông tin chưa được kiểm chứng trên Internet; không lan truyền tin giả làm tổn thương người khác.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:

Câu hỏi:

Câu 1: Sau giờ thực hành ở phòng máy, bạn Hoàng quên đăng xuất tài khoản thư điện tử của mình và ai đó đã dùng tài khoản thư điện tử của Hoàng để gửi nội dung không hay cho người khác. Theo em, điều gì có thể xảy ra với Hoàng?

Câu 2. Em mở thư điện tử để xem thì ngẫu nhiên có một thư là một video có hình ảnh bạo lực mà em rất sợ. Em nên làm gì?

Câu 3. Em hãy nêu một vài cách để bảo vệ tài khoản thư điện tử.

- Thực hiện nhiệm vụ

- + HS thực hiện nhóm trả lời câu hỏi.

- Báo cáo, thảo luận

- + Gv gọi HS trình bày câu trả lời
- + HS khác đánh giá, nhận xét và rút ra vấn đề

- Kết luận, nhận định

- + GV đánh giá, nhận xét và chốt nội dung.
- + Tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể.

- + Bảo vệ thông tin và tài khoản cá nhân với sự giúp đỡ của người lớn
- + Nhận diện một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu

2.3.2. Chia sẻ thông tin an toàn

a. Mục tiêu: Biết cách chia sẻ thông tin một cách an toàn trên mạng Internet

b. Nội dung: Chia sẻ thông tin an toàn

c. Sản phẩm

- Hs thực hiện nhóm đôi trả lời câu hỏi.

1. Em không cho người quen trên mạng số điện thoại và địa chỉ của em. Không hẹn gặp người nói chuyện với người đó vì có thể gặp điều không hay.

2. Em sẽ không đăng tin không tốt về bạn cùng lớp trên mạng. Em sẽ tìm hiểu để biết thông tin đó đúng hay sai và có thể làm gì để giúp đỡ bạn.

d. Tổ chức thực hiện

- *Chuyển giao nhiệm vụ:*

Thảo luận nhóm và đại diện nhóm trả lời, hoàn thành các câu hỏi sau:

Câu 1: Một bạn quen trên mạng xin số điện thoại và địa chỉ của em để gặp nhau nói chuyện. Em có nên không? Tại sao?

Câu 2: Em được một bạn gửi qua mạng cho một số thông tin không tốt về một bạn khác cùng lớp. Em có nên đăng lên mạng để mọi người cùng biết không?

Đối với HS khuyết tật: nêu một số biện pháp bảo vệ thông tin, tài khoản cá nhân.

- *Thực hiện nhiệm vụ*

- + HS thực hiện quan sát và hoàn thành câu hỏi.

- *Báo cáo, thảo luận:*

- + GV cho các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- *Kết luận, nhận định:*

GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

- Thông tin cá nhân chỉ nên chia sẻ cho những người mình biết và tin tưởng ở thế giới thực trong các trường hợp cần thiết.

- Thông tin trên mạng đến từ nhiều nguồn khác nhau, không ai kiểm chứng. Khi đọc thông tin, phải biết chọn lọc thông tin chính xác.

3. Hoạt động 3. Luyện tập

a. Mục tiêu hoạt động:

Khắc sâu kiến thức đã học. Học sinh biết vận dụng tác hại, nguy cơ và một số quy tắc an toàn khi sử dụng Internet để giải quyết các yêu cầu trong phần luyện tập.

b. Nội dung: Phiếu giao số 2 và bài báo của của các nhóm.

c. Sản phẩm: Hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 2

Kết quả dự kiến:

Câu 1: D

Câu 2: C

Câu 3: A

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 2 Nhóm:
Câu 1. Việc làm nào được khuyến khích khi sử dụng các dịch vụ trên Internet? A. Mở thư điện tử do người lạ gửi B. tải các phần mềm miễn phí trên Internet không có kiểm duyệt C. Liên tục vào các trang xã hội để cập nhật thông tin D. Vào trang web tìm kiếm để tìm tư liệu làm bài tập về nhà.
Câu 2. Em nhận được tin nhắn và lời mời kết bạn trên Facebook từ một người mà em không biết. Em sẽ làm gì? A. Chấp nhận yêu cầu kết bạn và trả lời tin nhắn ngay B. Nhắn tin hỏi người đó là ai, để xem mình có quen không, nếu quen mới kết bạn C. Vào Facebook của họ đọc thông tin, xem ảnh xem có phải người quen không, nếu phải thì kết bạn, không phải thì thôi D. Không chấp nhận kết bạn và không trả lời tin nhắn
Câu 3. Em truy cập trang mạng để xem tin tức thì ngẫu nhiên xem được một video có hình ảnh bạo lực mà em rất sợ. Em nên làm gì? A. Thông báo cho cha mẹ và thầy cô giáo về điều đó B. Chia sẻ cho bạn bè để dọa các bạn C. Đóng video lại và tiếp tục xem tin tức coi như không có chuyện gì D. Mở video đó và xem

- Thực hiện nhiệm vụ:

Cá nhân và các nhóm trình bày kết quả của mình.

- Báo cáo, thảo luận: GV cho HS trong nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung và rút ra vấn đề.

- Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

4. Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu hoạt động: HS vận dụng kiến thức được hình thành giải quyết được các yêu cầu của phiếu giao nhiệm vụ.

b. Nội dung: Phiếu giao nhiệm vụ số 3, nội dung trình bày của học sinh.

c. Sản phẩm: HS thực hiện các yêu cầu của phiếu giao nhiệm vụ 3.

Kết quả dự kiến:

- Nghiện game là tình trạng dành quá nhiều thời gian vào các trò chơi trên máy tính, trên mạng gây ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày. Hiện nay, số lượng học sinh nghiện game ngày càng gia tăng và đang là vấn đề mà dư luận xã hội quan tâm. Đã có rất nhiều hậu quả đau lòng xảy ra chỉ vì nghiện game.

- Tác hại: Ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần của người chơi, nhất là các em còn là học sinh, tinh thần, thể chất chưa phát triển toàn diện nên ảnh hưởng càng nghiêm trọng như rối loạn giấc ngủ, cảm thấy mệt mỏi do ngồi chơi game kéo dài và liên tục, học hành chểnh mảng

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 3
Nhóm...
Theo em thế nào là nghiện chơi game trên mạng? Nghiện chơi game sẽ gây tác hại như thế nào đối với học sinh?
Đáp án
.....
.....
.....
.....
.....

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trình bày kết quả của nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận**

GV cho HS trong nhóm trình bày, HS các nhóm khác nhận xét bài báo cáo của bạn và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định**

GV nhận xét và kết luận.

Tuần: 16

Tiết: 16

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP HỌC KÌ I

Môn: Tin Học - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Ôn tập các kiến thức về:

- Thông tin, dữ liệu, vật mang tin.
- Xử lí thông tin trong máy tính.
- Biểu diễn thông tin trong máy tính, đơn vị đo
- Khái niệm mạng máy tính, các thành phần mạng máy tính.
- Internet là gì, đặc điểm chính của internet, một số lợi ích của internet.
- Tổ chức thông tin trên internet, trình internet, khai thác thông tin trên internet.
- Tìm kiếm thông tin trên internet.
- Thư điện tử, tài khoản thư điện tử, ưu và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử.
- Đăng kí tài khoản, đăng nhập, đăng xuất và gửi thư điện tử.
- Tác hại và nguy cơ khi dùng Internet.
- Quy tắc an toàn khi sử dụng Internet

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 1 đến bài 8

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời và ví dụ

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực A (NLA):

- *Sử dụng* được các thiết bị vào của máy tính để thu nhận thông tin.
- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông
- Biết tìm kiếm và khai thác thông tin trên internet.
- Biết đăng kí tài khoản, đăng nhập, đăng xuất và gửi thư điện tử
- Biết tác hại và nguy cơ khi dùng Internet.
- Biết một số qui tắc an toàn khi sử dụng Internet

Năng lực C (NLC):

- *Phân biệt* được thông tin với vật mang tin.
- *Nêu* được ví dụ minh họa về các bước trong quy trình xử lý thông tin của máy tính điện tử.
- *Nhận biết* được các thiết bị khác nhau trong một mạng máy tính
- *Nêu* được ưu và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử
- *Nêu* được cách tạo tài khoản thư điện tử soạn thư mới và gửi thư.

Năng lực D (NLD):

- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học
- Sử dụng được môi trường mạng máy tính để cập nhật và lưu trữ thông tin phù hợp với mục tiêu học tập, chủ động khai thác các tài nguyên hỗ trợ tự học.
- Sử dụng môi trường internet để tìm kiếm, thu thập thông tin phù hợp với mục đích tìm kiếm cho học tập

Năng lực E (NLE):

- Hợp tác trong môi trường số
- Có khả năng làm việc nhóm, hợp tác để tiếp thu kiến thức và hoàn thành các yêu cầu giáo viên.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia mạng lưới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, câu hỏi ôn tập.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung ôn tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS hệ thống kiến thức từ bài 1 đến bài 9

b. Nội dung: Nghiên cứu nội dung bài cũ. Trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm để lật ô chữ tìm hình nền

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV chiếu “trò chơi ngôi sao may mắn” gồm 15 câu hỏi. Sau đó, GV cho HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Câu 1. Đây là vật mang tin?

A. Tấm bảng B. Hình ảnh C. Văn bản D. Bản nhạc

Câu 2. Dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là gì?

A. Thông tin vào. B. Thông tin máy tính.
C. Thông tin ra. D. Dữ liệu được lưu trữ.

Câu 3. Công cụ nào sau đây *không phải* là vật mạng thông tin?

A. Thẻ nhớ B. Tấm bảng C. Cuộn phim D. Con đường

Câu 4. Nội dung chiếu trên màn hình máy tính là gì?

A. Thông tin vào. B. Thông tin máy tính.
C. Thông tin ra. D. Dữ liệu được lưu trữ.

Câu 5. Chức năng của màn hình máy tính là gì?

A. Thu nhận thông tin B. Truyền thông tin
C. Lưu trữ thông tin D. Xử lý thông tin

Câu 6. Chức năng của bộ xử lý thông tin là gì?

A. Thu nhận thông tin B. Lưu trữ thông tin
C. Hiển thị thông tin D. Xử lý thông tin

Câu 7. Để mã hóa “Số 6” ta được dãy bit?

A. 111 B. 110 C. 101 D. 011

Câu 8. Để mã hóa “Số 5” ta được dãy bit nào?

A. 101 B. 010 C. 111 D. 110

Câu 9. Ưu điểm của mạng (máy tính) không dây so với mạng có dây là gì?

A. Không cần thêm các thiết bị đặc biệt khác.
B. Không bị ảnh hưởng bởi môi trường truyền tín hiệu.
C. Có thể kết nối một số lượng không hạn chế các máy tính.
D. Có thể di chuyển thiết bị mà không bị dây mạng làm vướng.

Câu 10. Đây không phải đặc điểm chính của mạng Internet?

- A. Tính toàn cầu
C. Tính dễ tiếp cận
- B. Tính tương tác
D. Tính cập nhật

Câu 11. Đây là đặc điểm chính của mạng Internet?

- A. Tính lưu trữ
C. Tính đa dạng
- B. Tính toàn cầu
D. Tính cập nhật

Câu 12. Một số trình duyệt web phổ biến hiện nay?

- A. Cốc cốc, Google chrome,...
C. Google chrome, Powerpoint,...
- B. Mozilla Firefox, Word,...
D. Word, Excel,...

Câu 13. Ưu điểm của thư điện tử là gì?

- A. Bị làm phiền với các thư rác
C. Kèm theo virus máy tính
- B. Có thể gửi kèm tệp.
D. Dễ bị lừa đảo bởi thư giả mạo

Câu 14. Nhược điểm của thư điện tử là gì?

- A. Phải có kết nối mạng.
C. Thời gian gửi nhanh.
- B. Gửi cùng lúc cho nhiều người.
D. Chi phí thấp, có nhiều dịch vụ.

Câu 15. Địa chỉ thư điện tử nào sau đây em cho là đúng?

- A. Minh123gmail.com
C. Minh123&gmail.com
- B. Phuong123@gmail.com
D. Phuong123mail.com.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, quan sát, các HS trả lời và bổ sung.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV quan sát, phân tích, đánh giá kết quả.

+ GV liên hệ kết quả đạt được dẫn dắt vào nội dung tiếp theo.

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nêu được giải thích được lợi ích của internet trong học tập, sự phát triển của Internet.

b. Nội dung: Hướng dẫn trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời trong phiếu học tập 1

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh thực hiện hoạt động đọc và hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 1.

PHIẾU HỌC TẬP 1	
Nhóm:	
Câu 1. Theo em khi dùng Internet thì có những tác hại và nguy cơ nào?	
.....	
.....	
.....	

.....

.....

Câu 2. Để sử dụng Internet an toàn, em phải tuân thủ những qui tắc nào?

.....

.....

.....

.....

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 1.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm trình bày kết quả phiếu học tập 1. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng nội dung đã học nêu các bước để đăng nhập, đăng xuất thư điện tử, soạn thư mới và gửi thư điện tử, thực hành tìm kiếm thông tin trên Internet.

b. Nội dung: Học sinh nắm được các bước để đăng nhập, đăng xuất thư điện tử, soạn thư mới và gửi thư điện tử.

c. Sản phẩm: Câu trả lời trong phiếu học tập 2

Câu 1. Các bước đăng nhập, đăng xuất thư điện tử:

Bước 1: Truy cập vào trang mail.google.com

Bước 2: Đăng nhập vào hộp thư

Bước 3: Hộp thư mở ra với danh sách các thư trong hộp thư đến

Bước 4: Nháy chuột vào tên người gửi hoặc tiêu đề thư để mở th

Bước 5: Nháy chuột vào nút đăng xuất để ra khỏi hộp thư điện tử

Câu 2 Các bước để soạn thư mới và gửi thư điện tử

Bước 1: Nháy chuột vào soạn thư mới

Bước 2: Nhập địa chỉ hộp thư người nhận

Bước 3: Nhập tiêu đề thư

Bước 4: Nhập nội dung thư hoặc nháy vào đính kèm tệp.

Bước 5: Nháy chuột vào nút gửi để gửi thư

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh thực hiện hoạt động đọc và hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 2.

Nhóm:

Câu 1. Nêu các bước để đăng nhập, đăng xuất thư điện tử?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Nêu các bước để soạn thư mới và gửi thư điện tử?

.....

.....

.....

.....

.....

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 2.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm trình bày kết quả phiếu học tập 2. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

Tuần: 17

Tiết: 17

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Tin học lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- củng cố và kiểm tra kiến thức có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi từ bài 1 đến bài 9

Đối với HS khuyết tật:

- Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 1 đến bài 9

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thực hiện cá nhân để đưa ra câu trả lời.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- *Sử dụng* được các thiết bị vào của máy tính để thu nhận thông tin.

- Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Hình thành được tư duy về mã hóa thông tin.

NLe: Hợp tác trong môi trường số

- Hợp tác trong môi trường số
- Có khả năng làm việc nhóm, hợp tác để tiếp thu kiến thức và hoàn thành các yêu cầu giáo viên.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn khi cần thiết.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Đề kiểm tra.

2. Học liệu:

Giáo viên: Ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra kỳ I, đáp án, biểu điểm cụ thể.

Học sinh: Kiến thức, đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA:

- Hình thức: TNKQ + Tự luận.
- Học sinh làm bài trên giấy.

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL		
1	Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng	Bài 1. Thông tin và dữ liệu	1									0,5 đ 5 %
		Bài 2. Xử lý thông tin	2									1 đ 10%
		Bài 3. Thông tin trong máy tính	1							1TL	1,5 đ 15%	
2	Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet	Bài 4. Mạng máy tính	1		1							1 đ 10%
		Bài 5. Internet	1									0,5 đ

											5%
3	Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu	1								0,5 đ 5%
		Bài 8. Thư điện tử	1		1			1TL			3 đ 30%
4	Chủ đề 4. đạo đức pháp luật và văn hóa trong môi trường số	Bài 9. An toàn thông tin trên Internet				1TL					2 đ 20%
Tổng số câu			8		2	1		1		1	13
Tổng số điểm			4đ		3đ		2đ		1đ		10đ
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%

* Đối với HS khuyết tật: Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra

Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng	Bài 1. Thông tin và dữ liệu	Nhận biết Trong các tình huống cụ thể có sẵn: - Phân biệt được thông tin với vật mang tin - Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. - Nêu được các bước cơ bản trong xử lý thông tin.	1TN C1			
	Bài 2. Xử lý thông tin	Nhận biết - Nêu được các hoạt động cơ bản trong xử lý thông tin	1TN C2, 3			
	Bài 3: Thông tin trong máy tính	Nhận biết - Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin. - Nêu được tên và độ lớn (xấp xỉ theo hệ thập phân) của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin: Byte, KB, MB, GB, quy đổi được một cách gần đúng giữa các đơn vị đo lường này. Ví dụ: 1KB bằng xấp xỉ 1 ngàn byte, 1 MB xấp xỉ 1 triệu byte, 1	1TN C4			1TL C13

		GB xấp xỉ 1 tỉ byte. Vận dụng cao - Xác định được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, đĩa cứng, USB, CD, thẻ nhớ,...				
Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet	Bài 4: Mạng máy tính	Nhận biết - Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính. - Nêu được các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, cáp nối, Switch, Access Point,... Thông hiểu - Nêu được ví dụ cụ thể về thiết bị kết nối, thiết bị đầu cuối. - Ưu điểm của mạng (máy tính) không dây so với mạng có dây.	1 TN C7	1TN C5		
	Bài 5: Internet	Nhận biết - Nêu được các dịch vụ, đặc điểm và ích lợi chính của Internet. Thông hiểu - Hiểu internet là gì, đặc điểm chính của internet	1 TN C6			
Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu	Nhận biết - Trình bày được sơ lược về các khái niệm WWW, website, địa chỉ của website, trình duyệt. - Xem và nêu được những thông tin chính trên trang web cho trước.	1 TN C8			
	Bài 8. Thư điện tử	Nhận biết - Biết cách đăng kí tài khoản thư điện tử. Thông hiểu - Nêu được những ưu, nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện	1 TN C10	1 TN C9	1 TL C12	

		tử so với các phương thức liên lạc khác. Vận dụng – Thực hiện được một số thao tác cơ bản: tạo tài khoản email, đăng nhập tài khoản email, soạn thư, gửi thư, nhận thư, trả lời thư, chuyển tiếp thư và đăng xuất hộp thư trong một số tình huống thực tiễn.				
Chủ đề 4. đạo đức pháp luật và văn hóa trong môi trường số	Bài 9. An toàn thông tin trên Internet	Thông hiểu – Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể. – Nhận diện được một số thông điệp (chẳng hạn email, yêu cầu kết bạn, lời mời tham gia câu lạc bộ,...) lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.		1 TL C11		
Tổng số câu			8 TN	2 TN 1 TL	1 TL	1 TL
Tổng số điểm			4 đ	3 đ	2 đ	1 đ
Tỉ lệ %			40%	30%	20%	10%

Họ và tên:.....	KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 6 Thời gian : 45 phút (Không kể thời gian giao đề)	Điểm
Lớp: MÃ ĐỀ A		

(Lưu ý: HS làm bài trên đề thi)

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Đầu là vật mang tin?

- A. Văn bản B. Hình ảnh C. Tấm bảng D. Bản nhạc

Câu 2. Dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là gì?

- A. Thông tin máy tính. B. Thông tin vào.
C. Thông tin ra. D. Dữ liệu được lưu trữ.

Câu 3. Chức năng của bộ xử lý thông tin là gì?

- A. Thu nhận thông tin B. Lưu trữ thông tin
C. Hiển thị thông tin D. Xử lý thông tin

Câu 4. Để mã hóa “Số 5” ta được dãy bit nào?

- A. 101 B. 010 C. 111 D. 110

Câu 5. Ưu điểm của mạng (máy tính) không dây so với mạng có dây là gì?

- A. Không cần thêm các thiết bị đặc biệt khác.
B. Không bị ảnh hưởng bởi môi trường truyền tín hiệu.
C. Có thể kết nối một số lượng không hạn chế các máy tính.
D. Có thể di chuyển thiết bị mà không bị dây mạng làm vướng.

Câu 6. Đầu không phải đặc điểm chính của mạng Internet?

- A. Tính tương tác B. Tính toàn cầu
C. Tính cập nhật D. Tính dễ tiếp cận

Câu 7. Máy tính kết nối với nhau để làm gì?

- A. Tiết kiệm điện B. Trao đổi thông tin
C. Dễ sửa chữa D. Xem phim

Câu 8. Một số trình duyệt web phổ biến hiện nay?

- A. Google chrome, Powerpoint,... B. Word, Excel,...
C. Cốc cốc, Google chrome,... D. Mozilla Firefox, Word,...

Câu 9. Ưu điểm của thư điện tử là gì?

- A. Có thể gửi kèm tệp. B. Bị làm phiền với các thư rác
C. Dễ bị lừa đảo bởi thư giả mạo D. Kèm theo virus máy tính

Câu 10. Địa chỉ thư điện tử nào sau đây em cho là đúng?

- A. Minh123&gmail.com B. Phuong123mail.com.
C. Minh123gmail.com D. Phuong123@gmail.com

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 11 (2 điểm). Theo em khi dùng Internet thì có những tác hại và nguy cơ nào?

Câu 12 (2 điểm). Nêu các bước để tạo tài khoản thư điện tử?

Câu 13 (1 điểm). Giả sử một quyển sách A chứa 200 trang nếu lưu trữ trên đĩa chiếm khoảng 4MB. Hỏi 1 đĩa cứng 30GB thì có thể chứa khoảng bao nhiêu cuốn sách có dung lượng thông tin xấp xỉ cuốn sách A?

Họ và tên:..... Lớp: MÃ ĐỀ B	KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 6 Thời gian : 45 phút (Không kể thời gian giao đề)	Điểm
--	--	-------------

(Lưu ý: HS làm bài trên đề thi)

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Công cụ nào sau đây *không phải* là vật mạng thông tin?

- A. Thẻ nhớ B. Con đường C. Cuộn phim D. Tấm bảng

Câu 2. Nội dung chiếu trên màn hình máy tính là gì?

- A. Thông tin máy tính. B. Thông tin vào.
C. Thông tin ra. D. Dữ liệu được lưu trữ.

Câu 3. Chức năng của màn hình máy tính là gì?

- A. Thu nhận thông tin B. Lưu trữ thông tin
C. Truyền thông tin D. Xử lí thông tin

Câu 4. Để mã hóa “Số 6” ta được dãy bit?

- A. 111 B. 110 C. 101 D. 011

Câu 5. Ưu điểm của mạng (máy tính) không dây so với mạng có dây là gì?

- A. Có thể di chuyển thiết bị mà không bị dây mạng làm vướng.
B. Không cần thêm các thiết bị đặc biệt khác.
C. Có thể kết nối một số lượng không hạn chế các máy tính.
D. Không bị ảnh hưởng bởi môi trường truyền tín hiệu.

Câu 6. Đây là đặc điểm chính của mạng Internet?

- A. Tính đa dạng B. Tính cập nhật
C. Tính lưu trữ D. Tính toàn cầu

Câu 7. Mạng máy tính không cho phép người sử dụng chia sẻ gì?

- A. Máy in. B. Máy quét. C. Bàn phím. D. Dữ liệu.

Câu 8. Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang web trên Internet gọi là gì?

- A. Website. B. Trình duyệt web.
C. Địa chỉ web. D. Công cụ tìm kiếm.

Câu 9. Nhược điểm của thư điện tử là gì?

- A. Chi phí thấp, có nhiều dịch vụ. B. Thời gian gửi nhanh.
C. Gửi cùng lúc cho nhiều người. D. Phải có kết nối mạng.

Câu 10. Địa chỉ thư điện tử nào sau đây em cho là sai?

A. Binh123@gmail.com
C. Thanh123@gmail.com

B. Linhchi@gmail.com.
D. Quangabc@gmail.com

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 11 (2 điểm). Để sử dụng Internet an toàn, em phải tuân thủ những qui tắc nào?

Câu 12 (2 điểm). Nêu các bước để soạn thư mới và gửi thư điện tử?

Câu 13 (1 điểm). Giả sử một quyển sách A chứa 300 trang nếu lưu trữ trên đĩa chiếm khoảng 10MB. Hỏi 1 đĩa cứng 40GB thì có thể chứa khoảng bao nhiêu cuốn sách có dung lượng thông tin xấp xỉ cuốn sách A?

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN TIN HỌC 6
Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ A

I. Phần trắc nghiệm: (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	B	D	A	D	C	B	C	A	D

II. Phần tự luận (5 điểm)

Câu	Đáp án, hướng dẫn chấm	Điểm
11 (2đ)	Khi dùng Internet thì có những tác hại và nguy cơ: + Thông tin cá nhân bị đánh cắp. + Máy tính bị nhiễm virus hay mã độc. + Bị lừa đảo, dụ dỗ, đe dọa, bắt nạt trên mạng. + Tiếp nhận thông tin không chính xác. + Nghiện internet, nghiện trò chơi trên mạng.	0,25đ 0,5đ 0,5đ 0,25đ 0,5đ
12 (2đ)	* Các bước để tạo tài khoản thư điện tử Bước 1: Truy cập trang mail.google.com Bước 2: Nháy chuột vào nút Tạo tài khoản Bước 3: Nhập đầy đủ thông tin vào các dòng trên cửa sổ theo hướng dẫn Bước 4: Nháy chuột vào nút Tiếp theo Bước 5: Xác nhận số điện thoại (nếu có) Bước 6: Thực hiện theo hướng dẫn	0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ

	Bước 7: Cuối cùng xuất hiện thông báo <i>Chào mừng bạn!</i>	0,25đ
13 (1đ)	Đổi 30 GB = $30 \cdot 1024 = 30720$ MB Khoảng 7680 cuốn sách. $= 30 \cdot 1024 : 4 = 7680$	0,5đ 0,5đ

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN TIN HỌC 6
Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ B

I. Phần trắc nghiệm: (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	C	B	A	D	C	B	D	A

II. Phần tự luận (5 điểm)

Câu	Đáp án, hướng dẫn chấm	Điểm
11 (2đ)	Để sử dụng Internet an toàn, em phải tuân thủ những qui tắc: + Thông tin phải giữ an toàn . + Chớ nên gặp gỡ người bạn mới quen. + Không chấp nhận, chớ có quên. + Tăng độ tin cậy, điều nên giữ gìn. + Nói ra với người bạn tin.	0,25đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,25đ
12 (2đ)	* Các bước để soạn thư mới và gửi thư điện tử Bước 1: Nháy chuột vào soạn thư mới Bước 2: Nhập địa chỉ hộp thư người nhận Bước 3: Nhập tiêu đề thư Bước 4: Nhập nội dung thư hoặc nháy vào đính kèm tệp. Bước 5: Nháy chuột vào nút gửi để gửi thư	0,5 đ 0,5 đ 0,25 đ 0,5đ 0,25đ
13 (1đ)	Đổi 40 GB = $40 \cdot 1024 = 40960$ MB Khoảng 4096 cuốn sách. $= 40 \cdot 1024 : 10 = 4096$	0,5đ 0,5đ

Tuần: 19, 20

Tiết: 19, 20

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

CHỦ ĐỀ 5: ỨNG DỤNG TIN HỌC

TÊN BÀI DẠY

BÀI 10: SƠ ĐỒ TƯ DUY

Môn: Tin học Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

- Sắp xếp được một cách logic và trình bày được dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm.
- Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin.
- Tạo được sơ đồ tư duy đơn giản bằng phần mềm.

*** Đối với HS khuyết tật: Tạo được sơ đồ tư duy đơn giản bằng phần mềm.**

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự nghiên cứu sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ GV giao
- Phát triển năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề: Biết cách nghiên cứu các tình huống gợi vấn đề, từ đó học sinh phát hiện vấn đề, tìm cách giải quyết vấn đề đưa ra trong bài học.
- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: Tạo được sơ đồ tư duy đơn giản bằng phần mềm.

2.2. Năng lực tin học:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

- **NLa:** Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông
- **NLd:** Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học
- **NLe:** Hợp tác trong môi trường số

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

- **Chăm chỉ:** miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- **Trung thực:** Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

- **Nhân ái:** Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- **Trách nhiệm:** Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính cài đặt phần mềm sơ đồ tư duy, máy chiếu (tivi).

2. **Học liệu:**

- **Giáo viên:** Sách GK, sách GV, sách BT, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, phiếu đánh giá kết quả, các hình ảnh về sổ lưu niệm...

- **Học sinh:** Sách GK, sách BT. Tìm hiểu nội dung bài mới, bảng nhóm, giấy A4 để vẽ sơ đồ tư duy...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. **Mục tiêu:** Giúp HS xác định được nhiệm vụ sau khi học xong chủ đề Ứng dụng tin học là tạo được sản phẩm sổ tay học sinh phòng chống dịch Sốt xuất huyết.

b. **Nội dung:** HS tìm hiểu về dịch Sốt xuất huyết và cách phòng chống

c. **Sản phẩm:** HS tạo được Sổ tay phòng chống dịch bệnh Sốt xuất huyết trong trường học.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- Gv chiếu đoạn Video truyền thông về phòng, chống dịch bệnh.

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- + Dịch bệnh Sốt xuất huyết gây ra những tác hại gì?

- + Theo em để phòng chống dịch bệnh Sốt xuất huyết ta cần làm những việc gì?

- **HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- + HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, trình bày câu trả lời trên bảng nhóm

- + GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần

- **Báo cáo, thảo luận**

- + HS đại diện nhóm đứng dậy trình bày câu trả lời của nhóm mình

- + HS nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

- + HS đại diện nhóm phản hồi

- **Kết luận, nhận định**

- + GV đánh giá, nhận xét, chuyển sang nội dung hình thành kiến thức mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Sơ đồ tư duy:

a. **Mục tiêu:** HS giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm vẽ sơ đồ tư duy.

b. **Nội dung:** Hoàn thành phiếu học tập số 1.

c. **Sản phẩm:** HS thực hiện được yêu cầu phiếu giao nhiệm vụ số 1.

d. **Tổ chức thực hiện:**

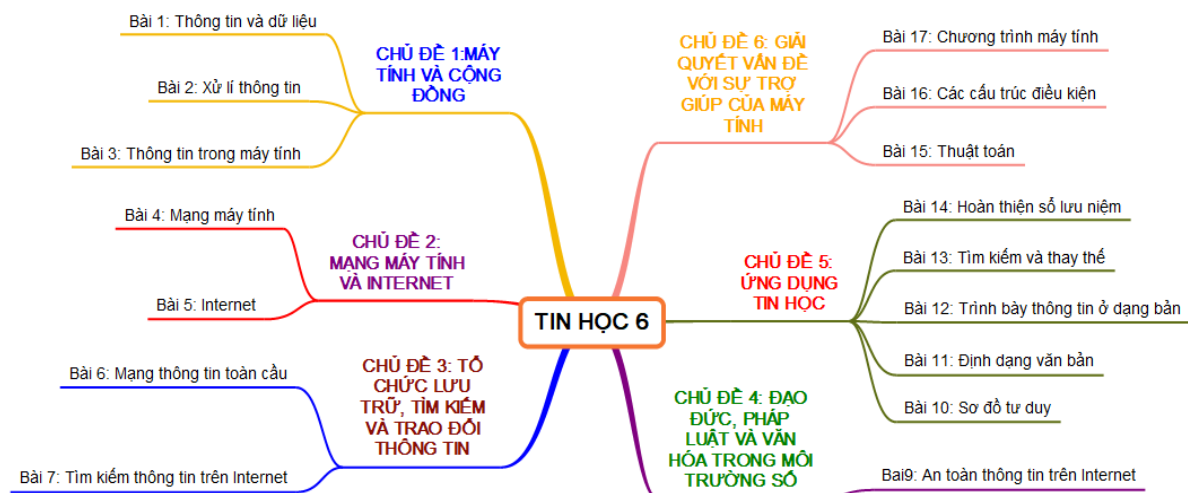
- **Chuyển giao nhiệm vụ 1:**

+ GV cho HS đọc phần kiến thức mới để tự tìm hiểu thông tin về sơ đồ tư duy và hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 1.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 1

Nhóm:

Em hãy quan sát sơ đồ tư duy dưới đây và trả lời các câu hỏi sau:



Câu 1. Tên của chủ đề chính là gì? Tên của các chủ đề nhánh (triển khai từ chủ đề chính) là gì?

Câu 2. Các ý chi tiết của chủ đề "Thành phần" là gì?

- **HS thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời câu hỏi trong phiếu bài tập được giao.

+ GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần.

- **Báo cáo, thảo luận**

+ GV cho các đại diện nhóm trình bày.

+ Nhóm khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề:

• Sơ đồ tư duy là phương pháp trình bày thông tin một cách trực quan bằng cách sử dụng văn bản, hình ảnh và các đường nối.

• Sơ đồ tư duy tận dụng tối đa khả năng ghi nhận hình ảnh của bộ não, giúp chúng ta dễ dàng ghi nhớ chi tiết, tổng hợp hay phân tích vấn đề.

2.2. Cách tạo sơ đồ tư duy:

a. Mục tiêu: HS vẽ được sơ đồ tư duy trên bảng phụ trình bày nội dung của sổ tay phòng chống Sốt xuất huyết

b. Nội dung: Sơ đồ tư duy sổ tay phòng chống Sốt xuất huyết

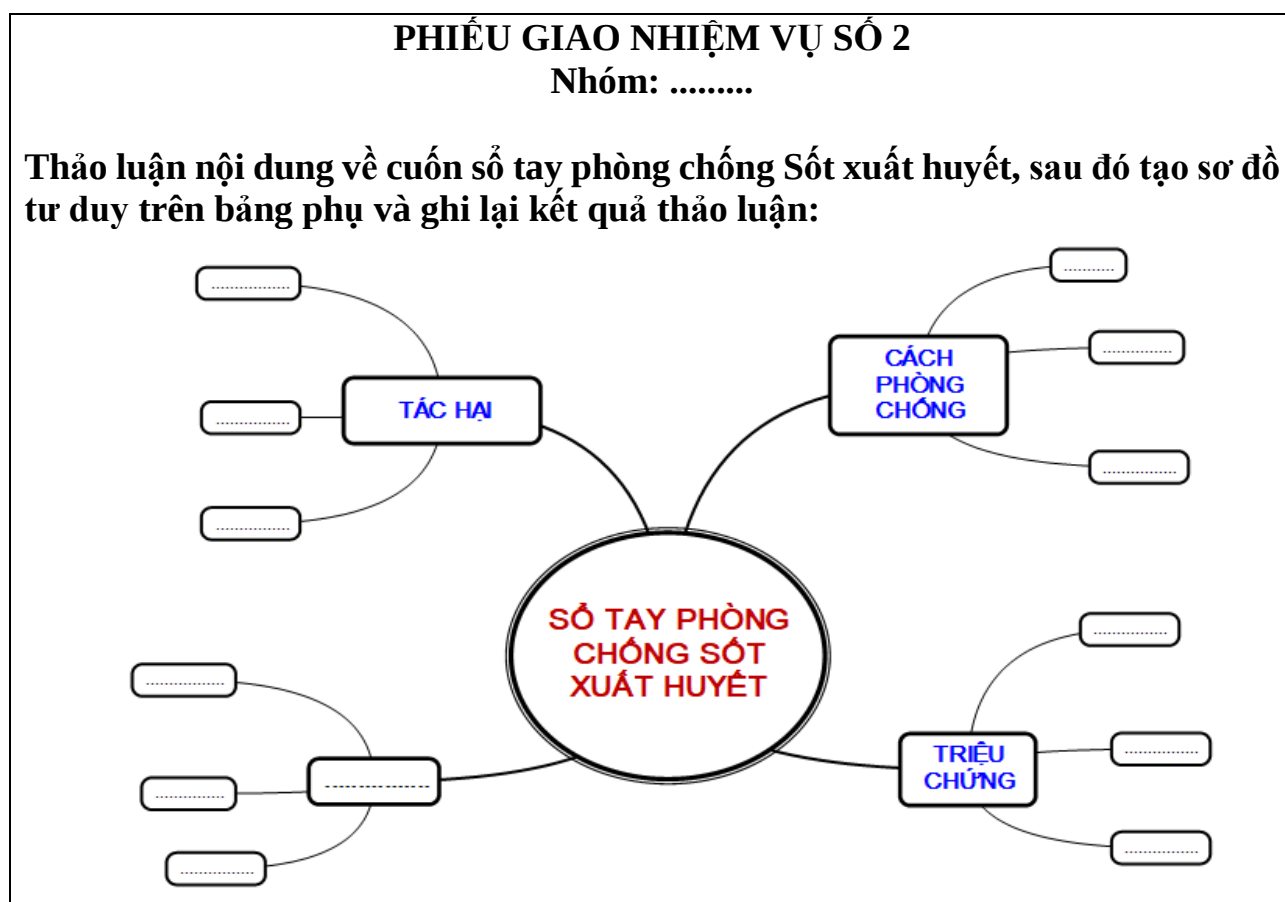
c. Sản phẩm: Học sinh vẽ được sơ đồ tư duy trên bảng phụ

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV cho HS đọc phần kiến thức mới để tự tìm hiểu thông tin về cách tạo sơ đồ tư duy

+ Sau khi HS tìm hiểu xong Gv cho HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức nhóm thông qua việc thực hiện phiếu học tập số 2, GV chiếu phiếu học tập số 2 trên màn hình



+ GV cho các nhóm trình bày sản phẩm

+ GV tiếp tục giao nhiệm vụ cho HS trả lời câu hỏi: Ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy thủ công trên giấy là gì?

- **HS thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời câu hỏi trong phiếu bài tập được giao.

+ GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần.

- **Báo cáo, thảo luận**

+ GV cho các đại diện nhóm trình bày.

+ Nhóm khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại nội dung đã học, cách tạo sơ đồ tư duy

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

c. Sản phẩm: Kết quả trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Yêu cầu HS đọc nội dung và hoàn thành các câu hỏi

sau:

Câu 1: Sơ đồ tư duy là gì?

A. Một sơ đồ trình bày thông tin trực quan bằng cách sử dụng từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, các đường nối để thể hiện các khái niệm và ý tưởng

B. Văn bản của một vở kịch, bộ phim hoặc chương trình phát sóng

C. Bản vẽ kiến trúc một ngôi nhà

D. Một sơ đồ hướng dẫn đường đi

Câu 2: Thông tin trong sơ đồ tư duy thường được tổ chức thành:

A. Tiêu đề, đoạn văn bản

B. Chủ đề chính, chủ đề nhánh

C. Mở bài, thân bài, kết bài

D. Chương, bài, mục

Câu 3. Ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy thủ công trên giấy là gì?

A. Dễ sắp xếp, bố trí, thay đổi, thêm bớt nội dung

B. Sản phẩm tạo ra dễ dàng sử dụng cho các mục đích khác nhau

C. Có thể thực hiện ở bất cứ đâu, chỉ cần giấy và bút. Thể hiện được phong cách riêng của người tạo

D. Sản phẩm tạo ra nhanh chóng, dễ dàng chia sẻ cho nhiều người ở các địa điểm khác nhau

- **HS thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời câu hỏi

+ GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần.

- **Báo cáo, thảo luận**

+ HS trả lời cá nhân

+ Các HS khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề: 1.A; 2. B; 3. C

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng được kiến thức về sơ đồ tư duy để thực hiện yêu cầu trong phiếu học tập số 3.

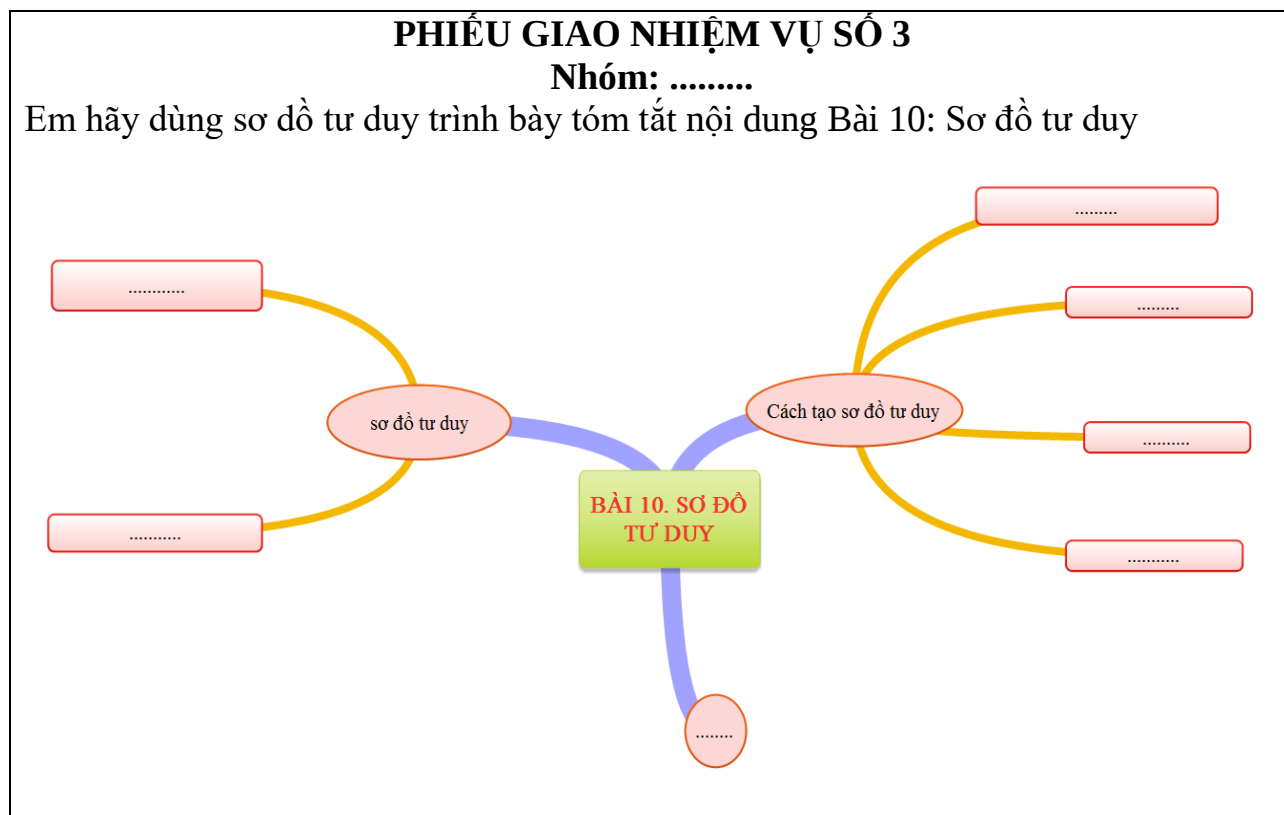
b. Nội dung: Phiếu giao nhiệm vụ, nội dung trình bày của học sinh.

c. Sản phẩm: HS thực hiện các yêu cầu của phiếu giao nhiệm vụ

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV trình bày phiếu nhiệm vụ số 3, các nhóm báo cáo kết quả đã thực hiện ở phiếu giao nhiệm vụ.



- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trình bày kết quả của nhóm.

* **Đối với HS khuyết tật:** sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy tạo được 1 hoặc 2 nội dung của đề bài.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trong nhóm trình bày, HS các nhóm khác nhận xét bài báo cáo của bạn và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề

Tuần: 21, 22

Tiết: 21, 22

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 11: ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN

Môn: Tin học

Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu:

1. Về kiến thức:

- Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản.
- Trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng văn bản.
- Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in

*** Đối với HS khuyết tật:**

- Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự đọc và khám phá kiến thức qua các hoạt động học; trình bày kết quả trên phiếu học tập; nhận ra và phản hồi tích cực trong quá trình phát hiện kiến thức.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ GV giao

- Phát triển năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề: Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in. Tạo và định dạng một văn bản. Hoàn thành cuốn sổ lưu niệm

2.2. Năng lực tin học:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- Phát triển năng lực sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

NLe: Năng lực hợp tác trong môi trường số.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

- **Chăm chỉ:** miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- **Trung thực:** Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

- **Nhân ái:** Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- **Trách nhiệm:** Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính cài đặt phần mềm MS Word, máy chiếu (tivi).

2. Học liệu:

- **Giáo viên:** Sách GK, sách GV, sách BT, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, phiếu đánh giá kết quả, các hình ảnh để tạo sổ lưu niệm của lớp...

- **Học sinh:** Sách GK, sách BT. Tìm hiểu nội dung bài mới, bảng nhóm,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được phần mềm xây dựng cuốn sổ lưu niệm trên cơ sở các phần mềm ứng dụng đã được học hoặc biết và giải thích được việc lựa chọn phần mềm đó.

b. Nội dung:

- Video giới thiệu về một vài trang trong cuốn sổ lưu niệm do giáo viên biên tập trước dựa trên sơ đồ tư duy về cuốn sổ lưu niệm đã trình bày ở bài trước (Có thể thiết kế video có cuốn sổ lưu niệm mở ra, trên các trang có nội dung của cuốn sổ...).

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

Câu 1: Phần mềm MS Word.

Câu 2: Chức năng để giúp em hoàn thành công việc

- + Tạo và định dạng văn bản
- + Biên tập và chỉnh sửa nội dung
- + Lưu trữ văn bản
- + In văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** chiếu video và đưa ra câu trả lời cho HS thảo luận

*Câu hỏi thảo luận:

1. Em hãy lựa chọn các phần mềm có thể sử dụng để tạo ra nội dung cuốn sổ lưu niệm.

2. Các phần mềm đó có chức năng gì để giúp em hoàn thành công việc?

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, trình bày câu trả lời trên giấy.
- + GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần

- Báo cáo, thảo luận

- + HS đại diện nhóm đứng dậy trình bày câu trả lời của nhóm mình

- + HS nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)
- + HS đại diện nhóm phản hồi
- **Kết luận, nhận định**
- + GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức và chuyển sang nội dung hình thành kiến thức mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Giới thiệu một số chức năng cơ bản của phần mềm soạn thảo văn bản.

a. Mục tiêu: HS nắm được một số chức năng cơ bản của phần mềm soạn thảo văn bản.

b. Nội dung:

- HS đọc nội dung giới thiệu phần mềm soạn thảo văn bản.
- Hoàn thành phiếu học tập số 1. Phiếu học tập có liệt kê các chức năng cơ bản của phần mềm soạn thảo văn bản, yêu cầu HS khoanh tròn vào những chức năng mà mình sẽ sử dụng để tạo nội dung cuốn sổ lưu niệm (GV có thể yêu cầu HS giải thích việc sử dụng chức năng đó cho phần nội dung nào của cuốn sổ lưu niệm)

c. Sản phẩm: Đáp án trả lời trên phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

- + GV gọi một HS đọc phần nội dung giới thiệu phần mềm soạn thảo văn bản.
- + GV chiếu phiếu học tập số 1 cho các nhóm và đưa ra yêu cầu.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Nhóm:.....
Phần mềm soạn thảo văn bản không có chức năng nào sau đây? A. Nhập văn bản B. Lưu và in văn bản C. Sửa đổi, chỉnh sửa văn bản D. Chỉnh sửa hình ảnh và âm thanh.

*** Đối với HS khuyết tật:**

- Em hãy nêu các chức năng của phần mềm soạn thảo văn bản mà em biết?

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, trình bày câu trả lời.
- + GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần

- Báo cáo, thảo luận

- + HS đại diện nhóm đứng dậy trình bày câu trả lời của nhóm mình
- + HS nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)
- + HS đại diện nhóm phản hồi

- Kết luận, nhận định

+ GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức

Ghi nhớ: chức năng cơ bản của phần mềm soạn thảo văn bản:

- + Tạo và định dạng văn bản
- + Biên tập và chỉnh sửa nội dung
- + Lưu trữ văn bản
- + In văn bản.

Hoạt động 2.2: Định dạng đoạn văn bản

a. Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa của việc định dạng văn bản, thế nào là một đoạn văn bản, các cách trình bày đoạn văn bản (tăng, giảm lề của đoạn, căn chỉnh lề,...) và nắm được các thao tác định dạng đoạn văn bản.

b. Nội dung: HS hoàn thành phiếu học tập số 2 trên cơ sở đã đọc trước bài ở nhà.

c. Sản phẩm: Đáp án trả lời trên phiếu học tập của học sinh

Câu 1 – C, Câu 2 - B

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát phiếu học tập số 2 cho các nhóm và nêu yêu cầu thực hiện.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm:.....

Em hãy khoanh tròn vào đáp án có câu trả lời đúng.

Câu 1. Các phần văn bản được phân cách nhau bởi dấu ngắt đoạn được gọi là:

A. Dòng B. Trang C. Đoạn D. Câu

Câu 2. Thao tác nào không phải thao tác định dạng đoạn văn bản?

- A. Căn giữa đoạn văn bản
- B. Định dạng cỡ chữ
- C. Đặt khoảng cách giữa các dòng
- D. Tăng, giảm lề của đoạn văn bản

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, trình bày câu trả lời trên phiếu học tập.

+ GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần

- Báo cáo, thảo luận

+ HS đại diện nhóm đứng dậy trình bày câu trả lời của nhóm mình

+ HS nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

+ HS đại diện nhóm phản hồi

- Kết luận, nhận định

+ GV thực hiện thao tác định dạng đoạn văn bản trên máy tính, đồng thời chốt luôn câu trả lời cho mỗi câu hỏi trên phiếu học tập.

+ GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức

***Ghi nhớ:**

- Các phần văn bản được phân cách nhau bởi dấu ngắt đoạn được gọi là: **Đoạn**
- Thao tác định dạng đoạn văn bản:
 - + Căn giữa đoạn văn bản
 - + Đặt khoảng cách giữa các dòng
 - + Tăng, giảm lề của đoạn văn bản

Hoạt động 2.3: Định dạng trang văn bản

a. Mục tiêu: HS hiểu được thế nào là trang văn bản, các thao tác định dạng trang văn bản.

b. Nội dung: Tình huống: GV đưa ra một trang văn bản trong đó việc đặt lề trên, dưới, trái, phải, hướng giấy,... không phù hợp. HS quan sát và nhận xét.

c. Sản phẩm: Những câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu một trang văn bản có lề trên, dưới,... không phù hợp.

- **HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS quan sát và nhận xét về trang văn bản đó và đưa ra cách giải quyết vấn đề.

- **Báo cáo, thảo luận**

+ HS đứng dậy trình bày câu trả lời của mình

+ HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

- **Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét các câu trả lời của học sinh; Thực hiện các thao tác định dạng trang văn bản cho học sinh cùng quan sát sau đó chốt lại kiến thức chính.

Hoạt động 2.4: In văn bản

a. Mục tiêu: HS biết được các thao tác để in văn bản

b. Nội dung: Hướng dẫn HS các bước để thực hiện thao tác in văn bản;

c. Sản phẩm: Kiến thức HS tự tổng hợp và ghi chép lại trong vở.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV thực hiện thao tác in văn bản và giải thích các tùy chọn trong hộp thoại Print;

- **HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS quan sát và ghi chép.

- **Báo cáo, thảo luận**

+ HS đứng dậy trình bày câu trả lời của mình

+ HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

- **Kết luận, nhận định**

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về định dạng đoạn văn bản, trang văn bản và in.

b. **Nội dung:** HS làm phiếu học tập tổng hợp

c. **Sản phẩm:** Đáp án câu trả lời của HS trên phiếu học tập.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV phát phiếu học tập tổng hợp cho từng HS, đưa ra yêu cầu

PHIẾU HỌC TẬP TỔNG HỢP

Nhóm:.....

Em hãy khoanh tròn vào đáp án có câu trả lời đúng.

Câu 1. Việc làm đầu tiên khi muốn thiết lập định dạng cho một đoạn văn bản là:

- A. Vào thẻ Home, chọn nhóm lệnh Paragraph.
- B. Cần phải chọn toàn bộ đoạn văn bản.
- C. Đưa con trỏ soạn thảo vào vị trí bất kì trong đoạn văn bản.
- D. Nhấn phím Enter.

Câu 2. Ghép tác dụng của lệnh ở cột bên trái với mỗi nút lệnh tương ứng ở cột bên phải cho phù hợp.

1. Căn thẳng lề trái	a. 
2. Căn thẳng lề phải	b. 
3. Căn thẳng hai lề	c. 
4. Căn giữa	d. 

Câu 3. Để đặt hướng cho trang văn bản, trên thẻ Page Layout vào nhóm lệnh Page Setup sử dụng lệnh:

- A. Orientation
- B. Size
- C. Margins
- D. Columns

Câu 4. Điền từ hoặc cụm từ sau vào những chỗ trống thích hợp để được câu đúng: tất cả; bốn; ngang; lề dưới; lề trang.

a. Ta có thể chọn hướng trang đứng hoặc hướng trang cho một trang văn bản.

b. Một trang văn bản gồm có: lề trên,, lề trái, lề phải.

- c. Lề của đoạn văn bản được tính từ đến mép (trái hoặc phải) của đoạn văn bản.
- d. Việc thiết đặt lề cho một trang văn bản sẽ tác động đến các trang còn lại của văn bản đó.

Câu 5. Đúng điền Đ, sai điền S vào ô tương ứng trong bảng sau:

Phát biểu	Đúng (Đ)/ Sai (S)
a. Phần mềm soạn thảo văn bản chỉ có thể cài đặt được trên máy tính	
b. Có nhiều loại phần mềm soạn thảo văn bản khác nhau.	
c. Em có thể làm việc cộng tác với người khác trên cùng một văn bản ở bất cứ đâu	
d. Em không thể chỉnh sửa lại văn bản sau khi đã lưu.	

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, trình bày câu trả lời trên phiếu học tập.

+ GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần

- Báo cáo, thảo luận

+ HS đại diện nhóm đứng dậy trình bày câu trả lời của nhóm mình

+ HS nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

+ HS đại diện nhóm phản hồi

- Kết luận, nhận định

+ GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức

+ GV thu lại phiếu học tập của HS

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Mở rộng tìm hiểu các ứng dụng định dạng văn bản

b. Nội dung: Thiết kế cuốn sổ lưu niệm

Yêu cầu:

- Soạn thảo nội dung, bài viết cảm nghĩ, bài giới thiệu hoạt động, sự kiện,....
- Chèn thêm hình ảnh minh họa
- Căn lề và định dạng trang để có được bố cục hợp lý và đẹp
- Lưu lại tệp để dùng cho việc tạo cuốn sổ lưu niệm của lớp.

c. Sản phẩm: Cuốn sổ lưu niệm được trình bày đẹp mắt trình bày trên máy tính

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu để thiết kế cuốn sổ lưu niệm, giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần

- Báo cáo, thảo luận
- Kết luận, nhận định

Tuần: 23, 24

Tiết: 23, 24

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

CHỦ ĐỀ 5: ỨNG DỤNG TIN HỌC

TÊN BÀI DẠY: BÀI 12: TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG

Môn: Tin học. **Lớp:** 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin ở dạng bảng.
- Biết cách tạo và định dạng bảng.
- Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực tin học:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

- Phát triển năng lực tổ chức và trình bày thông tin.
- Phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.

2.2. Năng lực chung:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- *Năng lực tự chủ và tự học:* HS có khả năng tự tìm hiểu nội dung theo gợi ý của giáo viên.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* HS có khả năng giải quyết các tình huống mà GV đưa ra. Tìm hiểu thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu vấn đề về thông tin và dữ liệu

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: HS có khả năng hoạt động nhóm và chia sẻ kiến thức trong quá trình làm việc nhóm. Thảo luận nhóm để thực hiện, giải quyết bài tập tạo bảng ở hoạt động 2.2, định dạng bảng 2.3, bài tập 1, 2 (luyện tập), bài tập 1, 2 (vận dụng)

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, kiên trì và cẩn trọng trong học và tự học
- Trung thực: Sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá.
- Nhân ái, trách nhiệm: Tôn trọng và tuyệt đối thực hiện các yêu cầu, quy tắc an toàn khi thực hành trong phòng máy.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính cài đặt phần mềm MS Word, máy chiếu (tivi).

2. Học liệu:

- **Giáo viên:** Sách GK, sách GV, sách BT, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, phiếu đánh giá kết quả, các hình ảnh ...
- **Học sinh:** Sách GK, sách BT, tìm hiểu nội dung bài mới, bảng nhóm,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (Học sinh đóng vai theo tình huống trong SGK)

a. Mục tiêu: Từ nội dung câu chuyện HS khám phá kiến thức qua các hoạt động học. Trình bày kết quả trên bảng nhóm.

b. Nội dung: Giáo viên cho HS đóng vai theo tình huống trong lớp, yêu cầu học sinh nhận xét.

c. Sản phẩm: Kết quả lời nhận xét của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV cho 3 học sinh đóng vai 3 bạn : An, Minh và Khoa trong SGK, cho 3 bạn đọc tình huống trong sách, đồng thời GV chiếu hình ảnh quyền sở hữu trí tuệ trên màn hình.



Hình 5.11. Danh sách lớp

+ Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

Câu 1. Từ hình ảnh ta thấy hai cách trình bày danh sách học sinh trong cuốn sổ lưu niệm. Trang bên trái sử dụng bảng, trang bên phải liệt kê lần lượt danh sách các thành viên. Em hãy nhận xét về hai cách trình bày này.

Câu 2. Em sẽ lựa chọn cách nào để trình bày danh sách học sinh trong cuốn sổ lưu niệm của lớp em? Tại sao?

- **Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS quan sát hình ảnh, theo dõi lời thoại của 3 bạn HS và thực hiện hoạt động khám phá theo cá nhân.

- **Báo cáo, thảo luận:** Học sinh trong lớp quan sát, thảo luận thực hiện yêu cầu của GV.

- **Kết luận, nhận định:** HS hoàn thành yêu cầu của GV, GV lắng nghe lời nhận xét từ HS. Từ nhận xét đó GV giới thiệu nội dung bài mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1. Trình bày thông tin ở dạng bảng:

a. Mục tiêu: HS biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin dạng bảng.

b. Nội dung: Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV cho HS tự đọc phần nội dung kiến thức mới sau đó yêu cầu trả lời câu hỏi ở Hoạt động 2 tr54 sgk.

STT	Tên trò chơi	Số bạn nam thích	Số bạn nữ thích
1	Kéo co	19	16
2	Ném bóng trúng đích	12	15
3	Lò cò tiếp sức	16	18
4	Trốn tìm	8	10

Bảng trên gồm mấy cột, mấy hàng?

Trò chơi nào được nhiều bạn nam yêu thích nhất? Trò chơi nào được nhiều bạn nữ yêu thích nhất? Trò chơi nào được học sinh của lớp yêu thích nhất?

Nếu không dùng bảng biểu diễn thì việc so sánh và tìm kiếm có dễ không?

- Thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

+ GV quan sát, hỗ trợ khi cần

- Báo cáo và thảo luận

+ HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thảo luận.

+ GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

- Kết luận, nhận định

+ Kết thúc thảo luận, GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

*** Ghi nhớ:**

Chúng ta có thể sử dụng bảng để trình bày thông tin một cách cô đọng. Bảng cũng thường được sử dụng để ghi lại dữ liệu của công việc thống kê, điều tra, khảo sát,... Từ bảng dữ liệu, em có thể dễ dàng tìm kiếm, so sánh, tổng hợp được thông tin.

Hoạt động 2.2. Tạo bảng

a. Mục tiêu:

- HS biết cách tạo bảng và một số thao tác cơ bản khi đưa thông tin vào bảng.

- Trên cơ sở biết cách tạo bảng, HS vận dụng để rèn kỹ năng trong giờ thực hành.

b. Nội dung: Hoạt động đọc thông tin sgk, Hs trả lời cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh, hoàn thành nội dung phiếu giao nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ HS đọc thông tin SGK và trả lời các câu hỏi ? trang 55 SGK:

Câu 1. Em hãy sắp xếp lại thứ tự các bước để được thao tác tạo bảng đúng:

- a) Chọn mũi tên nhỏ bên dưới Table.
- b) Di chuyển chuột để chọn số hàng, số cột.
- c) Chọn Insert.

Câu 2. Bạn An đã nhập số hàng, số cột như Hình bên

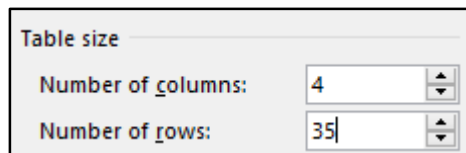


Table size

Number of columns: 4

Number of rows: 35

- A. 4 cột, 35 hàng
- B. 35 cột, 35 hàng
- C. 35 cột, 4 hàng
- D. 4 cột, 4 hàng

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS suy nghĩ, nghiên cứu và trả lời câu hỏi vào vở

- Báo cáo và thảo luận

+ Kết thúc hoạt động nghiên cứu, GV yêu cầu HS trả lời.

+ GV gọi một số HS đứng dậy nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn đánh giá, bổ sung và rút ra nội dung bài học. Từ đó, nắm được các bước tạo bảng.

- Kết luận, nhận định

+ GV đánh giá, nhận xét câu trả lời của HS, chốt nội dung.

*** Các bước tạo bảng:**

- Để tạo bảng, em thực hiện:

+ Bước 1: Chọn Insert.

+ Bước 2: Chọn Table.

* Lưu ý: Muốn tạo bảng có nhiều hàng, nhiều cột, em thực hiện:

+ Chọn Insert → Table → Insert Table. Xuất hiện bảng Table size.

+ Nhập số cột (*Number of columns*), số hàng (*Number of rows*) của bảng.

Hoạt động 2.3. Định dạng bảng

a. Mục tiêu:

- HS biết cách định dạng bảng và HS vận dụng để rèn kỹ năng trong giờ thực hành.

b. Nội dung: Hoạt động đọc thông tin sgk, Hs trả lời cá nhân.

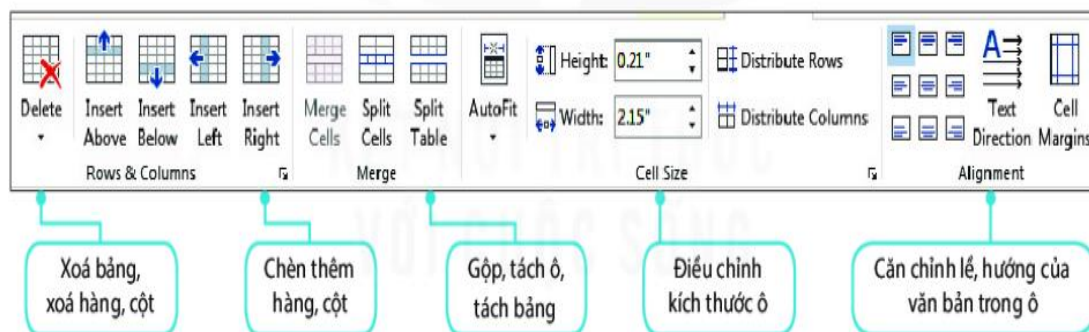
c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV chiếu hình về các nhóm lệnh chỉnh sửa bảng.

+ HS đọc thông tin SGK và nêu cách định dạng bảng?



- HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS suy nghĩ, nghiên cứu và trả lời câu hỏi.

- Báo cáo và thảo luận

+ Kết thúc hoạt động nghiên cứu, GV yêu cầu HS trả lời.

+ GV gọi một số HS đứng dậy nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn đánh giá, bổ sung và rút ra nội dung bài học. Từ đó, nắm được các bước định dạng bảng.

- Kết luận, nhận định

+ GV đánh giá, nhận xét câu trả lời của HS, chốt nội dung.

*** Các bước định dạng bảng:**

- Để định dạng bảng, em thực hiện:

Bước 1. Chọn Layout

Bước 2. Chọn các lệnh sau để chỉnh sửa bảng.

Hoạt động 2.4. Thực hành tạo bảng

a. Mục tiêu: HS biết thực hiện tạo bảng danh sách lớp cho cuốn sổ lưu niệm.

b. Nội dung: HS thực hành tạo bảng, chỉnh sửa bảng, nhập thông tin vào các ô của bảng

c. Sản phẩm: Kết quả thực hành của HS.

d. Tổ chức thực hiện: GV chia nhóm thực hành 2-3HS/1 máy

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV yêu cầu 1 HS nêu nhiệm vụ thực hành.

+ GV yêu cầu HS quan sát GV hướng dẫn và thực hiện các bước thực hành:

• B1: Xác định bảng (Bảng hình 5.11)

Yêu cầu HS trả lời: Cần tạo gồm bao nhiêu hàng? bao nhiêu cột?

• B2. Nhập dữ liệu vào các ô trong bảng

• B3: Chỉnh sửa, định dạng bảng

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận nhiệm vụ, quan sát kĩ các bước thực hiện của GV.
- + GV giảng giải kĩ hơn cho HS ở những nội dung thực hành
- + HS tiến hành thực hành theo nhóm đôi

- Báo cáo kết quả và thảo luận

- + HS nhắc lại cách tạo bảng
- + Báo cáo kết quả thực hành: HS đại diện từng nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- Kết luận, nhận định: HS hoàn thành yêu cầu của GV, GV quan sát kết quả của các nhóm, nhận xét, kết luận.

3. Hoạt động 3: Luyện tập.

a. Mục tiêu: Định hình, ghi nhớ khắc sâu lại kiến thức đã học về cách tạo bảng và định dạng bảng trong phần mềm soạn thảo

Thực hiện được thao tác tạo bảng và chèn thêm cột, hàng trong bảng.

b. Nội dung: Phiếu giao số 1 và số 2; Bài báo của của các nhóm.

c. Sản phẩm: Hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 1 và số 2.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

- + GV trình chiếu phiếu giao nhiệm vụ số 1 và số 2, và cho các nhóm trình bày kết quả phiếu giao nhiệm vụ của nhóm.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 1

Nhóm:.....

STT	Tên trò chơi	Số bạn nam thích	Số bạn nữ thích
1	Trốn tìm	15	10
2	Kéo co	15	15
3	Nhảy bao	14	17
4	Đẩy gậy	18	20

Bảng 1.1

1. Em hãy tạo bảng khảo sát trò chơi tập thể yêu thích theo bảng 1.1 và bổ sung thêm cột **Tổng số** để điền số học sinh cả lớp thích trò chơi tương ứng (Là số học sinh nam cộng học sinh nữ cùng thích một loại trò chơi). Thêm cột **Tổng số** ở vị trí nào là hợp lí?

Đáp án:

STT	Tên trò chơi	Số bạn nam thích	Số bạn nữ thích	Tổng số
1	Trốn tìm	15	10	25
2	Kéo co	15	15	30
3	Nhảy bao	14	17	31
4	Đẩy gậy	18	20	38

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trong nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung và rút ra vấn đề. Và các nhóm thảo luận, trả lời câu hỏi.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 2

Nhóm:.....

Bản tin sau đây nói về tình hình dịch bệnh trên thế giới

Bản tin “ Dịch bệnh Covid”

Tình hình dịch bệnh diễn biến hết sức phức tạp trên thế giới, tính đến ngày 24/02/2022 ca nhiễm 3.041.506; ca phục hồi 19.062 ca; ngày 25/02/2022 ca nhiễm 3.120.301 ca; ca phục hồi 15.835 ca; ngày 26/02/2022 số ca nhiễm 3.198.283 ca; ca phục hồi 23.229 ca;

- Em hãy tạo một bảng trình bày cô đọng của nội dung bản tin trên
- Bổ sung thêm thông tin vào bảng: “ Ngày 27/02/2022 số ca nhiễm 3.976.347; Số ca phục hồi 20.500 ”

Đáp án:

Ngày/tháng/năm	Số ca nhiễm	Số ca phục hồi
24/02/2022	3.041.506	19.062
25/02/2022	3.120.301	15.835
26/02/2022	3.198.283	23.229
27/02/2022	3.976.347	20.500
1/03/2022		

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trong nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung và rút ra vấn đề. Và các nhóm thảo luận, trả lời câu hỏi.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

4. Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức được hình thành giải quyết được các yêu cầu của phiếu giao nhiệm vụ.

b. Nội dung: Phiếu giao nhiệm vụ, nội dung trình bày của học sinh.

c. Sản phẩm: HS thực hiện các yêu cầu của phiếu giao nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV trình bày phiếu nhiệm vụ số 3, các nhóm báo cáo kết quả đã thực hiện ở phiếu giao nhiệm vụ.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 3

Nhóm...

1. Em hãy trình bày nội dung sau dưới dạng bảng:

a. Thời khóa biểu của lớp.

b. Thời khóa biểu hoạt động trong tuần của em.

2. Em xem lại nội dung sổ lưu niệm và cân nhắc xem phần nội dung nào cần trình bày tạo bảng thì hãy trình bày lại nội dung đó

Đáp án

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trình bày kết quả của nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trong nhóm trình bày, HS các nhóm khác nhận xét bài báo cáo của bạn và rút ra vấn đề.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét, kết luận.

Tuần: 25

Tiết: 25

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: THỰC HÀNH: TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ

Môn: Tin học lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Trình bày được tác dụng của công cụ tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản.
- Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm.

*** Đối với HS khuyết tật: Sử dụng được công cụ tìm kiếm của phần mềm.**

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học về soạn thảo văn bản để giải quyết yêu cầu trong bài tập mới.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp trong các hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết được nội dung trong hoạt động vận dụng.

2.2. Năng lực Tin học:

- Sử dụng được công cụ tìm kiếm, thay thế của phần mềm soạn thảo văn bản để thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ học tập.
- Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin.

3. Về phẩm chất:

- Rèn luyện ý thức trách nhiệm trong công việc.

- Rèn luyện phẩm chất nhân ái: Giúp đỡ bạn trong quá trình học tập nhóm và thực hành.
- Rèn luyện và phát triển phẩm chất chăm chỉ: cố gắng hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu (Tivi), máy tính giáo viên, bảng nhóm, máy tính học sinh.
- Học liệu:
 - + Giáo viên: Kế hoạch dạy học, file nhóm bạn thân, sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, phiếu đánh giá giao nhiệm vụ.
 - + Học sinh: bảng nhóm, sách giáo khoa, sách bài tập.

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Ôn lại kiến thức đã học về bảng.
- Từ những gì em thấy dẫn nhập đến kiến thức bài học.

b. Nội dung:

- Sử dụng máy tính để tạo bảng *Các món ăn được chế biến từ dưa hấu* có nội dung sau:

Stt	Món ăn
1	Kem dưa hấu
2	Nước ép dưa dẫu
3	Thạch dưa hấu

- Thêm cột Đánh giá món ăn: Ngon/Không ngon sau cột Món ăn

c. Sản phẩm: Kết quả trên máy tính theo yêu cầu của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Gọi một học sinh lên máy chủ để thực hiện theo yêu cầu trên. Các học sinh còn lại thực hiện trên máy tính cá nhân.

- Thực hiện nhiệm vụ học tập:

- + Học sinh thực hiện tạo bảng và nhập dữ liệu theo mẫu.
- + Thêm cột và nhập dữ liệu theo yêu cầu.
- Báo cáo, thảo luận: Gọi một số học sinh nhận xét phần thực hiện của bạn.

- Kết luận, nhận định: HS hoàn thành yêu cầu của GV.

* Vậy nếu muốn làm bảng món ăn chế biến từ quả dưa nhưng công thức giống làm từ dưa hấu thì làm sao để sửa lại bảng cho nhanh ta cùng tìm hiểu bài 13: “ Thực hành tìm kiếm và thay thế”.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Tại sao phải tìm kiếm và thay thế văn bản?

a. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng của công cụ tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản.

b. Nội dung:

- Yêu cầu học sinh thực hiện trên máy tính thay thế từ *Dưa hấu* thành *Dứa* trong thời gian 2 phút.

Nhóm 1: Thực hiện thay thế trên bảng trong hoạt động ôn tập.

Nhóm 2: Thực hiện thay thế trên văn bản. (văn bản nằm ở phần hồ sơ dạy học, phụ lục 2.1)

- Sau khi 2 nhóm thực hiện, giáo viên cho học sinh các nhóm khác nhận xét bài làm hai nhóm. Với các văn bản ngắn thì việc tìm kiếm và thay thế nhanh chóng. Tuy nhiên, với các văn bản dài hàng trăm trang, thì việc tìm kiếm và thay thế rất khó khăn, tốn nhiều thời gian và công sức. Để giải quyết vấn đề này, cô sẽ giới thiệu các em một công cụ đó là công cụ tìm kiếm và thay thế.

c. Sản phẩm:

- Bài làm của học sinh đã thực hiện trên máy tính.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

- Phân lớp thành 2 nhóm thực hiện trên máy tính và thực hiện theo yêu cầu ở phần nội dung.

- Thực hiện trên máy tính nội dung theo yêu cầu của giáo viên.

Trả lời câu hỏi:

1. So sánh kết quả thực hiện của hai nhóm.

2. Làm thế nào để khắc phục nhược điểm của nhóm số 2.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

- **Báo cáo, thảo luận:** Hết giờ kiểm tra kết quả các nhóm, nhóm nào hoàn thành nhóm nào chưa hoàn thành.

* *Có thể chờ thêm thời gian để nhóm 1 hoàn thành.*

- GV nhận xét đánh giá và kết luận:

+ Cùng việc thực hiện thay thế thì nội dung nhóm 1 hoàn thành, nhóm 2 chưa do nội dung tìm kiếm và thay thế nhiều.

+ Nhu cầu sử dụng chức năng tìm kiếm và thay thế.

Ghi nhớ: Công cụ Tìm kiếm và thay thế giúp tìm kiếm và thay thế từ hoặc cụm từ theo yêu cầu một cách nhanh chóng và chính xác.

2. 2 Sử dụng công cụ tìm kiếm và thay thế:

a. Mục tiêu:

- Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm.

b. Nội dung:

- Thực hiện hoạt động đọc sách giáo khoa để tìm hiểu các bước tìm kiếm và thay thế.

- Thực hiện việc tìm kiếm và thay thế trên máy tính.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh trên máy tính.

d. Tổ chức thực hiện

- **Giao nhiệm vụ:** Thực hiện hoạt động đọc và thực hiện:

- + Thao tác tìm kiếm từ ***Dưa hấu*** có trong bài của nhóm 2.
- + Thao tác thay thế từ ***Dưa hấu*** thành ***Dừa*** có trong bài của nhóm 2.

*** Đối với HS khuyết tật: Yêu cầu HS thực hiện thao tác tìm kiếm từ ***Dưa hấu*** có trong bài của nhóm 2.**

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

- + HS thực hiện theo yêu cầu.
- + Nếu HS không thực hiện được thì GV sẽ hướng dẫn để HS thực hiện được.

- **Báo cáo, thảo luận:**

- + Cho 1 nhóm báo cáo cách thực hiện việc tìm kiếm.
- + Các HS khác nhận xét, góp ý.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Ghi nhớ:

- **Các bước sử dụng công cụ tìm kiếm:**

- + B1. Nháy chuột vào thẻ Home
- + B2. Trong nhóm lệnh Editing, chọn lệnh Find.
- + B3. Gõ từ, cụm từ cần tìm rồi nhấn phím Enter.
- + B4. Liên kết đến các từ, cụm từ tìm thấy trong văn bản.

- **Các bước sử dụng công cụ thay thế:**

- + B1. Trong nhóm lệnh Editing chọn lệnh Replace.
- + B2. Gõ từ cụm từ cần tìm vào ô Find what.
- + B3. Gõ từ, cụm từ thay thế ở ô Replace With.
- + B4. Chọn Replace để thay thế lần lượt từng từ hoặc cụm từ tìm kiếm được hoặc chọn Replace all để thay thế toàn bộ các từ, cụm từ tìm được.

3. Hoạt động 3. Luyện tập

a. Mục tiêu hoạt động:

- Khắc sâu kiến thức đã học về công cụ tìm kiếm.
- Nêu được các bước thay thế một từ hoặc cụm từ.

b. Nội dung: Nội dung phần luyện tập sách giáo khoa trang 60 (Phiếu giao nhiệm vụ số 1)

c. Sản phẩm:

Đáp án phiếu giao nhiệm vụ số 1

Câu 1: Các thao tác mà An thực hiện để tìm kiếm cụm từ “nhóm bạn thân”.

Câu 2: Kết quả sắp xếp.

Ghi rõ đáp án bài tập

Đáp án: $b \rightarrow c \rightarrow d \rightarrow a \rightarrow e$

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Yêu cầu các nhóm thảo luận phiếu giao nhiệm vụ số 1, ghi câu trả lời vào bảng nhóm và đại diện nhóm trả lời.

 PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 1 Nhóm....	
Câu 1:	Tệp văn bản chứa các bài viết cảm nghĩ của An về trường, lớp, thầy cô và các bạn gồm nhiều trang. An muốn xem lại nội dung bài viết về nhóm bạn thân lớp 6A, nhưng không nhớ rõ ở trang nào. Vì vậy, An thực hiện thao tác tìm kiếm cụm từ “nhóm bạn thân” trong tệp văn bản. An phải thực hiện thao tác gì để xem lần lượt các kết quả tìm thấy?
<i>Trả lời:</i>	
Câu 2:	Em hãy sắp xếp lại các bước sau đây theo thứ tự đúng để thực hiện thao tác thay thế một từ hoặc cụm từ trong phần mềm soạn thảo văn bản

- a) Gõ từ, cụm từ cần thay thế
- b) Nháy chuột vào thẻ home
- c) Trong nhóm lệnh Editing, chọn Replace
- d) Gõ từ, cụm từ cần tìm
- e) Nháy chuột vào nút Replace để thay thế lần lượt từng từ hoặc cụm từ

Trả lời:

- **Thực hiện nhiệm vụ :** Các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trong nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

4. Hoạt động 4. Vận dụng (Hướng dẫn hoạt động trải nghiệm)

a. Mục tiêu hoạt động:

- Vận dụng kiến thức đã học trong **Chủ đề 5: Ứng dụng tin học.**

- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung đã có thành một sản phẩm hoàn chỉnh.

b. Nội dung:

- Tìm hiểu bài 14 để hoàn thành sổ lưu niệm.

c. Sản phẩm:

- Cuốn sổ lưu niệm hoàn chỉnh.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Hãy tưởng tượng các em gặp nhau sau 50 năm trong tương lai. Hãy cùng xem lại cuốn sổ lưu niệm mà lớp đã tạo ở hiện tại.

+ Tìm hiểu nội dung bài 14 và hoàn thiện cuốn sổ lưu niệm.

+ Giao phiếu giao nhiệm vụ số 2 và Danh sách, vị trí nhân sự để các nhóm phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh phân công nhiệm vụ và hoàn thành sổ lưu niệm ngoài giờ học trên lớp.

- **Thực hiện báo cáo:** vào đầu tiết học sau.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vào tiết học sau.

PHỤ LỤC PHẦN 2.1

Mùa hè đến mang theo bao loại quả ngon khiến chúng ta nghĩ đến nó như một đặc trưng dễ thương của mùa vậy. Nào mít thơm nức mũi, nào xoài chín đầy cây, nào mận chua chua,... trong số đó em thích nhất là những trái dưa hấu.

Vì cả nhà đều thích ăn dưa nên mẹ đã dày công trồng mấy luống dưa hấu. Đến đầu hè, cả nhà ai cũng hạnh phúc khi thấy trong vườn quả đã sai và chín. Dưa hấu hình bầu dục, khi còn non nó có màu xanh nhạt, dường như còn yếu ớt rụt rè lấp sau những kẽ lá. Dây dưa dài và ngoằn ngoèo. Quả dưa nằm trên đất, to lớn từng ngày và trở nên nổi bật hơn với màu xanh đậm và thân hình đáng yêu của mình. Trái dưa đã trưởng thành trông thật ra dáng thanh niên, không còn e sợ nép sau kẽ lá mà nằm chềnh ềnh như những chú lợn con dễ thương vậy. Khi dưa chín em và mẹ đem rổ đi thu hoạch về nhà. Một rổ nặng trĩu những trái dưa được rửa sạch đem đi thắp hương ông bà tổ tiên rồi bỏ cho cả nhà ăn sau bữa cơm. Thích nhất là xem mẹ bỏ dưa, khi dao vừa cứa đôi quả, ruột dưa đỏ mọng nước hiện ra rất bắt mắt. Vỏ dưa dày mà ruột bên trong cũng nhiều và đặc quánh điểm xuyết những hạt đen be bé. Mẹ cắt dưa thành những miếng nhỏ hình tam giác trông rất ngon miệng. Cắn một miếng, ruột dưa tan trong miệng cùng với vị thanh mát, ngọt đậm và nhiều nước khiến em cảm thấy thật khó quên. Dưa hấu là món tráng miệng quen thuộc của gia đình, mẹ bảo ăn xong ươm hạt sẽ lại có cây mới nên em tích cực gieo hạt xuống đất.

Những trái dưa hấu lúc nào cũng đáng yêu. Nhà em ai cũng thích ăn dưa.

Những ngày hè với cái nắng gay gắt rất cần những trái cây để con người có đủ dinh dưỡng và khỏe mạnh. Và mỗi lần hè về, em lại được thưởng thức hương vị của những quả dưa hấu.

Loại quả này em đã được nghe nguồn gốc của nó từ câu chuyện chàng Mai An Tiêm. Nó không tròn như nhiều loại quả khác mà mang dáng hình bầu dục, lát cắt dọc là hình elip. Cầm quả dưa hấu có cảm giác chắc nịch, cũng phải nặng đến hai cân. Làn da của nó nhẵn bóng, trơn tru và mát rượi. Để lựa những quả dưa ngon nhất, người tay hay vỗ nhẹ vào vỏ quả dưa. Lúc đó chúng sẽ tạo ra những tiếng động như tiếng trống.

Dưa hấu khoác một tấm áo choàng bên ngoài màu xanh lục nhưng không đơn điệu mà có rất nhiều cấp độ. Thỉnh thoảng em cũng bắt gặp một số quả đã ngả vàng một phần trên cơ thể. Trên bộ y phục ấy còn điểm xuyết những đường kẻ dọc màu xanh

thẫm đậm làm cho tấm áo nổi bật và độc đáo hơn. Nhưng cũng vì màu sắc như vậy, chúng dễ bị hòa lẫn vào màu xanh của lá giữa mảnh ruộng dưa hấu và đôi khi bị che lấp với những chiếc lá. Chúng nằm đó tựa như một đứa trẻ say giấc nồng chờ người nông dân ra thu hoạch về.

Khi bỏ ra, bộ váy lông lấy màu đỏ tươi rực rỡ dần hiện ra. Loại dưa hấu em thường ăn có cùi khá mỏng và phần ruột dày. Mẹ anh bỏ thành từng miếng nhỏ bày ra đĩa trông rất đẹp mắt. Bộ váy ấy còn dính những hạt cườm đen, cườm trắng khiến quả dưa hấu càng bắt mắt hơn. Ruột của nó nhìn qua đã rất mọng nước. Khi ăn, vị ngọt tan ra ở đầu lưỡi, một dòng nước mát chảy, ngọt ngào vào trong thanh quản. Những ai vừa đi làm về mệt mỏi, chỉ cần được thưởng thức ngay miếng dưa hấu là sẽ cảm thấy dịu người và tinh tảo hẳn lên. Lóp cùi trắng của nó cũng rất giòn và mát, nên em thường ăn hết luôn. Chưa hết, mẹ em còn hay làm sinh tố dưa hấu cho cả nhà nữa. Đó là một thức uống hoàn hảo, không những đẹp về hình thức với màu đỏ tươi và còn rất bổ dưỡng cho cơ thể.

Dưa hấu là một thức quả yêu thích của rất nhiều người. Em mong chúng sẽ lớn lên khỏe mạnh ở những cánh đồng để người trồng có vụ mùa bội thu.

Dưa hấu là loại quả em yêu thích nhất trong mùa hè, quả dưa hấu là trái cây giúp giải khát và tốt cho sức khỏe của cả nhà.

Dưa hấu đã trở thành loại quả không thể thiếu trong những ngày hè. Mỗi lần được thưởng thức miếng dưa ngọt lịm mát lạnh trong những ngày nóng bức, em càng yêu hơn loại quả này và thầm cảm ơn những người lao động đã làm ra một sản phẩm tuyệt vời đến thế.

Tuần: 26

Tiết: 26

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Tin học lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Ôn tập các kiến thức về:

- Sơ đồ tư duy và phần mềm sơ đồ tư duy
- Soạn thảo văn bản cơ bản

*** Đối với HS khuyết tật: Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra**

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ tuần 19 đến tuần 24
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời và ví dụ

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực A (NL_A):

- Biết sử dụng phần mềm tạo sơ đồ tư duy.
- *Sử dụng* được các công cụ định dạng văn bản.

Năng lực B (NL_B): Ứng xử phù hợp trong môi trường số.

Năng lực C (NL_C):

Năng lực D (NL_D): Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.

Năng lực E (NL_E): Năng lực hợp tác trong môi trường số.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- **Chăm chỉ:** miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- **Nhân ái:** Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- **Trung thực:** Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

- **Trách nhiệm:** Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, câu hỏi ôn tập.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung ôn tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. **Mục tiêu:** Giúp HS hệ thống kiến thức từ bài 10 đến bài 12

b. **Nội dung:** Nghiên cứu nội dung bài cũ. Trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm để tìm ai cao hơn

d. **Tổ chức thực hiện:**

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV chiếu “**AI LÊN CAO HƠN**” gồm 10 câu hỏi. Sau đó, GV cho HS hoạt động nhóm (lớp chia thành 2 đội) trả lời câu hỏi trắc nghiệm



Câu hỏi đội thỏ:

Câu 1. Sơ đồ tư duy là gì?

- A. Một sơ đồ trình bày thông tin trực quan bằng cách sử dụng từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, các đường nối thể hiện các khái niệm và ý tưởng.
- B. Văn bản của một vở kịch, bộ phim hoặc chương trình phát sóng.
- C. Bản vẽ kiến trúc một ngôi nhà.
- D. Một sơ đồ hướng dẫn đường đi.

Câu 2. Phát biểu nào không phải là ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy bằng phần mềm máy tính?

- A. Có thể sắp xếp, bố trí với không gian mở rộng, dễ dàng sửa chữa, thêm bớt nội dung.
- B. Có thể chia sẻ được cho nhiều người.
- C. Có thể làm ở bất cứ đâu, không cần công cụ hỗ trợ.
- D. Có thể kết hợp và chia sẻ để sử dụng cho các phần mềm máy tính khác.

Câu 3. Phát biểu nào sai về việc tạo được sơ đồ tư duy tốt?

- A. Các đường kẻ càng ở gần hình ảnh trung tâm thì càng nên tô màu đậm hơn và kích thước dày hơn.
- B. Nên dùng các đường kẻ cong thay vì các đường kẻ thẳng.
- C. Nên bố trí thông tin đều quanh hình ảnh trung tâm.
- D. Không nên sử dụng màu sắc trong sơ đồ tư duy vì màu sắc làm người xem mất tập trung vào vấn đề chính.

Câu 4. Lệnh nào sau đây là lệnh dùng để giãn cách dòng cho văn bản?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 5. Thao tác nào không phải là thao tác định dạng văn bản?

- A. Chọn chữ màu xanh.
- B. Thay đổi kiểu chữ thành chữ nghiêng.
- C. Căn giữa đoạn văn bản.
- D. Thêm hình ảnh vào văn bản.

Câu hỏi đội cọp:

Câu 1. Thông tin trong sơ đồ tư duy thường được tổ chức thành:

- A. Mở bài, thân bài, kết luận.
- B. Tiêu đề, đoạn văn.
- C. Chương, bài, mục.
- D. Chủ đề chính, chủ đề nhánh,

Câu 2. Phát biểu nào sai về việc tạo được sơ đồ tư duy tốt?

- A. Không nên sử dụng màu sắc trong sơ đồ tư duy vì màu sắc làm người xem mất tập trung vào vấn đề chính.
- B. Nên bố trí thông tin đều quanh hình ảnh trung tâm.
- C. Nên dùng các đường kẻ cong thay vì các đường kẻ thẳng.
- D. Các đường kẻ càng ở gần hình ảnh trung tâm thì càng nên tô màu đậm hơn và kích thước dày hơn.

Câu 3. Nhược điểm của việc tạo sơ đồ tư duy theo cách thủ công là gì?

- A. Khó sắp xếp, bố trí nội dung.
- B. Hạn chế khả năng sáng tạo.

- C. Không linh hoạt để có thể làm ở bất cứ đâu, đòi hỏi công cụ khó tìm kiếm.
D. Không dễ dàng trong việc mở rộng, sửa chữa và chia sẻ cho nhiều người.

Câu 4. Lệnh nào sau đây là lệnh dùng để giảm mức thụt lề trái cho văn bản?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 5. Phần mềm soạn thảo văn bản không có chức năng nào sau đây?

- A. Sửa đổi, chỉnh sửa văn bản B. Nhập văn bản
C. Chỉnh sửa hình ảnh và âm thanh. D. Lưu và in văn bản

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, quan sát, các HS trả lời và bổ sung.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả.
- **Kết luận, nhận định:**
 - + GV quan sát, phân tích, đánh giá kết quả.
 - + GV liên hệ kết quả đạt được dẫn dắt vào nội dung tiếp theo.

2. Hoạt động 2: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh dựa vào nội dung đã học để soạn thảo văn bản trên Word.

b. Nội dung: Học sinh nắm được soạn thảo văn bản, định dạng đoạn, trang, in văn bản, tạo bảng ... trên máy tính.

c. Sản phẩm: sản phẩm của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** GV cho HS thực hành trên máy tính

1. Soạn thảo văn bản theo mẫu dưới đây.

BÀI THƠ QUÊ HƯƠNG – tác giả Nguyễn Đình Huân

Quê hương là một tiếng ve

Lời ru của mẹ trưa hè à ơi

Dòng sông con nước đầy vơi

Quê hương là một góc trời tuổi thơ

DANH SÁCH HỌC SINH XUẤT SẮC MÔN TIN			
Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Kết quả cuối năm
1	Huỳnh Như	6/1	9.5
2	Huỳnh Hồ Anh	6/1	9.4
3	Ngô Nguyễn Thành	6/2	9.9
4	Đinh Mỹ Quỳnh	6/2	9.1

2. Đặt lề, định dạng lại văn bản và chỉnh sửa dữ liệu trong các ô sao cho phù hợp để nhìn.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành trên máy tính.

- **Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

Tuần: 27

Tiết: 27

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Tin học Lớp 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- củng cố và kiểm tra kiến thức có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi từ bài 9 đến bài 13

Đối với HS Trần Quang Hiếu lớp 6/4:

- Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra (5 điểm)

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 9 đến bài 13

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thực hiện cá nhân để đưa ra câu trả lời.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- Biết sử dụng phần mềm tạo sơ đồ tư duy.
- *Sử dụng* được các công cụ định dạng văn bản.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

NLe: Hợp tác trong môi trường số

- Hợp tác trong môi trường số
- Có khả năng làm việc nhóm, hợp tác để tiếp thu kiến thức và hoàn thành các yêu cầu giáo viên.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn khi cần thiết.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Đề kiểm tra.

2. Học liệu:

Giáo viên: Ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra giữa kỳ II, đáp án, biểu điểm cụ thể.

Học sinh: Kiến thức, đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA:

- Hình thức: TNKQ + Tự luận.
- Học sinh làm bài trên máy tính.

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: TIN LỚP 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	1. Sơ đồ tư duy và phần mềm sơ đồ tư duy	1		2						1,5 điểm 15%
		2. Soạn thảo văn bản cơ bản	7			1		1		1	8,5 điểm 85%
Tổng			8		2	1		1		1	13
Tổng điểm			4		3		2		1		100%

Tỉ lệ chung	40%	30%	20%	10%	100%
--------------------	------------	------------	------------	------------	-------------

*** Đối với HS khuyết tật: Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra**

**UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN**

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN TIN HỌC 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI 45 phút**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	1. Sơ đồ tư duy và phân mềm sơ đồ tư duy	Nhận biết - Biểu tượng, tên của phần mềm sơ đồ tư duy. Thông hiểu	1TN (Câu 1)	3 TN (Câu 2,3)		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin. - Sắp xếp được một cách logic và trình bày được dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm.				
		2. Soạn thảo văn bản cơ bản	Nhận biết - Nhận biết được tác dụng của công cụ căn lề, chèn cột, chèn hàng, xóa cột, xóa hàng, tách và gộp ô, định dạng, tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản. Thông hiểu - Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản. - Hiểu được nhu cầu xử lý thông tin ở dạng bảng Vận dụng - Sử dụng phần mềm soạn thảo để tạo	7 TN (Câu 4,5,6,7,8,9,10)	1TH (Câu 11)	1TH (Câu 12)	1TH (Câu 13)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			văn bản. - Trình bày được thông tin ở dạng bảng. Vận dụng cao - Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in. - Soạn thảo được văn bản phục vụ học tập và sinh hoạt hàng ngày.				
Tổng				8 TN	2 TN, 1 TH	1 TH	1 TH
Tổng số điểm				4	3	2	1
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%

Họ và tên:.....	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 6 Thời gian : 45 phút (Không kể thời gian giao đề)	Điểm
Lớp: MÃ ĐỀ A		

(* Lưu ý: Học sinh làm bài trên máy tính)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng
Câu 1. Đây là biểu tượng của phần mềm sơ đồ tư duy?

- A.  MindMaple B.  PowerPoint C.  Word D.  Paint

Câu 2. Nhược điểm của phần mềm sơ đồ tư duy là gì?

- A. Ghi nhớ và tái sử dụng dễ dàng B. Kích thích tư duy sáng tạo.
C. Tổ chức thông tin hiệu quả D. Hạn chế trong việc biểu hiện chi tiết

Câu 3. Phát biểu nào sai về việc tạo được sơ đồ tư duy tốt?

- A. Các đường kẻ càng ở gần hình ảnh trung tâm thì càng nên tô màu đậm hơn và kích thước dày hơn.
B. Nên dùng các đường kẻ cong thay vì các đường kẻ thẳng.
C. Nên bố trí thông tin đều quanh hình ảnh trung tâm.
D. Không nên sử dụng màu sắc trong sơ đồ tư duy vì màu sắc làm người xem mất tập trung vào vấn đề chính.

Câu 4. Để căn thẳng lề phải cho văn bản em sử dụng biểu tượng nào?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 5. Lệnh nào sau đây là lệnh dùng để giảm mức thụt lề trái cho văn bản?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 6. Để định dạng trang đứng, em vào Layout/Orientation và chọn lệnh nào?

- A. Portrait B. Margins C. Landscape D. Paragraph

Câu 7. Để thêm cột nằm bên trái của bảng, em chọn cột và thực hiện lệnh nào trong các lệnh sau?

- A. Layout/ Insert Right B. Layout/ Delete/ Table
C. Layout/ Insert Left D. Layout/ Insert Above

Câu 8. Muốn chèn hình ảnh vào văn bản, em thực hiện lệnh nào sau đây?

- A. Insert -> Clip Art B. Insert -> Picture
C. Insert -> Shape D. Insert -> SmartArt

Câu 9. Muốn xóa bảng, sau khi chọn cả bảng, em nháy chuột phải vào ô bất kì trong bảng rồi chọn lệnh nào?

- A. Delete Table B. Delete Rows C. Delete Columns D. Delete Cells

Câu 10. Trong hộp thoại Find and Replace, khi nháy nút Replace có nghĩa gì?

- A. Tìm kiếm B. Thay thế C. Kết thúc D. Xóa bỏ

Họ và tên:.....	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 6 Thời gian : 45 phút (Không kể thời gian giao đề)	Điểm
Lớp: MÃ ĐỀ B		

(* Lưu ý: Học sinh làm bài trên máy tính)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Đầu là tên của phần mềm sơ đồ tư duy?

- A. Paint B. MicrosoftWord C. PowerPoint D. MindMaple

Câu 2. Phát biểu nào sai về việc tạo được sơ đồ tư duy tốt?

- A. Nên bố trí thông tin đều quanh hình ảnh trung tâm.
B. Nên dùng các đường kẻ cong thay vì các đường kẻ thẳng.
C. Không nên sử dụng màu sắc trong sơ đồ tư duy vì màu sắc làm người xem mất tập trung vào vấn đề chính.
D. Các đường kẻ càng ở gần hình ảnh trung tâm thì càng nên tô màu đậm hơn và kích thước dày hơn.

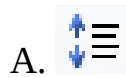
Câu 3. Ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy bằng phần mềm máy tính?

- A. Dễ dàng sửa chữa, thêm bớt nội dung.
B. Không chia sẻ được cho nhiều người.
C. Có thể làm ở bất cứ đâu, không cần công cụ hỗ trợ.
D. Giới hạn trong việc trình bày chi tiết

Câu 4. Để căn thẳng lề trái cho văn bản, em sử dụng biểu tượng nào?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 5. Lệnh nào sau đây là lệnh dùng để giãn cách dòng cho văn bản?



A.



B.



C.



D.

Câu 6. Để định dạng trang ngang, em vào Layout/Orientation và chọn lệnh nào?

A. Portrait

B. Margins

C. Landscape

D. Paragraph

Câu 7. Để thêm cột nằm bên phải của bảng, em chọn cột và thực hiện lệnh nào trong các lệnh sau?

A. Layout/ Insert Right

B. Layout/ Delete/ Table

C. Layout/ Insert Left

D. Layout/ Insert Above

Câu 8. Nếu muốn tạo bảng nhiều cột hoặc hàng, em thực hiện như thế nào?

A. Insert -> Table -> Quick Tables

B. Insert -> Table -> Insert Table

C. Insert -> Table -> Drawtable

D. Insert -> Table -> Spreadsheet

Câu 9. Để thực hiện in văn bản, em sử dụng lệnh nào trong các lệnh dưới đây?

A. Insert/ Print

B. File/ Print

C. Home/ Print

D. Layout/ Print.

Câu 10. Khi thực hiện lệnh: Home ->Editing -->Find có nghĩa gì?

A. Kết thúc

B. Thay thế

C. Tìm kiếm

D. Xóa bỏ

ĐỀ 1

II. PHẦN THỰC HÀNH: (5 điểm) Em hãy sử dụng phần mềm **Microsoft Word** để thực hiện các công việc sau :

Câu 11. Soạn thảo văn bản theo mẫu dưới đây. (2 điểm)

BÀI THƠ QUÊ HƯƠNG – tác giả Nguyễn Đình Huân

Quê hương là một tiếng ve

Lời ru của mẹ trưa hè à ơi

Dòng sông con nước đầy vơi

Quê hương là một góc trời tuổi thơ

DANH SÁCH HỌC SINH XUẤT SẮC MÔN TIN

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Kết quả cuối năm
1	Huỳnh Như	6/1	9.5
2	Huỳnh Hồ Anh	6/1	9.4
3	Ngô Nguyễn Thành	6/2	9.9
4	Đinh Mỹ Quỳnh	6/2	9.1

Câu 12. Thực hiện các yêu cầu: (2 điểm)

1. Căn lề giữa cho bài thơ. (1 đ)
2. Nội dung trong bảng được định dạng theo yêu cầu:
 - + Phong chữ: Times new roman (0.25đ)
 - + Cỡ chữ: 14 (0.25đ)
 - + Kiểu chữ và căn lề ô: theo mẫu (0.25đ)
 - + Lưu bảng dữ liệu theo đường dẫn D:\tên hs (0.25đ)

Câu 13. Định dạng bảng dữ liệu trên có tính thẩm mỹ, khoa học hơn: màu chữ, màu đường biên, màu nền, điều chỉnh độ rộng của cột và gộp ô. (1 điểm)

ĐỀ 2

II. PHẦN THỰC HÀNH: (5 điểm) Em hãy sử dụng phần mềm **Microsoft Word** để thực hiện các công việc sau :

Câu 11. Soạn thảo văn bản theo mẫu dưới đây. (2 điểm)

BÀI THƠ YÊU LẮM QUÊ HƯƠNG – tác giả Hoàng Thanh Tâm

Em yêu từng sợi nắng cong

Bức tranh thủy mặc dòng sông con đò

Em yêu chao liệng cánh cò

Cánh đồng mùa gặt lượn lờ vàng ươm

DANH SÁCH HỌC SINH XUẤT SẮC MÔN TIN

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Kết quả cuối năm
1	Nguyễn Thị Hạnh	6/1	9.7
2	Huỳnh Anh Dũng	6/2	9.3
3	Ngô Châu Giang	6/3	9.6
4	Đinh Văn Quốc	6/4	9.0

Câu 12. Thực hiện các yêu cầu: (2 điểm)

1. Căn lề phải cho bài thơ. (1 đ)
2. Nội dung trong bảng được định dạng theo yêu cầu:
 - + Phong chữ: Times new roman (0.25đ)
 - + Cỡ chữ: 14 (0.25đ)
 - + Kiểu chữ và căn lề ô: theo mẫu (0.25đ)
 - + Lưu bảng dữ liệu theo đường dẫn D:\tên hs (0.25đ)

Câu 13. Định dạng bảng dữ liệu trên có tính thẩm mỹ, khoa học hơn: màu chữ, màu đường biên, màu nền, điều chỉnh độ rộng của cột và gộp ô. (1 điểm)

II. PHẦN THỰC HÀNH: (5 điểm) Em hãy sử dụng phần mềm **Microsoft Word** để thực hiện các công việc sau :

Câu 11. Soạn thảo văn bản theo mẫu dưới đây. (2 điểm)

BÀI THƠ TÌNH QUÊ – tác giả Hoa Lục Bình

Chiều tà nắng ngã triền đê

Mục đồng thông thả đi về lưng trâu

Dòng sông xanh ngắt một màu

Một đàn cò trắng từ đâu bay về

DANH SÁCH HỌC SINH XUẤT SẮC MÔN TIN

Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Kết quả cuối năm
1	Trần Hiếu Kiên	6/4	9.1
2	Nguyễn Tấn Đạt	6/4	9.8
3	Trần Thị Ngọc Hân	6/5	10.0
4	Nguyễn An Na	6/5	9.1

Câu 12. Thực hiện các yêu cầu: (2 điểm)

1. Căn lề giữa cho bài thơ. (1 đ)
2. Nội dung trong bảng được định dạng theo yêu cầu:
 - + Phong chữ: Times new roman (0.25đ)
 - + Cỡ chữ: 14 (0.25đ)
 - + Kiểu chữ và căn lề ô: theo mẫu (0.25đ)
 - + Lưu bảng dữ liệu theo đường dẫn D:\tên hs (0.25đ)

Câu 13. Định dạng bảng dữ liệu trên có tính thẩm mỹ, khoa học hơn: màu chữ, màu đường biên, màu nền, điều chỉnh độ rộng của cột và gộp ô. (1 điểm)

ĐỀ 4

II. PHẦN THỰC HÀNH: (5 điểm) Em hãy sử dụng phần mềm **Microsoft Word** để thực hiện các công việc sau :

Câu 11. Soạn thảo văn bản theo mẫu dưới đây. (2 điểm)

BÀI THƠ MIỀN QUÊ – tác giả Đức Trung
Tôi thắm nhớ một miền quê
Ước mơ thăm lại trở về tuổi thơ
Đồng xanh bay lá cánh cò
Hương sen tỏa ngát mộng mơ những chiều

DANH SÁCH HỌC SINH XUẤT SẮC MÔN TIN			
Stt	Họ và tên học sinh	Lớp	Kết quả cuối năm
1	Trần Quang Hiếu	6/4	9.3
2	Trần Thanh Vy	6/3	9.2
3	Huỳnh Văn Long	6/5	9.6
4	Châu Tường Vy	6/1	9.6

Câu 12. Thực hiện các yêu cầu: (2 điểm)

1. Căn lề trái cho bài thơ. (1 đ)
2. Nội dung trong bảng được định dạng theo yêu cầu:
 - + Phong chữ: Times new roman (0.25đ)
 - + Cỡ chữ: 14 (0.25đ)
 - + Kiểu chữ và căn lề ô: theo mẫu (0.25đ)
 - + Lưu bảng dữ liệu theo đường dẫn D:\tên hs (0.25đ)

Câu 13. Định dạng bảng dữ liệu trên có tính thẩm mỹ, khoa học hơn: màu chữ, màu đường biên, màu nền, điều chỉnh độ rộng của cột và gộp ô. (1 điểm)

MÃ ĐỀ A

I. Phần trắc nghiệm: (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	D	B	C	A	C	B	A	B

MÃ ĐỀ B

I. Phần trắc nghiệm : (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	C	A	D	A	C	A	B	B	C

II. Phần thực hành (5 điểm cho cả 4 đề)

Câu	Đáp án, hướng dẫn chấm	Điểm
11	Soạn thảo đúng nội dung theo mẫu	2 đ
12	1. Căn lề cho bài thơ theo yêu cầu. 2. Nội dung trong bảng được định dạng theo yêu cầu: + Phong chữ: Times new roman + Cỡ chữ: 14 + Kiểu chữ và căn lề ô: theo mẫu + Lưu bảng dữ liệu theo đường dẫn D:\tên hs	1 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ 0.25 đ
13	Định dạng bảng dữ liệu trên có tính thẩm mỹ, khoa học hơn: màu chữ, màu đường biên, màu nền, điều chỉnh độ rộng của cột và gộp ô	1 đ

Tuần: 28

Tiết: 28

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

BÀI DẠY:

Bài 14: THỰC HÀNH TỔNG HỢP “HOÀN THÀNH SỔ LƯU NIỆM”

Môn: Tin học, lớp 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: HS khắc sâu những kiến thức đã học:

- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung thành một nội dung hoàn chỉnh

*** Đối với HS khuyết tật: Biết tạo sổ lưu niệm đơn giản.**

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác : Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, thảo luận các vấn đề liên quan đến nội dung nhóm sẽ trình bày.

- Năng lực giải quyết vấn đề :

+ Biết phân tích tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

+ Lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động phù hợp.

+ Biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động nhóm.

b. Năng lực đặc thù:

- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông:

+ Tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn trên Internet.

+ Đánh giá được sự phù hợp của thông tin với nội dung cần tìm hiểu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học:

+ Tạo được bài trình chiếu để báo cáo.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương; Có ý thức bảo vệ các di tích lịch sử; tham gia vào việc phát huy giá trị các di tích lịch sử của địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. GV: Máy tính, tivi.

2. HS: Bài trình chiếu trình bày quá trình làm việc của nhóm và bài trình chiếu trình bày cuốn sổ lưu niệm với chủ đề nhóm đã chọn.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS tái hiện lại cuốn sổ lưu niệm với chủ đề đã chọn.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS chuẩn bị các bảng đánh giá mà GV đã phát cho HS vào tiết học trước.

c. Sản phẩm: HS báo cáo quá trình làm việc nhóm để tạo nên sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV đặt vấn đề: Ở tiết học trước các em đã học các thao tác tạo cuốn sổ lưu niệm, cách tạo trang bìa. Hôm nay các em sẽ báo cáo quá trình thực hiện của nhóm mình (bảng phân công nhiệm vụ, nhật kí công việc, sản phẩm là cuốn sổ lưu niệm)

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS lắng nghe và chuẩn bị các nội dung để báo cáo của nhóm mình

- **Kết luận, nhận định:** GV dẫn dắt HS vào bài tập lớn: “ **Hoàn thành sổ lưu niệm**”.

Bài tập hôm nay sẽ giúp chúng ta biết thêm về một số cuốn sổ lưu niệm về gia đình, bạn bè, lớp,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: VẬN DỤNG

*** Hoạt động 2.1 : Báo cáo quá trình làm việc của nhóm**

(Thời gian 10 phút cho tất cả các nhóm)

a. Mục tiêu:

- Sử dụng được thư điện tử để gửi nội dung báo cáo cho giáo viên.

- Lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động phù hợp.

- Biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động nhóm.

b. Nội dung: HS báo cáo quá trình làm việc, bảng phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm mình.

+ Địa điểm nhóm tìm hiểu, thời gian làm việc, tìm kiếm và sử dụng nguồn tài liệu, tư liệu được lấy từ đâu...

+ Công việc cụ thể từng thành viên (Nhóm trưởng, thư kí...)

...

c. Sản phẩm: Bài trình chiếu trình bày quá trình làm việc và bảng phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm mình.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV yêu cầu từng nhóm lên báo cáo quá trình làm việc của nhóm mình.

+ Yêu cầu HS tự đánh giá điểm cho mình và các bạn trong nhóm.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các thành viên trong nhóm tự đánh giá điểm cho mình và các bạn trong nhóm.

+ Thư kí tổng kết điểm cho GV.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ Sau khi một nhóm hoàn thành việc trình bày, các nhóm còn lại sẽ nhận xét.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về kết quả của từng nhóm và của từng cá nhân.

*** Hoạt động 2.2 : Các nhóm trình bày sản phẩm « Sổ lưu niệm ».**

(Thời gian 5 phút cho mỗi nhóm báo cáo sản phẩm)

a. Mục tiêu:

- Hình thành được nội dung báo cáo.
- Tự tin thuyết trình bài báo cáo của nhóm.

b. Nội dung:

- Các nhóm cử đại diện thành viên nhóm lên báo cáo.
- Các nhóm còn lại theo dõi nhận xét đánh giá.
- GV theo dõi từng nhóm nhận xét đánh giá.

c. Sản phẩm: Bài trình chiếu gồm hình ảnh, cuốn sổ lưu niệm, trang bìa.

d. Tổ chức thực hiện :

- **Chuyển giao nhiệm vụ :**

- + GV phân công đánh giá nhóm bạn như sau: Các nhóm sẽ thực hiện đánh giá vòng tròn đó là N1 → N2 → N3 → N4 → N5 → N6 → N1
- + GV yêu cầu từng nhóm lên báo cáo bài thuyết trình của nhóm mình.
- + GV yêu cầu các nhóm còn lại theo dõi nhóm đang báo cáo để đóng góp ý kiến.

- **Thực hiện nhiệm vụ**

- + Mỗi nhóm cử 1 bạn trình chiếu slide, 1 bạn khác đứng trước lớp trình bày.
- + Các nhóm còn lại theo dõi, lắng nghe quá trình trình bày của nhóm bạn.
- + Các nhóm thống nhất điểm để thư kí trong nhóm ghi điểm cho nhóm bạn và tổng kết điểm cho GV.
- + GV theo dõi và đánh giá sản phẩm từng nhóm trong bảng số 3 (Bảng đánh giá sản phẩm của giáo viên)

- **Báo cáo, thảo luận**

- + Nhóm báo cáo xong, các nhóm khác đóng góp ý kiến, đặt câu hỏi phản biện.
- + Nhóm báo cáo trả lời câu hỏi phản biện của các nhóm đóng góp ý kiến
- + Từ cơ sở đó, các nhóm dựa vào cho điểm nhóm bạn.
- + GV chọn 1 thư kí để tổng kết điểm các nhóm (điểm từng nhóm được tính bằng điểm trung bình của điểm nhóm bạn đánh giá cho nhóm mình + điểm GV đánh giá cho nhóm).

- **Kết luận, nhận định:.**

- + GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương về kết quả của từng nhóm.

Tuần: 29, 30

Tiết: 29, 30

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

CHỦ ĐỀ 6. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH BÀI 15: THUẬT TOÁN

Môn: Tin học. **Lớp:** 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Diễn tả được sơ lược khái niệm thuật toán.
- Nêu được một vài ví dụ minh họa về thuật toán
- Biết thuật toán có thể được mô tả dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.
- Tạo được sơ đồ khối

*** Đối với hs khuyết tật: Biết khái niệm thuật toán, nắm được sơ đồ khối.**

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm thuật toán, xác định được đầu vào, đầu ra của thuật toán.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ minh họa về thuật toán, xác định được đầu vào, đầu ra của thuật toán.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ minh họa tầm quan trọng của thuật toán.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực C (NLc):

- *Nhận biết* được khái niệm thuật toán, một số ví dụ minh họa về thuật toán.
- *Phân biệt* được đầu vào, đầu ra của thuật toán.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cởi mở và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Chăm chỉ: Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm trong học tập.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ, phiếu ghi kết quả thảo luận.

Học sinh: Học bài cũ, một tờ giấy hình vuông, tìm hiểu nội dung bài mới,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Cho HS thực hành gấp hình trò chơi Đông - Tây - Nam - Bắc nhằm phát huy kiến thức đã có của HS để dẫn dắt vào kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: Hướng dẫn của giáo viên, kết quả thực hiện của nhóm.

c. Sản phẩm: Sản phẩm là hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

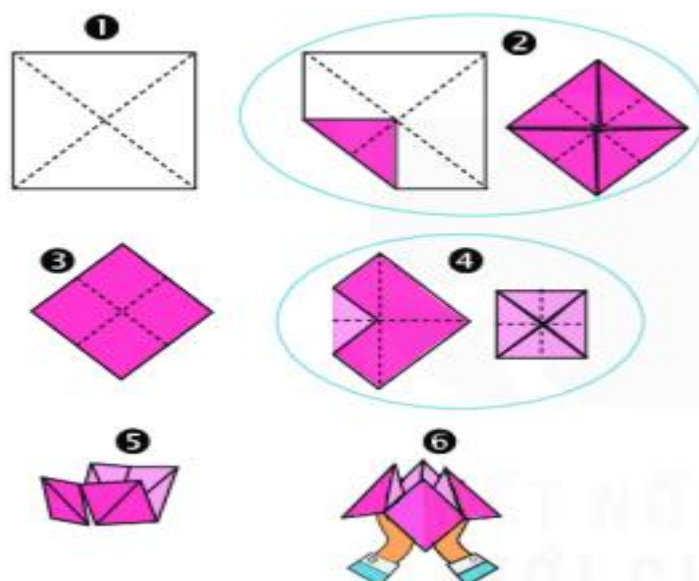
- Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chia lớp theo các nhóm: Các nhóm hãy quan sát tiến trình thực hiện và ghi vào bảng nhóm.

GV hướng dẫn hoạt động dạy học khám phá và giải đáp thắc mắc của HS.

Hướng dẫn:

+ Với tờ giấy hình vuông chuẩn bị trước, mỗi HS thực hiện gấp hình trò chơi Đông - Tây - Nam - Bắc theo trình tự từng bước hướng dẫn.



- **Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS quan sát và thực hiện hoạt động khám phá theo nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận:** Học sinh trong nhóm quan sát, thảo luận thực hiện yêu cầu của GV.

- **Kết luận, nhận định:** HS hoàn thành yêu cầu của GV. GV quan sát kết quả của các nhóm.

Chú ý: Nếu học sinh không theo thứ tự hướng dẫn của GV thì GV cũng khuyến khích học sinh viết kết quả ra bảng nhóm.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

2.1. Thuật toán

2.1.1. Khái niệm thuật toán

a. Mục tiêu: Học sinh nhận ra các bước thực hiện một công việc chính là thuật toán và trình tự thực hiện các bước là quan trọng.

- Nêu khái niệm thuật toán.

b. Nội dung: Phiếu giao nhiệm vụ, kết luận, đánh giá.

c. Sản phẩm: Hs thực hiện được yêu cầu phiếu giao nhiệm vụ số 1.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV chuyển giao nhiệm vụ:** GV phát phiếu giao nhiệm vụ:

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 1 Nhóm....
Câu 1: Nếu đảo thứ tự của bước 3 và bước 4 trong hướng dẫn trên thì em có gấp được hình trò chơi Đông - Tây - Nam - Bắc không? Tại sao?
.....
.....
.....
.....
Câu 2: Trước khi gấp hình em cần vật liệu gì? Sau khi thực hiện làm theo hướng dẫn ta có kết quả gì?
.....
.....

.....
.....

*** Đối với hs khuyết tật: Nêu khái niệm thuật toán?**

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận để trả lời nhiệm vụ 1. Trong quá trình thảo luận học sinh có thể thực hiện thao tác đảo thứ tự bước 3, 4 trên sản phẩm đã gấp để tìm câu trả lời.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá vào phiếu đánh giá và kết luận vấn đề.

*** Ghi nhớ:**

Thuật toán là một dãy các chỉ dẫn rõ ràng, có trình tự sao cho khi thực hiện những chỉ dẫn này người ta giải quyết được vấn đề hoặc nhiệm vụ đã cho.

2.1.2 Các thành phần cơ bản của thuật toán

a. Mục tiêu: HS biết được các thành phần của thuật toán: khái niệm đầu vào và đầu ra của thuật toán.

b. Nội dung: Yêu cầu của GV, các nội dung kết luận.

c. Sản phẩm: Hs trả lời câu hỏi của GV đưa ra.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu câu hỏi yêu cầu hs trả lời

Câu 1: Trong thuật toán gấp hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc theo em tờ giấy hình vuông được gọi là dữ liệu vào hay dữ liệu ra? Hình gấp trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc được gọi là dữ liệu vào hay dữ liệu ra?

Câu 2: Từ đó em hãy cho biết các thành phần cơ bản của thuật toán?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhóm đôi và trả lời câu hỏi của GV.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trả lời. HS khác nhận xét ý kiến của bạn và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

Câu 1: Trong thuật toán trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc

- Tờ giấy hình vuông được gọi là dữ liệu đầu vào (Input)

- Hình gấp trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc được gọi là dữ liệu đầu ra (Output).

Câu 2: Các thành phần cơ bản của 1 thuật toán là:

- Các thuật toán gồm 2 thành phần chính: Các thông tin đầu vào (Input) và các thông tin đầu ra (Output)

+ Đầu vào của thuật toán là các dữ liệu ban đầu.

+ Đầu ra của thuật toán là kết quả nhận được sau khi thực hiện các bước của thuật toán.

2.2. Mô tả thuật toán

a. Mục tiêu: HS biết được các cách mô tả thuật toán, mô tả thuật toán bằng sơ đồ khối.

b. Nội dung: Yêu cầu của GV, các nội dung kết luận.

c. Sản phẩm: Hs trả lời câu hỏi của GV đưa ra.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu câu hỏi yêu cầu hs trả lời

Câu 1: Ngoài cách trình bày thuật toán bằng ngôn ngữ tự nhiên trên, em còn biết cách nào khác không? Cách đó có hiệu quả không? Vì sao?

Câu 2: Em hãy mô tả lại cách gấp hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc theo cách đó?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhóm và trả lời câu hỏi của GV.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trả lời. HS khác nhận xét ý kiến của bạn và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

+ Có hai cách để mô tả thuật toán là liệt kê các bước bằng ngôn ngữ tự nhiên và sử dụng sơ đồ khối.

+ Sơ đồ khối của thuật toán là một sơ đồ gồm các hình mô tả các bước và đường có mũi tên để chỉ hướng thực hiện.

Quy ước



3. Hoạt động 3. Luyện tập

a. Mục tiêu: Khắc sâu kiến thức đã học ôn tập lại các khái niệm thuật toán, xác định đầu vào, đầu ra của thuật toán.

- Nêu được ví dụ thuật toán.

b. Nội dung: Phiếu giao số 2 và bài báo cáo của các nhóm.

c. Sản phẩm: Hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 2.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu phiếu giao nhiệm vụ số 2, và cho các nhóm trình bày kết quả phiếu giao nhiệm vụ của nhóm.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 2 Nhóm....
Tình huống: Năm nay An 11 tuổi. Mẹ bạn An là điều dưỡng trong một bệnh viện tỉnh. Bố là bộ đội biên phòng công tác ngoài đảo Trường Sa. Thường ngày công việc cơm nước luôn là mẹ An chăm lo cho 2 anh em. Nhưng hiện nay công việc của mẹ bận nên mẹ thường xuyên vắng nhà. Vì vậy chuyện nấu cơm đối với bạn An là điều quá khó khăn. Các em hãy giúp bạn An bằng cách trình bày các bước nấu cơm. Đáp án
Câu hỏi: Hãy xác định đầu vào, đầu ra của thuật toán “Nấu cơm”?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Giải quyết tình huống và hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 2.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm trình bày vấn đề xử lý tình huống. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học. Từ đó, lấy được ví dụ về tầm quan trọng của thuật toán.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

4. Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức được hình thành giải quyết được các yêu cầu của phiếu giao nhiệm vụ.

* Lưu ý: Nếu còn thời gian thì GV tiếp tục cho HS thực hiện nhiệm vụ ở phiếu học tập số 3. Còn không thì GV giao nhiệm đó cho HS về nhà thực hiện.

b. Nội dung: Phiếu giao nhiệm vụ, nội dung trình bày của học sinh.

c. Sản phẩm: HS thực hiện các yêu cầu của phiếu giao nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

GV trình bày phiếu nhiệm vụ số 3, các nhóm báo cáo kết quả đã thực hiện ở phiếu giao nhiệm vụ.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 3	
Nhóm...	
Câu 1: Bạn An đã sửa công thức làm kem sữa chua dưa hấu thành công thức làm kem sữa chua xoài như Hình 6.5. Phân hướng dẫn làm kem sữa chua xoài gồm 7 bước là 1 thuật toán. Em hãy xác định đầu vào, đầu ra của thuật toán làm sữa chua xoài. Đáp án	Kem sữa chua xoài Nguyên liệu Xoài: 250 g Sữa chua: 100 g Mật ong: 1 thìa cà phê Dụng cụ 1 tô to 4 khuôn làm kem Hướng dẫn ❶ Cho xoài vào tô. ❷ Nghiền nát xoài. ❸ Cho sữa chua và mật ong vào tô. ❹ Trộn đều hỗn hợp. ❺ Cho hỗn hợp vào khuôn làm kem. ❻ Đặt khuôn kem vào ngăn đá tủ lạnh trong thời gian ít nhất 4 tiếng. ❼ Lấy kem ra thưởng thức. <i>Hình 6.5. Công thức làm kem sữa chua xoài</i>
Câu 2: Em hãy nêu ví dụ về thuật toán giải quyết trong thực tế. Hãy xác định đầu vào, đầu ra của thuật toán mà em vừa nêu. Đáp án	

- Thực hiện nhiệm vụ: HS trình bày kết quả của nhóm.

- Báo cáo, thảo luận: GV cho HS trong nhóm trình bày, HS các nhóm khác nhận xét bài báo cáo của bạn và rút ra vấn đề.

- Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá vào phiếu đánh giá và kết luận.

Tuần: 31 (Tuần 32 KHGD)

Tiết: 31

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP HỌC KÌ II

Môn: Tin học lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Ôn tập các kiến thức về:

- Sơ đồ tư duy
- Định dạng văn bản
- Trình bày thông tin ở dạng bảng
- Thuật toán

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 10 đến bài 15
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời và ví dụ

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực A (NL_A):

- Sử dụng được các thiết bị vào của máy tính để thu nhận thông tin.
- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

Năng lực B (NL_B): Ứng xử phù hợp trong môi trường số.

Năng lực C (NL_C):

- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.
- Nhận biết được khái niệm thuật toán, một số ví dụ minh họa về thuật toán.
- Phân biệt được đầu vào, đầu ra của thuật toán, biết liệt kê các bước, sơ đồ khối.

Năng lực D (NL_D): Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.

Năng lực E (NLe): Năng lực hợp tác trong môi trường số.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- **Chăm chỉ:** miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- **Nhân ái:** Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

- **Trung thực:** Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

- **Trách nhiệm:** Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, câu hỏi ôn tập.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung ôn tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. **Mục tiêu:** Giúp HS hệ thống kiến thức từ bài 10 đến bài 15

b. **Nội dung:** Nghiên cứu nội dung bài cũ. Trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV chiếu câu hỏi sau đó, GV cho HS hoạt động nhóm đôi trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Để tạo sơ đồ tư duy em cần phải

A. tạo nhánh từ các chủ đề phụ.

B. tạo nhánh từ các chủ đề chính.

C. thêm từ khóa, tạo các nhánh và chọn màu khác nhau.

D. xác định chủ đề chính, tạo nhánh, thêm từ khóa và chọn màu khác nhau.

Câu 2. Nút lệnh trên thanh công cụ định dạng dùng để chọn

A. màu chữ.

B. kiểu chữ.

C. màu nền.

D. kiểu nền.

Câu 3. Muốn tăng mức thụt lề trái, em sử dụng nút lệnh nào?

A. 

B. 

C. 

D. 

Câu 4. Nút lệnh nào để căn lề phải cho văn bản?

A. 

B. 

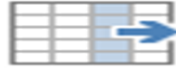
C. 

D. 

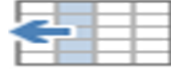
Câu 5. Để chèn thêm cột vào phía bên trái cột đã chọn, em chọn nút lệnh nào?



A. Insert Above



B. Insert Right



C. Insert Left



D. Insert Below

Câu 6. Muốn giảm mức thụt lề trái, em sử dụng nút lệnh nào?



A.



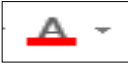
B.



C.



D.

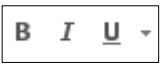
Câu 7. Nút lệnh  trên thanh công cụ định dạng dùng để chọn

A. màu chữ.

B. cỡ chữ.

C. phong chữ.

D. kiểu chữ.

Câu 8. Nút lệnh  trên thanh công cụ định dạng dùng để chọn

A. màu chữ.

B. cỡ chữ.

C. kiểu chữ.

D. phong chữ.

Câu 9. Trong các ví dụ sau, đâu là thuật toán

A. một dãy các bước hướng dẫn nấu mì.

B. một bài hát mang âm điệu dân gian.

C. một bài văn tả cảnh hoàng hôn ở biển.

D. một bản nhạc tình ca.

Câu 10. Thuật toán có thể được mô tả bằng

A. Ngôn ngữ viết.

B. Ngôn ngữ tự nhiên và sơ đồ khối.

C. Ngôn ngữ kí hiệu.

D. Ngôn ngữ logic toán học.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, quan sát, các HS trả lời và bổ sung.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV quan sát, phân tích, đánh giá kết quả.

+ GV liên hệ kết quả đạt được dẫn dắt vào nội dung tiếp theo.

2. Hoạt động 2: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh dựa vào nội dung đã học vẽ được sơ đồ khối mô tả thuật toán.

b. Nội dung: Học sinh nắm được các quy ước vẽ sơ đồ khối và cách vẽ sơ đồ để mô tả các bài toán cụ thể.

c. Sản phẩm: sản phẩm của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh thực hiện hoạt động đọc và hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 1.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm:

Câu 1. Thuật toán là gì, Sơ đồ khối của thuật toán là gì?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Trình bày các quy ước khi vẽ sơ đồ khối?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Tìm đầu vào, đầu ra của thuật toán **tính hiệu** của hai số tự nhiên a và b?

.....

.....

.....

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 1.

- **Báo cáo, thảo luận:**

Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

Tuần 32 (Tuần 33 KHGD)

Tiết: 32

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn: Tin học lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Củng cố và kiểm tra kiến thức có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi từ bài 10 đến bài 15

Đối với HS khuyết tật:

- Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra (5 điểm)

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 10 đến bài 15

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thực hiện cá nhân để đưa ra câu trả lời.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- *Sử dụng* được các thiết bị vào của máy tính để thu nhận thông tin.

- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Hình thành được tư duy về mã hóa thông tin.

NLe: Hợp tác trong môi trường số

- Hợp tác trong môi trường số

- Có khả năng làm việc nhóm, hợp tác để tiếp thu kiến thức và hoàn thành các yêu cầu giáo viên.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn khi cần thiết.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Đề kiểm tra.

2. Học liệu:

Giáo viên: Ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra cuối kỳ II, đáp án, biểu điểm cụ thể.

Học sinh: Kiến thức, đồ dùng học tập.

III. TIỀN TRÌNH KIỂM TRA:

- Hình thức: TNKQ + Tự luận.

- Học sinh làm bài trên giấy.

Tuần: 34

Tiết: 33, 34 (Tiết 31, 34 KHGD)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

CHỦ ĐỀ 6. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH

BÀI 16: CÁC CẤU TRÚC ĐIỀU KHIỂN

Môn: Tin học. **Lớp:** 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Biết các cấu trúc:

+ Cấu trúc tuần tự

+ Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu và dạng đủ

+ Cấu trúc lặp

- Mô tả được thuật toán đơn giản có cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh (dạng thiếu và dạng đủ) và lặp dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.

*** Đối với HSKT: biết cấu trúc tuần tự, cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu và dạng đủ.**

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

Năng lực tự chủ, tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi về cấu trúc điều khiển.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS đưa ra thêm một số ví dụ về các cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh, lặp trong cuộc sống.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS có khả năng hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

Năng lực C (NLC): bước đầu có tư duy phân tích và điều khiển hệ thống:

- Nhận biết được ba cấu trúc điều khiển thuật toán: tuần tự, rẽ nhánh và lặp.
- Phân biệt được cấu trúc điều khiển: tuần tự, rẽ nhánh, lặp.
- Nêu được ví dụ minh họa của cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh, lặp.
- Mô tả được thuật toán đơn giản có các cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh, lặp dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cởi mở và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ, phiếu ghi kết quả thảo luận.

Học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: Câu hỏi của trò chơi đúng sai, kết quả thực hiện của nhóm.

c. Sản phẩm: kết quả trò chơi

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Mỗi đội chơi là 2 bạn.

- + Có 2 chủ đề lựa chọn: **SINH HỌC** và **TOÁN**
- + Mỗi chủ đề chứa các phiếu là các câu khẳng định, có thể là khẳng định đúng hoặc sai.
- + Trong thời gian 1 phút mỗi đội chơi được lựa chọn 1 chủ đề và bốc phiếu thuộc chủ đề mình lựa chọn.
- + Với mỗi phiếu lựa chọn đội chơi cần thực hiện:
 - Bạn số 1 đọc nội dung câu khẳng định.
 - Bạn số 2 trả lời bằng cách gật đầu hoặc lắc đầu.
- + Câu trả lời của mỗi lượt được ghi lại. Mỗi câu trả lời đúng nhận được 1 điểm. Đội nào giành được nhiều điểm hơn thì chiến thắng.

- **Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS quan sát và thực hiện hoạt động khám phá theo nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận:** Học sinh trong nhóm quan sát, thảo luận thực hiện yêu cầu của GV.

- **Kết luận, nhận định:** HS hoàn thành yêu cầu của GV. GV quan sát kết quả của các nhóm.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Cấu trúc tuần tự

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được cấu trúc tuần tự.
- Mô tả được thuật toán đơn giản có cấu trúc tuần tự dưới dạng liệt kê và sơ đồ khối.

b. Nội dung: Phiếu học tập số 1.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Câu 1. Các bước để nấu một nồi cơm

- + Bước 1: Đong gạo.
- + Bước 2: Vo gạo.
- + Bước 3: Đong nước.
- + Bước 4: Bật nút, cắm điện.

Câu 2.

- a. Không, vì nếu như bỏ bước 3 thì nồi cơm sẽ sũng vì không có nước.
- b. Không vì ta chưa có gạo để vo gạo.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV chuyển giao nhiệm vụ:** GV phát phiếu giao nhiệm vụ:

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 1

Nhóm....

Câu 1: Nêu các bước để nấu một nồi cơm?



.....
.....
.....
.....

Câu 2: Trong các bước nấu cơm ở trên, ta có thể nấu được 1 nồi cơm được hay không, nếu:

- a) Ta bỏ 1 trong 4 bước (ví dụ như bước 3)
- b) Đổi thứ tự các bước như bước 2 lên bước 1

Giải thích?

.....
.....
.....
.....

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận để trả lời nhiệm vụ 1.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho các nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá vào phiếu đánh giá và kết luận vấn đề.

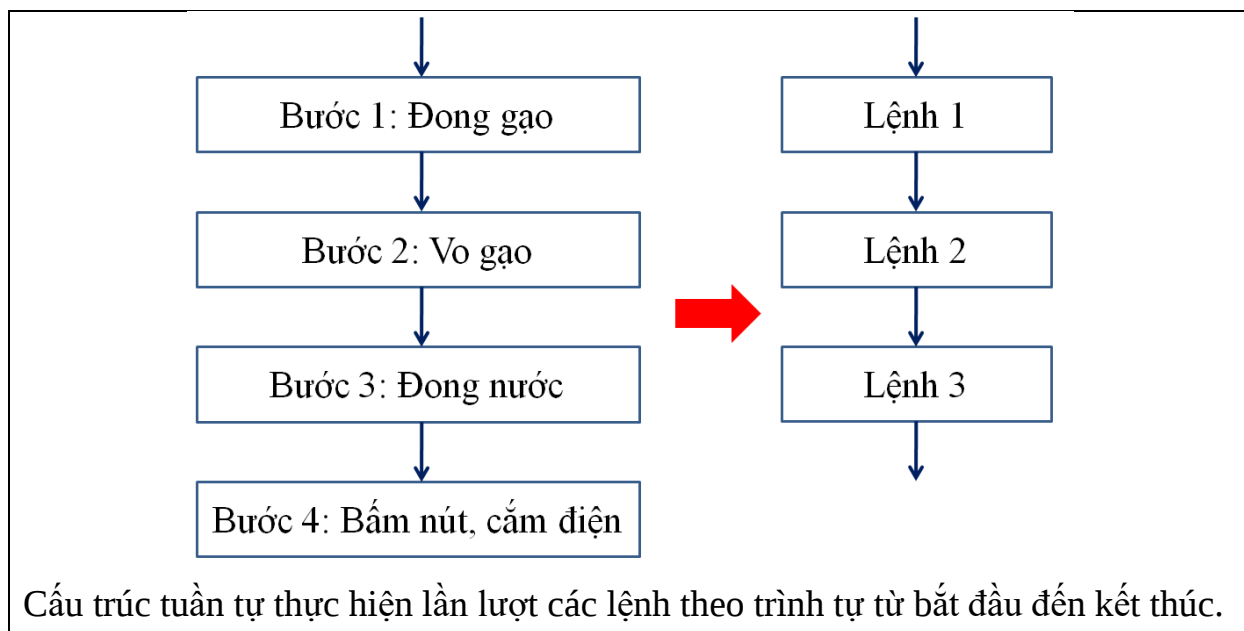
Như vậy, để nấu 1 nồi cơm ta phải thực hiện lần lượt từng bước từ bước 1 (bắt đầu) đến bước kết thúc, đó là một ví dụ cụ thể về cấu trúc tuần tự.

- GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ khối và chốt lại kiến thức trong sơ đồ khối.

- HS lắng nghe và ghi bài.

1. Cấu trúc tuần tự, cấu trúc rẽ nhánh:

a. Cấu trúc tuần tự:



*** Đối với HSKT: biết vẽ cấu trúc tuần tự vào vở**

Hoạt động 2.2: Cấu trúc rẽ nhánh.

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được cấu trúc rẽ nhánh
- Mô tả được thuật toán đơn giản có cấu trúc rẽ nhánh dưới dạng liệt kê và sơ đồ khối.

b. Nội dung: Yêu cầu của GV, các nội dung kết luận.

c. Sản phẩm: Hs trả lời câu hỏi của GV đưa ra.

Câu 1: Đường lên đỉnh Olympia, nhanh như chớp.

Câu 2: Trả lời đúng.

Câu 3: Đúng: lên 1 bậc

Sai: xuống về vị trí ban đầu.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV cho HS xem video trong 2' theo link:

https://drive.google.com/file/d/18yMqOKTVO8j0QGGduG_3Jmt7m2ekmJcy/view?usp=sharing và lần lượt trả lời các câu hỏi (1),(2),(3)

Câu 1: Trong video có trò chơi nào?

Câu 2: Trong phần khởi động của trò chơi, điều kiện để được cộng 10 điểm là gì?

Câu 3: Trò chơi nhanh như chớp, nêu hoạt động khi người chơi trả lời đúng và sai?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhóm đôi và trả lời câu hỏi của GV.

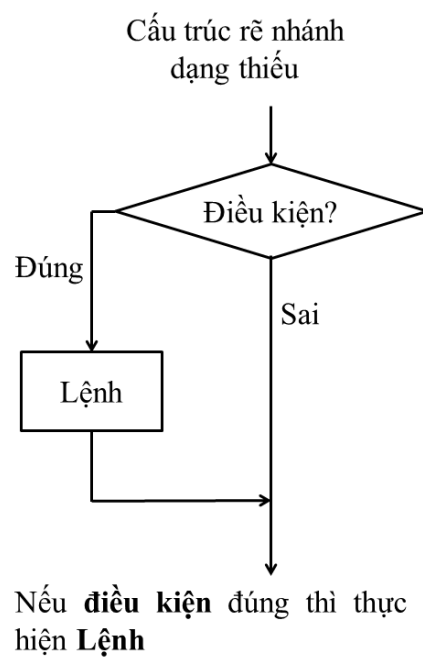
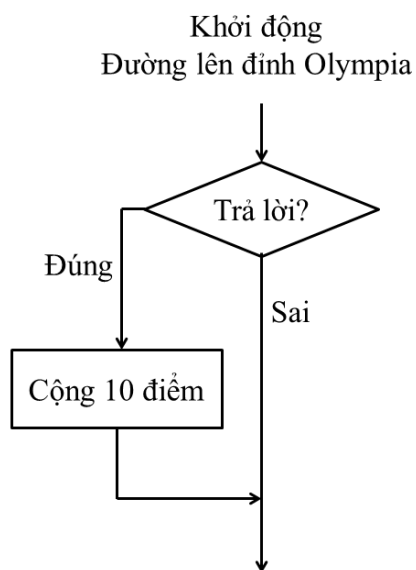
- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trả lời. HS khác nhận xét ý kiến của bạn và rút ra vấn đề.

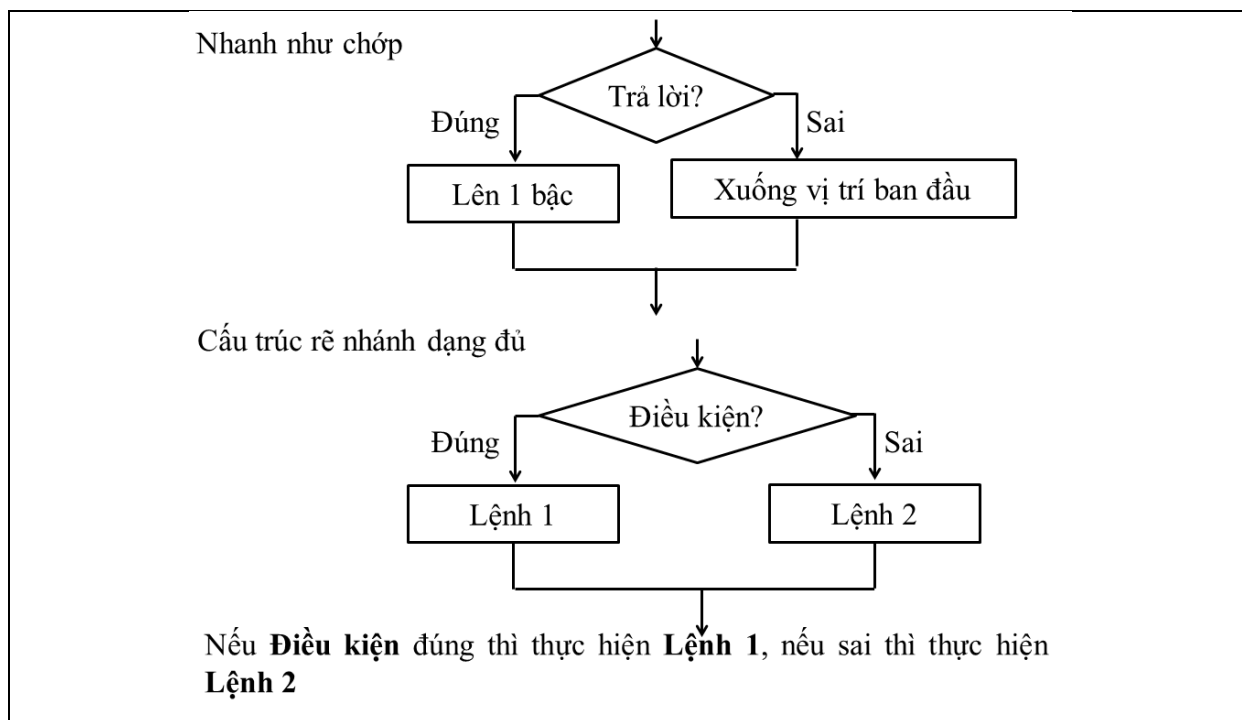
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ khối và chốt kiến thức trong hộp kiến thức về cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu, dạng đủ.

- HS lắng nghe và ghi bài.

b. Cấu trúc rẽ nhánh:





*** Đối với HSKT: biết vẽ cấu trúc rẽ nhánh vào vở**

Hoạt động 2.3: Cấu trúc lặp.

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được cấu trúc lặp.
- Mô tả được thuật toán đơn giản có cấu trúc lặp dưới dạng liệt kê và sơ đồ khối.

b. Nội dung: Yêu cầu của GV, các nội dung kết luận.

c. Sản phẩm: Hs trả lời câu hỏi của GV đưa ra.

Câu 1. Đọc câu hỏi, trả lời, nhận xét.

Câu 2. Hết thời gian quy định.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu câu hỏi yêu cầu hs trả lời

Câu 1: Trong phần chơi khởi động đường lên đỉnh Olympia ở video trên, hoạt động nào được lặp lại?

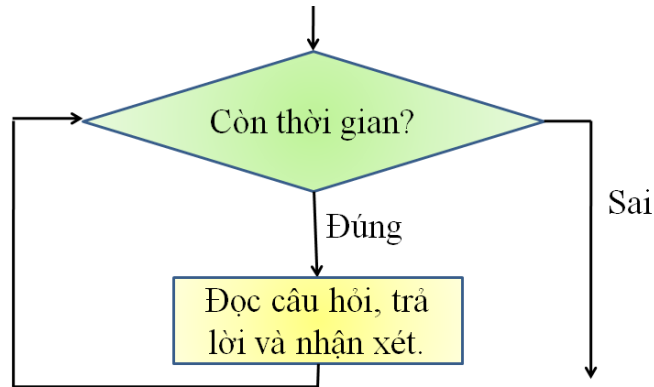
Câu 2: Điều kiện để dừng phần chơi khởi động của mỗi thí sinh là gì?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trả lời. HS khác nhận xét ý kiến của bạn và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ khối và chốt kiến thức trong hộp kiến thức về cấu trúc lặp. HS lắng nghe và ghi bài.



- Cấu trúc lặp dùng để mô tả các bước của thuật toán được thực hiện lặp lại nhiều lần.
- Trong cấu trúc lặp bao giờ cũng có bước kiểm tra điều kiện kết thúc quá trình lặp.
- Ba cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp là đủ để mô tả mọi thuật toán

3. Hoạt động 3. Luyện tập

a. Mục tiêu:

- Nêu lên được ví dụ trong cuộc sống thể hiện cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp.
- Mô tả được thuật toán đơn giản có cấu trúc điều khiển, rẽ nhánh và lặp dưới dạng sơ đồ khối.

b. Nội dung: Phiếu giao số 2 và báo cáo của các nhóm.

c. Sản phẩm: Hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 2.

1. Pha nước chanh	2. Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu
3. Đánh răng - B1: Lấy kem đánh răng vào bàn chải - B2: Lấy một cốc nước - B3: Đánh răng - B4: Lặp lại bước 3 cho đến khi răng sạch thì kết thúc - B5: súc miệng - B6: Lặp lại bước 5 cho đến khi miệng sạch thì dừng	4. a) Điều kiện để chú meo dừng lại là “chạm biên” b) Sơ đồ khối:

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu phiếu giao nhiệm vụ số 2, và cho các nhóm trình bày kết quả phiếu giao nhiệm vụ của nhóm.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 2

Nhóm....

1. Em hãy kể 1 công việc trong cuộc sống được thực hiện tuần tự theo các bước. Em hãy mô tả một công việc bằng sơ đồ khối.

Đáp án

.....

.....

.....

.....

.....

2. Câu “Nếu trời mưa thì em không đi đá bóng” có chứa cấu trúc nào? Em hãy mô tả câu này bằng sơ đồ khối.



.....

.....

.....

.....

3. Em hãy kể 1 công việc trong cuộc sống mà việc thực hiện gồm các bước được lặp lại nhiều lần. Hãy chỉ rõ hoạt động lặp đó.

.....

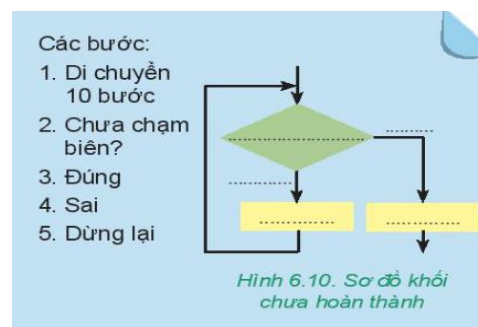
.....

.....

.....

.....

4. Bạn Khoa đang lập trình Scratch, Khoa muốn chú mèo di chuyển 10 bước một liên tục cho đến khi chạm biên thì dừng lại.



- **Thực hiện nhiệm vụ:** Thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ số 2.
- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận, thu phiếu học tập của các nhóm.

4. Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu:

- Mô tả được hoạt động thể hiện trong sơ đồ khối.
- củng cố được kiến thức trong bài qua trò chơi.

b. Nội dung: Phiếu giao nhiệm vụ, nội dung trình bày của học sinh.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

(1) Không đồng ý với ý kiến bạn An. Sửa lại nhận xét là:

- ✚ Hình 6.12a: Nếu đúng là chưa hiểu bài thì đọc lại sách, còn không thì làm bài tập. (Sơ đồ khối này thể hiện cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ).
- ✚ Hình 6.12b: Nếu chưa hiểu bài thì việc đọc lại sách được thực hiện nhiều lần cho đến khi hiểu bài thì thôi và làm bài tập. (Việc làm bài tập không phải thực hiện nhiều lần, mà chỉ thực hiện một lần sau khi đã hiểu bài.)
- ✚ Theo em trên thực tế, việc đọc lại sách 1 lần chưa chắc đã đảm bảo hiểu bài nên việc làm bài tập ta nên thực hiện theo sơ đồ 6.12b.

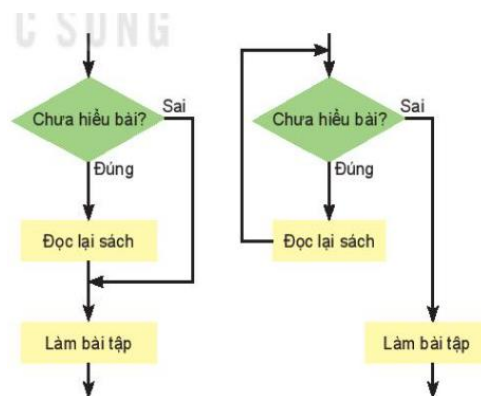
(2)

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	B	A	C

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ 1:** GV giao nhiệm vụ HS hoàn thành bài tập 1 phần vận dụng/70 SGK

(1) Bài tập vận dụng 1/70 SGK



Theo em trên thực tế, ta nên thực hiện việc làm bài tập theo sơ đồ 6.12a hay 6.12b giải thích?

- **Chuyển giao nhiệm vụ 2:** GV nêu luật chơi trò chơi ô số may mắn, trong vòng quay may mắn mời ngẫu nhiên lần lượt 4 bạn, lần lượt HS chọn ô số và trả lời.

Tuần: 35

Tiết: 35

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI: BÀI 17 - CHƯƠNG TRÌNH MÁY ÍNH

Môn: Tin học Lớp 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Biết được chương trình là mô tả một thuật toán để máy tính "hiểu".
- Thực hiện được chương trình trên máy tính

*** Đối với HSKT: Thực hiện được chương trình đơn giản trên máy tính**

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được các thuật toán.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Góp phần rèn luyện kỹ năng cộng tác, giao tiếp và thuyết trình (thông qua các hoạt động nhóm).

2.2. Năng lực Tin học

NLa: Học sinh được hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

- **Chăm chỉ:** miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- **Nhân ái:** Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.
- **Trung thực:** Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.
- **Trách nhiệm:** Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. **Học liệu:**

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phòng máy, sgk, chuẩn bị một số bức tranh đơn giản vẽ đồ vật hoa quả..., cài đặt phần mềm lập trình trực quan Scratch trên máy tính để học sinh thực hành.

Học sinh: SGK, bảng nhóm, tìm hiểu nội dung bài mới,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp học sinh rèn luyện kỹ năng mô tả thuật toán bằng ngôn ngữ tự nhiên. Tạo tình huống để giáo viên dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: GV giới thiệu mục đích, yêu cầu và tiến trình của HĐ trước toàn lớp. HS thực hiện hoạt động trò chơi (mỗi nhóm chọn 2 HS chơi và 1 HS bấm thời gian)

c. Sản phẩm: Học sinh 2 hoàn thành được các chỉ dẫn của học sinh 1 để hoàn thành bức tranh.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

Chia nhóm, mỗi nhóm có một 1 cặp chơi. Mỗi cặp chơi bốc phiếu chọn một bức tranh đơn giản.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS 1 đưa ra các chỉ dẫn để HS 2 vẽ tranh. Các nhóm cùng thực hiện trò chơi trong cùng khoảng thời gian 3 phút.

- **Báo cáo, thảo luận:** Nhóm nào hoàn thành chính xác trước tiên được tuyên dương trước lớp.

- **Kết luận, nhận định:**

Từ kết quả của các nhóm, GV cho học sinh đánh giá nhận xét, đặt ra tình huống vào kiến thức mới.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức

* Hoạt động 2.1: Thực hiện thuật toán

a. Mục tiêu: Từ hoạt động trải nghiệm của phần khởi động, HS thảo luận để hiểu được ngôn ngữ lập trình được dùng để mô tả thuật toán cho máy tính “hiểu” và thực hiện.

b. Nội dung: GV nhấn mạnh lại nội dung của phần khởi động để HS hiểu được tình huống, sau đó nêu mục đích, yêu cầu của hoạt động thảo luận.

c. Sản phẩm: Kết quả phiếu học tập số 1.

Câu 1. Nếu thuật toán chuyển giao cho máy tính thực hiện thì cần sử dụng ngôn ngữ mà máy tính có thể hiểu và thực hiện được. Ngôn ngữ đó là ngôn ngữ lập trình.

Câu 2.

<i>Công việc</i>	<i>Mô tả thuật toán bằng ngôn ngữ tự nhiên</i>	<i>Chương trình máy tính viết bằng Scratch ghi số thứ tự của câu lệnh</i>
<i>Đầu vào</i>	<i>Nhập hai số a, b</i>	<i>1,2,3,4,5,6,7</i>
<i>Bước xử lý</i>	<i>Tổng $\leq a + b$</i>	<i>7</i>
<i>Đầu ra</i>	<i>Thông báo giá trị tính tổng</i>	<i>8</i>

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:**

HS thảo luận nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 HS, thực hiện Phiếu học tập số 1 trong 4 phút/phiếu.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Nhóm:.....	
Câu 1. Nếu thuật toán chuyển giao cho máy tính thực hiện thì theo em làm thế nào để máy tính có thể hiểu và thực hiện được?	
.....	
.....	
.....	
.....	

.....		
Câu 2. Dựa vào chương trình tính tổng hai số ở hình 6.13, em hãy bổ sung nội dung vào các dấu hỏi chấm trong bảng sau?		
Công việc	Mô tả thuật toán bằng ngôn ngữ tự nhiên	Chương trình máy tính viết bằng Scratch ghi số thứ tự của câu lệnh
Đầu vào	?	?
Bước xử lí	?	?
Đầu ra	?	?

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh thảo luận nhóm hoạt động dựa vào tài liệu SGK dưới sự giám sát trợ giúp của giáo viên và các bạn trong lớp.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện các nhóm báo cáo, nhóm khác bổ sung ý kiến

- **Kết luận, nhận định:** GV quan sát, nhận xét, chốt lại.

+ Máy tính thực hiện công việc theo chương trình.

+ Chương trình máy tính là một cách mô tả thuật toán để máy tính “hiểu” và thực hiện được.

+ Chương trình dựa trên các dữ liệu đầu vào, tiến hành các bước xử lí để trả lại kết quả đầu ra.

*** Hoạt động 2.2: Thực hành: Tạo chương trình máy tính**

a. Mục tiêu: Giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ được giao là thông hiểu được cách thức mô tả thuật toán giải quyết yêu cầu bằng sơ đồ khối và chương trình Scratch.

b. Nội dung: Mô tả thuật toán giải quyết yêu cầu bằng sơ đồ khối và chương trình Scratch

c. Sản phẩm: Học sinh trình bày được thuật toán bằng sơ đồ khối và Hoàn thành được chương trình Scratch tính toán tiền bán thiệp

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:

+ Nhận nhiệm vụ được GV giao (nội dung nhiệm vụ trong SGK)

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ GV hướng dẫn thực hiện các bước theo hướng dẫn thực hành trong SGK.

+ HS Xác định rõ được nhiệm vụ của mình: mô tả thuật toán bằng sơ đồ khối và chương trình Scratch. Tiến hành thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, hoàn thành chương trình trên máy tính

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày mô tả thuật toán trên bảng trước lớp, chương trình hoàn thành trên máy tính.

- **Kết luận, nhận định:** GV cho HS các nhóm nhận xét, bổ sung về thuật toán. GV đánh giá kết quả của từng nhóm.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Thực hiện các tính toán điểm trung bình ba môn Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh.

b. Nội dung: Thực hành xác định được đầu vào điểm số ba môn Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, sau đó tính toán kết quả để tính điểm trung bình của ba môn .

c. Sản phẩm học tập: Kết quả thực hiện tính toán điểm trung bình ba môn Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, để xem xét xem HS được thưởng ngôi sao hay cần cố gắng hơn.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu học sinh hoạt động nhóm bàn kết hợp quan sát Thực hiện các tính toán điểm trung bình ba môn Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh. Kết quả thực hiện tính toán điểm trung bình ba môn Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, để xem xét xem HS được thưởng ngôi sao hay cần cố gắng hơn

*** Đối với HSKT: thực hiện chương trình tính tổng 2 số a và b trên máy tính**

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm kết hợp với SGK, sau đó thực hành.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện các nhóm báo cáo, sau đó thực hành nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

- **Kết luận, nhận định:** GV quan sát, nhận xét, chốt lại.

Dự kiến sản phẩm:

1. Câu c sai

2.

a, Chương trình Thực hiện các tính toán điểm trung bình ba môn Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh. Kết quả thực hiện tính toán điểm trung bình ba môn Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, để xem xét xem HS được thưởng ngôi sao hay cần cố gắng hơn.

b, Đầu vào: ba số a,b,c (a là điểm Toán, b là điểm Ngữ Văn, c là điểm Tiếng Anh).

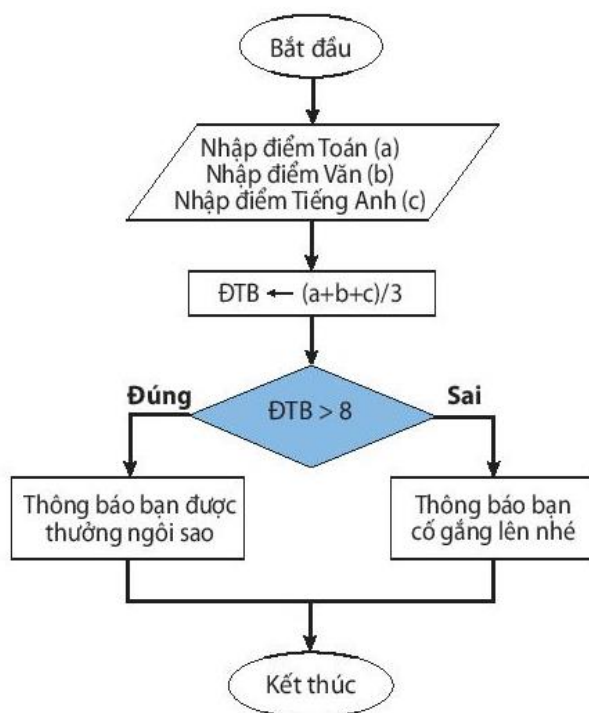
Đầu ra: thông báo “bạn được thưởng sao” hay “bạn cố gắng lên nhé”.

c, ví dụ:

- HS 1 có điểm Toán 9, Văn 8, Anh Văn 10. Khi đó dữ liệu đầu vào là a=9, b=8, c=10, chương trình tính ĐTB = $(9+8+10)/3=9$, vì ĐTB > 8 nên đầu ra chương trình thông báo “bạn được thưởng sao”.

- HS 2 có điểm Toán 7, Văn 6, Anh Văn 8. Khi đó dữ liệu đầu vào là $a=7$, $b=6$, $c=8$, chương trình tính $\text{ĐTB} = (7+6+8)/3=7$, vì $\text{ĐTB} < 8$ nên đầu ra chương trình thông báo “bạn cố gắng lên nhé”.

d, sơ đồ khối



4. Hoạt động 4: vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức để mô tả thuật toán bằng sơ đồ khối và chương trình Scratch (thuật toán tìm số lớn hơn trong hai số a và b ; thuật toán tính trung bình cộng của ba số).

b. Nội dung: GV nêu các câu hỏi phần vận dụng để học sinh trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các HS

d. Tổ chức thực hiện: Giáo viên đưa ra câu hỏi, các HS thảo luận để đưa ra câu trả lời.

* Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời phiếu học tập số 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2	
Nhóm:.....	
Câu1. Hãy vẽ sơ đồ khối mô tả thuật toán tìm số lớn hơn trong hai số a và b .	
Câu 2. Từ sơ đồ khối, hãy viết chương trình Scratch thực hiện thuật toán trên.	
.....	
.....	

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Hãy vẽ sơ đồ khối mô tả thuật toán tính trung bình cộng của ba số a,b,c.

Câu 4. Từ sơ đồ khối, hãy viết chương trình Scratch thực hiện thuật toán trên.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận nhóm.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Đại diện các nhóm báo cáo, nhóm khác bổ sung ý kiến

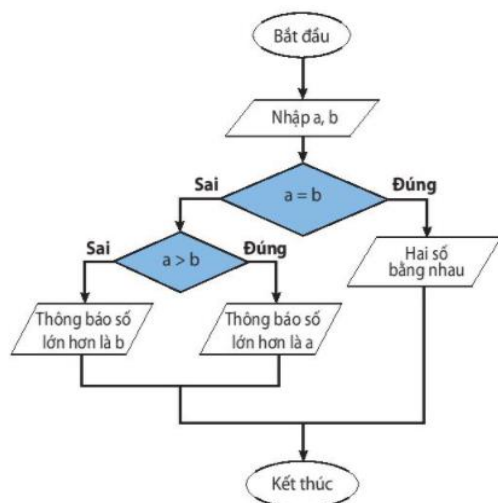
Nhận xét, đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của hs.

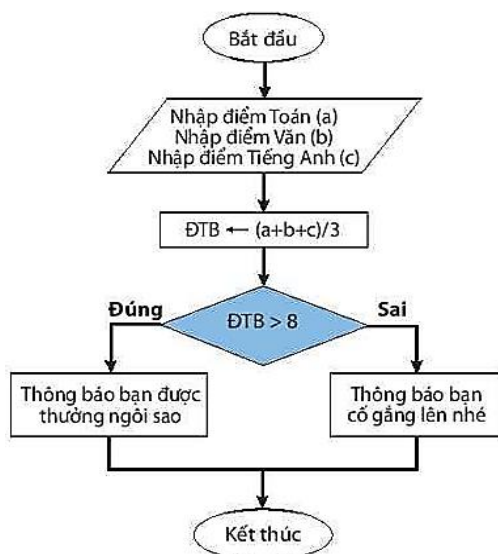
- GV tổng kết đánh giá hoạt động của các nhóm.

Sản phẩm dự kiến:

1. Thuật toán lớn hơn trong hai số a,b

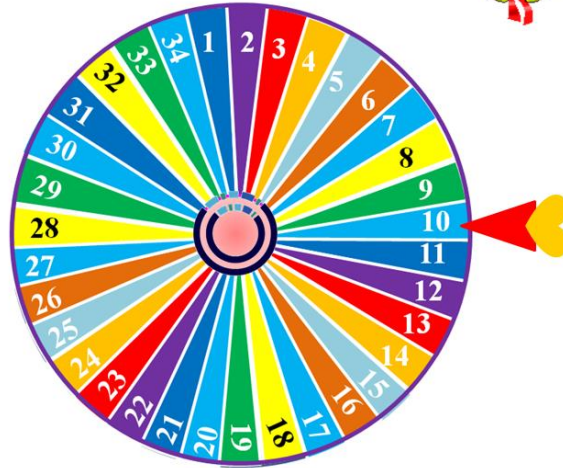
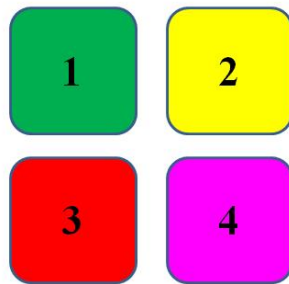


2. Thuật toán tính trung bình của ba số





Ô SỐ MAY MẮN



QUAY



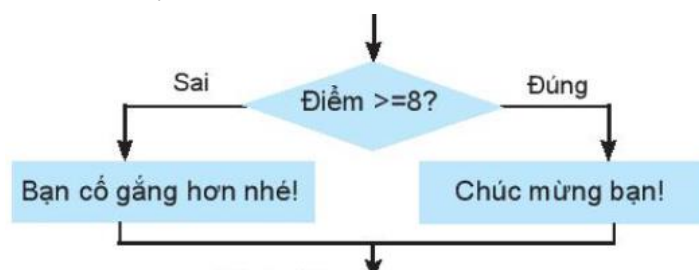
Câu 1: Ba cấu trúc điều khiển cơ bản để mô tả thuật toán là gì?

- A. Tuần tự, rẽ nhánh và lặp.
- B. Tuần tự, rẽ nhánh và gán.
- C. Rẽ nhánh, lặp và gán.
- D. Tuần tự, lặp và gán.

Câu 2: Cấu trúc tuần tự là gì?

- A. Là cấu trúc xác định thứ tự dữ liệu được lưu trữ.
- B. Là cấu trúc xác định thứ tự các bước được thực hiện.
- C. Là cấu trúc lựa chọn bước thực hiện tiếp theo.
- D. Là cấu trúc xác định số lần lặp lại một số bước của thuật toán.

Câu 3: Sơ đồ khối sau thể hiện cấu trúc điều khiển nào?



- A. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.
- B. Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.
- C. Cấu trúc lặp.
- D. Cấu trúc tuần tự.

Câu 4: Thuật toán thực hiện công việc rửa rau được mô tả bằng cách liệt kê các bước như sau:

- ① Cho rau vào chậu và xả nước ngập rau.
- ② Dùng tay đảo rau trong chậu.
- ③ Vớt rau ra rổ, đổ hết nước trong chậu đi.
- ④ Lặp lại bước ① đến bước ③ cho đến khi rau sạch thì kết thúc.

Điều kiện để dừng việc rửa rau là gì?

A. Vớt rau ra rổ.

B. Đổ hết nước trong chậu đi.

C. Rau sạch

D. Rau ở trong chậu.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm 2 HS trả lời ý nghĩa từng sơ đồ khối và câu hỏi.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trong nhóm trình bày, HS các nhóm khác nhận xét bài báo cáo của bạn và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá vào phiếu đánh giá và kết luận.